

THẤT THÁNH TÀI

THẤT THÁNH TÀI

Hôm nay ngày 5 tháng 2 năm 1998, tại Tự Viện Linh Sơn Paris, sau khi đại chúng dùng điểm tâm, Hòa Thượng khai thị nhân vì một nhân duyên sau đây.

Trong ban Hương Đăng, có vị xin Hòa thượng cùng đại chúng được ra ngoài học tiếng Pháp với lý do tăng hiệu năng làm đạo của cô, hầu phụng sự Phật pháp. Điều này đã được Hòa Thượng cùng đại chúng hứa khả.

Nhân sự kiện trên Hòa thượng dạy rằng, dù học ở ngoài hay trong Tự Viện, thứ Bảy và Chúa Nhật hãy tận tâm tận lực làm việc độ sanh. Đó là trưởng dưỡng công đức lành. Người tu chỉ có một niệm duy nhất là phụng sự chánh pháp, phục vụ chúng sanh. Ngoài niệm đó ra việc học trở nên vô nghĩa. Nếu học để mình giỏi hơn người, để cái ngã tướng, nhân tướng hiện lên thì thật vô ích. Hãy chuyển cái học đời thành cái học đạo, học tìm chơn lý.

Bốn phận cao cả nhất của người tu Phật là

"hoàng dương chánh pháp, tục Phật huệ mạng", là tiếp nối và di truyền hạt giống Phật, để ngôi Tam Bảo trường tồn bất biến. Để làm được việc trên, tịnh tài hay thất thánh tài là nhu cầu hàng đầu. Đây là sự thật, dù sự thật có vẻ khó nghe, vì tu hành có ai nói đến tiền bạc bao giờ.

Trong chùa có nhiều ban ngành, như ban Hương Đăng, ban Tiếp Tân, ngành Phát Hành, Ấn Loát v.v... Nếu ai cũng có nhiệt huyết với đạo, với ông Phật của mình, thì ai cũng có thể tạo được tịnh tài cho chùa, cho đạo. Nên nhớ rằng tịnh tài kiếm được là để cho ngôi Tam Bảo, chứ đừng khởi niệm thủ lợi riêng tư cho cái thân tứ đại này hay một sự tự kỷ nào. Làm như vậy yếu lắm ! sẽ đi đến chỗ tạo nghiệp xấu ác.

Trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo có Thất Giác Chi hay Thất Bồ Đề Phần. Có vị tổ dịch là Thất Thánh Tài, nghĩa là ‘bảy của quý’ để làm nên quả thánh. Tiền bạc dù là của riêng mình làm ra hay là của ông bà để lại thì cũng phải chuyển nó thành thất thánh tài sau khi mình xuất gia. Đó là điểm cần ghi nhớ, không thôi tu không tiến, không đạt đạo. Tiền của rất nguy

hiểm cho người tu. Ngoài đời có câu "tiền tài như nghĩa tiệt". Trong đạo, vị nào tu mà cứ lo để ý đến tiền bạc thì không bao giờ giải thoát, hay không bao giờ hành đạo đúng đắn được. Thế cho nên trong ngũ dục lạc, chữ 'tài' đứng đầu rồi mới tới 'sắc, danh...'.

Giờ đây, các vị hãy tĩnh tâm lắng nghe, thầy sẽ vì quý vị nói về Thất Thánh Tài. Trong Thất Thánh Tài, Trạch Pháp là pháp đứng đầu. Khi hành đạo, mình thử nghiệm xét xem ngành nào đối với khả năng của mình có thể đem lợi ích đến cho đạo nhiều nhất. Thầy lấy ví dụ cụ thể, nói bóng nói gió sợ quý vị không hiểu thấu. Như chùa chúng ta có trường hợp đặc biệt, đó là sự kiện Phật tử người Hoa viếng chùa thường xuyên. Người Hoa rất sùng đạo, họ cũng lễ bái, họ cũng cúng dường Tam Bảo. Nhưng nếu có người khai thông được sự trở ngại về ngôn ngữ, giảng giải Phật pháp cho họ nghe. Nhờ vậy, dần dần họ thấm nhuần đạo pháp, tín tâm tăng trưởng, và cũng vì đó mà phát tâm đồng mãnh hơn trong sự việc phụng sự ngôi Tam Bảo, lợi lạc vô cùng. Vậy ai có khả năng ngôn ngữ nên chọn đó làm

pháp môn tu chính.

Ví dụ thứ hai là trường hợp người có năng khiếu nói chuyện, giảng pháp, có khả năng tiếp khách giỏi. Một khi tiếp người Phật tử đó rồi, họ liền phát tâm bồ đề, thì vị đó nên phát triển năng khiếu của mình, lợi lạc cho Tam Bảo, cho chúng sanh rất nhiều. Khi hành sự, quý vị hãy đem tâm sáng suốt, tâm bồ đề mà hành, chớ đừng làm với tâm phiền não, quý vị phải nhớ kỹ điều đó. Đây là thầy chỉ cho pháp hành Tối thượng thừa, hãy để hết tâm trí mà nghe, mà nhận định.

Khi trạch pháp xong rồi, nhận thấy mình, người lợi lạc, thì phải tinh tấn. Trạch pháp tinh tấn là vậy. Nói theo danh từ thế gian ta gọi là "yêu nghề tinh tấn", ròng rạc một mặt tiến tới, không bao giờ giải đãi.

Trong khi làm, luôn phát tâm hỷ lạc. Tâm hỷ là một trong bốn vô lượng tâm. Đã vô lượng thì không nên làm với tâm phiền não, bực bội, hơn thua, những tâm niệm đó đốt hết rừng công đức mà mình đã gia công bồi đắp bao năm qua.

Kế đó là giữ cho tâm luôn được khinh an trong khi làm việc đạo. Tâm khinh an là tâm nhẹ nhàng, tựa như lông hồng, như lá mùa thu. Trong khi làm nhiệm vụ hương đăng, tri khách, ẩm thực, chớ để một chút gì nặng nề trong tâm hồn, nhớ được đều đó, tâm tức khinh an.

Sau Trạch Pháp, Tinh Tấn, Hỷ Lạc và Khinh An là Chánh Niệm. Làm gì cũng vậy, luôn luôn giữ chánh niệm, niệm việc mình đang làm cho đúng, cho kết quả, chớ đừng nghĩ rằng làm thế rồi chiều được thầy khen, được Phật khen, được chúng khen. Nghĩ thế thật không phải, vì còn niệm nhân quả. Phải niệm như thế này, việc mình làm là muốn cho Phật pháp trường tồn, khi Phật pháp trường tồn thì nhơn sinh mới an lạc. Nếu Phật pháp không trường tồn thì nhơn sinh nương tựa vào đâu mà tu tiến. Đó là Chánh Niệm.

Niệm chánh mới sanh định, định là giữ cho tâm kiên định luôn luôn. Tâm không xao xuyên khi bị tám thứ gió (lợi, suy, hỷ, dự, xưng, cơ, khổ, lạc) thổi đến. Dầu mình thu rất nhiều, nhiều đến nỗi người ta cúng vàng, cúng ngọc v.v... tâm

vẫn an tịnh, không một chút lay động. Làm được vậy không phải dễ. Đồng tiền có mãnh lực kinh hồn. Thánh nhơn có dạy "kiến tài ám nhĩ", thấy của cải nhiều quá lòng tham nổi lên, rồi sanh tâm này, nọ, thế kia. Do đó, phải giữ tâm cho định, một khi tâm định thì tâm vọng không còn, tức phát sanh trí tuệ.

Thánh tài cuối cùng là Xả. Trạch Pháp, Tinh Tấn, Hỷ, Khinh An, Niệm, Định và Xả. Hãy nghĩ rằng mình chưa làm được việc gì, đó là Xả. Xem như trong đời chưa tu được công đức gì, chưa làm được gì cho pháp thân. Xả để mà làm chớ không phải xả để mà bỏ, thì Phật giai quyết định khả thành, quả Phật chắc chắn đạt được.

Phật là giác ngộ, và khi ta luôn luôn làm trong tỉnh thức, trong chánh định thì cũng gọi đó là Phật. Nhớ hành những pháp môn đó, sự tu sẽ được hanh thông, không chuyện gì rắc rối đến với ta. Nhất tâm mà làm, làm với tâm sáng suốt, giác ngộ, giải thoát. Đừng thềm làm với tâm chúng sanh, tâm phiền não thì việc gì cũng thành công. Còn nếu làm với tâm chúng sanh thì hoặc

là tâm chúng ta lênh bênh đứng một chỗ, hoặc là đi xuống. Tất cả đều do tâm. Nếu tâm sáng suốt nhẹ nhàng thì mọi sự đều đúng, hãy nhớ lấy điều đó mà tiến tu. Nếu đại chúng hiểu được điều đó thì thầy nghĩ không có gì khó hết. Khổ nổi, hễ tu học lên được trụ trì rồi, hay làm được một chút gì trong đạo thì lúc bấy giờ cứ gom góp, rồi lo chuyện riêng tư. Mà trong Phật pháp làm gì có việc riêng tư, ngay cả thân này còn phải dẹp nữa là. Con người ai mà chẳng bệnh, ai mà chẳng chết, khi cái bệnh cái chết đến thì có gì đâu phải lo phải cứu. Chuyện bệnh chết có đáng để chúng ta quan tâm không? Tại sao người tu lại đặt nặng chuyện bệnh chuyện chết, nghĩa là sợ bệnh sợ chết rồi kiếm tiền để thủ, rồi chắc là không bệnh không chết sao! Chư Phật và chư tổ xưa kia có vậy không? Chẳng những không vậy mà còn phải hành khổ hạnh nữa. Như:

Lục niên khổ hạnh, Thích Ca tôn,
Ca Diếp hân hoan, diệu lý chơn.
Tùng thủ Linh Sơn đặng bỉ ngạn,
Nhứt chi ngũ điệp lợi nhơn thiên.

Tạm dịch :

Sáu năm khổ hạnh, Phật Thích Ca.
Ca Diếp hân hoan, chơn diệu lý.
Tùng núi Linh Sơn qua bờ giác,
Một cây năm nhánh, lợi nhơn thiên.

Luôn nghi nhớ câu "tăng vô nhứt vật". Đây không có nghĩa là làm tăng sĩ không có quyền giữ một vật gì cả. Hiểu như thế còn thấp lắm. Ta nên hiểu một khi tâm thanh tịnh trong sáng, không một vật gì làm ta vướng bận, mặc dù ta có tất cả, có rất nhiều, nhưng không bao giờ móng tâm tưởng nghĩ đến những sở hữu đó. Thế mới gọi là tăng vô nhứt vật. Tất cả những gì về tu học, hành đạo đều phải gắng như vậy đó, gắng mà hiểu cho đúng lý và hành cho đúng lý.

-----*-----

ỨNG PHÓ ĐẠO TRÀNG

ỨNG PHÓ ĐẠO TRÀNG

Hôm nay ngày 14 tháng 2 năm 1998, sau

lời niệm Tú Hoàng Thệ Nguyệt, Hòa Thượng đã có vài lời giáo huấn đại chúng, nhân chuyến đi hành lễ Thánh Thất Cao Đài vừa qua, như sau:

Có những Phật tử một mực hết lòng, bỏ công bỏ của lo Phật sự cho chùa. Với những người như thế, chúng tăng ni phải tận tình lo cho họ khi gia đình họ hữu sự. Còn đối với những ai muốn dùng tài sản chùa cho việc riêng tư thì phải thẳng thắn cự tuyệt. Nói tuy đơn giản, nhưng thấu triệt phương cách hành sự thật không dễ. Ta phải học, học rồi phải tu, không học không tu, không giải quyết được vấn đề. Thế nên học luật cũng vậy, phải hiểu rõ khái niệm về "khai, giá, trì, phạm, danh, chủng, tánh và tướng" của Luật. Việc gì nên làm, việc gì không nên làm, pháp nào nên tu, pháp nào không nên tu. Tuy trong luật Phật dạy như thế, nhưng luôn có những ngoại lệ. Đời nào cũng vậy, quốc độ nào cũng vậy, cái ngoại lệ này ta phải dùng trí Bát Nhã để xét soi, phải nhìn xuyên suốt khía cạnh tương đối của vấn đề. Ví dụ như trước cảnh nghèo túng ta vì lòng trắc ẩn muốn giúp đỡ, nhưng đứng ở một góc độ khác, thì nó sai trật. Cho nên lòng từ bi

phải có trí tuệ. Bi trí song toàn. Nhưng khi làm, ta phải đi đến chỗ không còn thấy Bi Trí, đó mới thật là Bi Trí. Đương khi làm mà thấy có Bi Trí thì chưa đạt đạo. Hiểu được thế, quá trình tu hành sẽ giảm được vô số kiếp, bằng không tu hoài vẫn không đạt đạo. Bằng hiểu được liền "bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân", không cần phải trải qua nhiều kiếp số mới được pháp thân. Tất cả đều do trí hóa của mình. Nếu quý vị học trong kinh, trong luật, trong luận mà không dùng trí hóa, thì chẳng qua chấp thuốc thành bệnh, hành một đời trở thành tâm bệnh. Chính chỗ đó rất quan trọng, không phải ở chỗ học hay hành sự. Thầy không dạy người khác cũng dạy được, nhưng không chỉ dẫn được cái rốt ráo đó. Hành đạo phải cho thông, mà thông cái gì? Thông cái hành sự hằng ngày của mình. Cái đi, cái đứng, cái nằm, cái ngồi, cái ăn, cái nói, sự lý viên dung, tánh tướng rõ ràng. Người như thế thì dễ vào đạo, nghe một câu bỗng nhiên khai ngộ, rỗng rang tâm hồn.

Hằng ngày quý vị hành sự là để đạt cho được cái đó. Việc nào nên làm, việc nào không

nên làm, nhứt nhứt thông suốt, mỗi cái hiểu đều nhứt như, thì đạt được lý đạo. Không thể bỏ thế gian mà tìm đạo đặng. Muốn tìm nước trong phải trong nước đục mà tìm, gắng lóng lạng, đánh phèn thì đục trở thành trong. Chớ có đem nước đục đổ đi, rồi ngồi đó chấp tay cầu nguyện cho có nước trong để uống, thì có nguyện suốt kiếp cũng không bao giờ có nước trong. Chính trong những việc bình thường hằng ngày gọi là "nhứt dụng thiết yếu" này, mà tìm Phật tìm đạo, tìm cái tâm thật của mình. Chớ không tìm đâu xa hết. Mỗi việc chúng ta làm, nó sáng ngời, nó đúng chơn lý, hợp sự thật, dầu việc đó tầm thường như quét nhà, dọn cơm, lau bàn như những việc bình thường của thế gian. Thật ra không có việc gì gọi là thế gian cả. Vì không hiểu mới cho đó là thế gian, nên có câu "Phật pháp bất ly thế gian pháp". Cái chơn lý của Phật không bao giờ ra ngoài thế gian sự. Bởi vì nếu không có thế gian thì làm sao có Phật pháp ?

Quý vị nên cố gắng hiểu điều đó, để mình sống một ngày thấy mình đạt đạo một ngày. Bằng không, một phút trôi qua là một phút khổ.

Với tâm sáng ngời, dù có xuống địa ngục cũng không thấy khổ, như ngài Địa Tạng. Tâm ngài đã biến địa ngục thành Tịnh Độ, Tịnh Độ của riêng ngài, chỉ riêng ngài mà thôi. Kinh có câu "Nhứt nhưn phát chơn quy nguyên, thế giới tận thành tiêu dẫn". Tiêu dẫn với người giác ngộ, chỗ với người chưa giác ngộ thì đất là đất, đá là đá. Người xuất gia hiểu được thế mới được gọi là xuất gia, xuất vô minh gia. Không hiểu được thế chỉ là xuất hồng trần gia mà thôi.

Đời bây giờ, quý vị đa số cũng không xuất nổi hồng trần gia, rảnh rang một tí là tìm cách trở về nhà. Xưa kia, hễ xuất gia là ly gia, mà ly gia thì phải cắt ái. Cú trở về nhà thế tục thì đâu đã hết ái nhiễm. Phải gắng lên, cố gắng lên hầu xuất hồng trần gia, rồi vô minh gia. Khi ấy tâm ta sáng ngời, không còn thắc mắc, không còn buồn phiền, không còn vui nhộn, loạn động.

Tu trong mọi hoàn cảnh, dầu cho việc gì đến với ta, khổ cực, buồn phiền, bị mắng chửi v.v... tâm vẫn an nhiên tự tại. Dầu cho người có khen tặng ta, có đánh lễ ta, có chúc tụng ta, tâm ta vẫn như như bất động. Đó gọi là đạt đạo. Phải

gắng tu để được như thế. Chớ như phàm phu, nóng lạnh bất thường, bị chê trách thì nổi lòng sân hận, được khen tặng thì vui thâu trời xanh, trống ngực đánh liên hồi, sống theo thất tình, lục dục.

Làm việc gì cũng vậy, cầm đôi đũa ăn cơm, uống ngụm nước lã, đi kinh hành, nhứt nhứt đều phải làm trong chánh niệm. Biến thời gian của mình thành một khối chánh niệm, dày đặc, bao kín, không một kẻ hở thất niệm, tức là con đường giải thoát. Giờ phút nào mình chẳng đạt đạo, giờ phút nào mình chẳng là Phật.

-----*-----

CHUÔNG MỠ

CHUÔNG MỠ

Hôm nay, ngày 9 tháng 4 năm 1998, thời công phu sáng nay, thầy Duyệt-chúng (thầy đánh mõ) đi mõ hơi nhanh. Trong chúng lại có vài người mới, họ theo không kịp. Nhân thế, Hòa Thượng có vài lời chỉ dẫn về chuông mõ.

Hòa Thượng dạy: Hai ba mươi năm về

trước, ở Việt Nam, các thầy đi mõ rất nhanh trong các thời công phu khuya. Đó là chuyện ngày xưa. Ngày nay có khác, thầy Duyệt-chúng phải đánh mõ sao cho chúng tụng thoải mái, tiếng mõ đều đều, có chất liệu thiền vị, người mới, người ngoại quốc có thể theo kịp.

Đánh chuông cũng vậy, tiếng nào đánh lớn cho toàn chúng nghe, tiếng nào đánh nhỏ đưa hơi cho vị xướng lễ, không phải tiếng nào cũng có cường độ như nhau. Đánh chuông cũng phải tập. Cổ đức có dạy:

"Chuông biết đánh mới kêu, đèn biết khêu mới tỏ"

Đánh chuông cũng là một pháp tu, pháp tu chánh niệm. người có chánh niệm đánh chuông nghe biết liền, tiếng trước tiếng sau như nhau, không lớn hơn không nhỏ hơn. Cầm dùi chuông cũng vậy, khi đánh xuống ta biết dùi chuông đi tới đâu, không phải cứ nện bừa vào chuông là được. Tỉnh chuông như thế ta không biết ta đang tỉnh chuông, nghĩa là không có chánh niệm trong lúc tỉnh chuông. Tỉnh chuông

đừng nên hấp tấp, tiếng nào ra tiếng đó. Người biết thỉnh chuông là người có chánh niệm, người có chánh niệm là người biết thỉnh chuông.

Đừng khinh thường tiếng mõ tiếng chuông, mỗi thứ có tác dụng riêng của nó. Tiếng mõ trừ bệnh tán loạn, tiếng chuông trừ bệnh hôn trầm.

Tiếng chuông ngân vọng trong đêm vắng,
Thử hỏi hồn ai đã tỉnh chưa ?

Chuông gì cũng vậy, chuông u minh, chuông thiền, chuông Bát Nhã, chuông gia trì v.v... đều có công năng thức tỉnh lòng người. Có người ngoại quốc sau khi nghe ba hồi chuông trống Bát Nhã mà phát tâm xuất gia đầu Phật.

Đánh chuông mõ sao cho trong một buổi lễ có 300, 500 người dự, duy chỉ một giọng tụng mà thôi, không có hỗn âm. Đối với những người mới tìm đến đạo hay người ngoại quốc, ta đánh mõ sao cho họ tụng được một thời, tâm Phật của họ có cơ may phát khởi. Hằng ngày, đánh cho chúng tụng phải đánh cho đều, cho nhứt như. Sử dụng chuông mõ đến mức nhập diệu không phải dễ. Đời trước có tu đời nay mới tập mau thành,

còn mới tu đây thì không thể nào, phải cần đến "thập niên đăng quả". Hiện nay, thầy thấy quý vị đánh mõ chưa được, trình độ chỉ mới ở sơ đẳng thôi. Do đó quý vị phải cố công nhất tâm luyện tập hơn nữa.

Khi tụng Lăng Nghiêm đánh mõ ra sao, cầu siêu đánh mõ ra sao, cầu an đánh mõ ra sao, Tịnh Độ đánh mõ ra sao, mỗi thời đều có cách thức đánh mõ riêng. Thật ra, chuông mõ là pháp môn tối thượng thừa. Có lắm người kiến thức về chuông mõ, lễ nhạc Phật Giáo rất thô thiển, lại cho rằng lễ nhạc là hình thức, có vẻ Thần Tú lắm, chứ không phải Huệ Năng. Huệ Năng không có chuông mõ, Huệ Năng chỉ giã gạo mà đạt đạo. Họ có biết đâu, sự thị hiện của các tổ có thuận có nghịch, thuận duyên để chúng sanh thấy đó mà theo, nghịch duyên để theo đó mà tránh, mà bỏ những tánh tình không tốt, không phải. Ví như ngài A Nan mắc nạn Ma Đăng Già, ngài hành động như vậy là để làm gương cho hậu thế, nhứt là cho hạng sơ cơ. Hàng xuất gia mà cứ muốn ly chúng, sống riêng một mình trong khi đạo lý chưa thông. Vì không ai kèm thúc nên

sanh tâm lãng tử, nay đây mai đó, tạo những lỗi lầm, những người như thế nhất định bị nạn Ma Đàng Già .

Trở lại chuyện chuông mõ, quý vị nên đánh tiếng mõ cho nó viên dung, có sao thầy nghe như còn nhiều gai góc. Trong nhà Phật, lễ nhạc Phật giáo dùng để tán thán công đức chư Phật, để đọc lại những chơn lý của Phật, để rời theo đó mà hành. Lễ nhạc có thể đưa người đến chỗ tuyệt diệu. Tuy là hình thức sự tướng đấy, nhưng hiểu được lý tánh trong lúc sử dụng sự tướng là đi tới chỗ viên dung. Ta phải hiểu cái lý đạo trong tất cả sự việc, lúc đó chơn lý mới hiển lộ, "Phật sự môn trung, bất xả nhất pháp" là vậy. Trong mỗi Phật sự đều có lý tánh trong đó, nó đưa ta đến chỗ không tịch, hoàn toàn siêu thoát. Hiểu được vậy, gọi là "từ trong cái sự mà hiển lộ cái lý".

Chúng ta hiện đang sống trong cảnh đời tương đối, nên phải học cái tương đối, cái sự tướng. Không thể bì với người xưa, học đạo chỉ học về lý thôi. Thể nhập được chơn lý mới giải thoát, an vui. Nhưng ta không thể bỏ sự được, bởi vì chúng ta đang sống trong cảnh đời ngũ

trược ác thế, không thể ngồi nói suông. Nói suông chỉ là bánh vẽ, bánh vẽ không no được bụng đói. Nên trong nhà Phật có câu:

‘Phi phương tiện bất thành cứu cánh’

Tất cả những sự tướng ta làm đây đều là phương tiện, bỏ không được. Trong sách có câu:

‘Hữu vi tuy ngy, Xả chi tác Phật đạo nan thành.’

Việc hữu vi mình đang làm tuy là giả tạo nhưng bỏ thì Phật đạo khó thành. Một khi tâm đạt lý đạo thì lúc đó ta không còn thấy sự nữa, mà chính cái sự ta làm nó tràn trề lý đạo. Cho nên, các vị phải cố gắng học, những gì trong nghi lễ đều phải học hết. Đời nay, nếu truyền bá về thiền một cách thuần túy thì ít kết quả lắm, nên có những pháp môn khác là như vậy, rồi từ đó đi tới chỗ thiền không xa. Thật ra khi hiểu lý đạo, thì việc làm gì cũng có thiền ở trong đó cả.

-----*-----

BA NGHIỆP LẮNG THANH TỊNH

BA NGHIỆP LẮNG THANH TỊNH

Hôm nay có một ít thời giờ thầy muốn nhắc lại chuyện tu tiến trong đại chúng. Muốn tiến tu đạo nghiệp, đầu quý vị tu theo pháp môn nào, Tịnh Độ, Thiên hay Mật, đều phải giữ ba nghiệp thân, khẩu và ý luôn thanh tịnh. Trong luật có câu :

Tam nghiệp hằng thanh tịnh
Đồng Phật vãng Tây phương.

Một khi ta giữ được ba nghiệp thanh tịnh, thì cùng với chư Phật về cảnh Tây phương.

Người biết phòng hộ thân tâm là người biết sống, biết biến đổi xác thân thành pháp thân, biết chuyển hóa uế độ thành Tịnh Độ, không cần phải về tận Tây Phương Cực Lạc nào khác.

Chúng ta thường nghe pháp tu này, nhưng thật sự hiểu thì thầy thấy còn yếu lắm. Chúng ta thường tưởng giữ ba nghiệp thanh tịnh là giữ cho nó yên lặng, hay đừng nghĩ đừng nói gì cả. Hiểu như thế là sai. Giữ ba nghiệp thanh tịnh không đồng với cây đá vô tri. Như vậy, ba nghiệp thanh tịnh là sao ?

Về ý nghiệp, đừng nghĩ đến việc thế gian, tâm đừng tạp loạn. Ngược lại, phải luôn chánh niệm, luôn nhớ nghĩ những gì chơn chánh. Những gì là chơn chánh ? Khi ta mới tu, những điều suy tưởng cao xa ta không thể đạt được, thì nên suy nghĩ về Tứ Đế, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, hay lời hay ý đẹp trong Quy Sơn Cảnh Sách. Tâm ta luôn suy nghĩ về giáo pháp, về chơn lý. Khi đó tâm trở nên thanh tịnh, thật sự thanh tịnh. Ta khó nhận thức chơn giá trị của pháp tu này qua ngôn ngữ, chỉ có thực hành rồi mới thấu suốt tường tận sự thanh tịnh màu nhiệm mà pháp tu

đem đến. Đương nhiên, một khi tâm thanh tịnh thì đâu còn khoảng trống để phiền não, rắc rối, khổ sở, oán hờn chen vào. Đây không phải là sự đổi chác. Ví dụ như có sự xích mích trong huynh đệ với nhau, buồn phiền nổi lên, rồi ta dùng chánh niệm tống khứ hay thay thế niệm buồn phiền kia. Làm thế không được, như thế chẳng khác nào lấy đá đè cỏ, cái gốc nó vẫn còn. Do đó, trước hết ta phải buông bỏ những phiền não, rắc rối vì chúng không thật, chúng chỉ là những kết quả của vô minh, ngã chấp, mà vô minh ngã chấp không thể hiện hữu trong ta, phải bỏ chúng đi. Bỏ, phải bỏ cho trót, còn một tí vấn vương là còn trần lụy, khó định được tâm để tư duy về những đạo lý của Phật tổ. Tư duy như thế gọi là ý thanh tịnh.

Ta tạo khẩu nghiệp vì ta chưa sáng, chưa định, chưa thanh tịnh. Vậy phải như thế nào ? Phải giữ câu niệm Phật hay câu thoại đầu. Khi ta niệm Phật thì ta không niệm chúng sanh, không nói chuyện này nọ, thị phi v.v... Tánh con người hay quên, nên có chuỗi tay, chuỗi trường để mà niệm Phật. Niệm Phật là niệm tâm để giữ cho

khẩu nghiệp thanh tịnh. Khi miệng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, thì ý phải nghĩ Nam Mô là trở về, Phật là tánh giác, trở về tánh giác của mình. A Di Đà là vô lượng thọ, vô lượng quang và vô lượng công đức. Bất luận đi đứng nằm ngồi đều giữ câu niệm Phật trên môi, trong ý nghĩ. Nhất tâm nhất đức giữ câu niệm Phật, kêu là khẩu nghiệp thanh tịnh. Có lắm người cho đó là tịnh khẩu. Tịnh khẩu mà ý chưa tịnh, chưa nghĩ chuyện siêu thoát, không nghĩ đến giáo pháp, như thế không thể gọi là tịnh khẩu, đó chỉ là cấm khẩu. Tịnh khẩu là nói những gì đáng nói, và những lời thốt ra như hoa thơm, như trái ngọt làm cho người nghe như được tắm trong dòng suối cam-lồ.

Rồi tới thân nghiệp, đi đứng nằm ngồi phải đúng với thể thức của sự đi đứng nằm ngồi. Đó gọi là thân thanh tịnh. Còn như ngồi mà nhíp đùi, chưa đi đã chạy, chưa nói đã cười, như vậy thân nghiệp có thanh tịnh không? Vì vậy mà ngày xưa chư tổ chế ra tam thiên oai nghi, bát vạn tế hạnh để giúp giữ thân thanh tịnh. Bằng nhớ không hết những oai nghi tế hạnh đó thì phải

thực tập chánh niệm. Thực tập chánh niệm thì quá dễ, mà cũng quá khó. Khó vì ta hay quên, dễ là vì không cần thông hiểu tam tạng kinh điển, cốt chỉ nhớ biết mình đang làm gì? Đi thì biết đi đâu, ăn thì biết ăn cái gì v.v... Chánh niệm là vậy đó. Có chánh niệm không những thân được thanh tịnh mà cả khẩu và ý đều được thanh tịnh. Cho nên chánh niệm còn gọi là niệm chơn như.

Ba nghiệp một khi thanh tịnh thì vấn đề tu tiến rất dễ dàng. Thực tập ba nghiệp thanh tịnh trong một thời gian, ta sẽ thấy có kết quả. Lúc bấy giờ, nếu có nghĩ chuyện thế gian thì chuyện thế gian cũng trở thành chuyện Phật pháp, có nói lời thế gian thì lời thế gian đó cũng chuyển thành lời hay ý đẹp, có hành động thế gian thì hành động thế gian cũng trở thành hành động Phật pháp. Khi ba nghiệp thanh tịnh thì căn bản trí, hậu đắc trí hiển bày.

Phần trên diễn nói ý nghĩa của ba nghiệp thanh tịnh, phần dưới đây sơ lược các pháp môn thực hành.

Tụng kinh là cách thức hay nhất giữ cho ba

nghiệp được thanh tịnh. Người dù căn cơ có dần dần đến đâu cũng vẫn thực tập được pháp môn này. Khi ta tụng kinh, ý luôn luôn theo lý kinh, những lý đạo giải thoát, khuyên răn ta làm hiền lánh dữ v.v... Còn miệng thì đọc theo lời vàng ngọc của Phật, thân thì quỳ trang nghiêm hướng về Phật đài. Ba nghiệp lắng thanh tịnh. Bởi vậy, tụng kinh là một pháp môn thù thắng nhất.

Thiền là tọa thiền để ba nghiệp thanh tịnh. Trong khi tọa thiền, miệng không nói là khẩu thanh tịnh. Ý luôn giữ cho vọng dừng khởi, còn thân thì phải kiết già phu tọa.

Còn về Mật tông, khẩu hiệu của Mật tông là Tam Mật tương ứng. Lý giống như ba nghiệp thanh tịnh. Tam Mật tương ứng là thân mật, khẩu mật và ý mật rất tế nhị, mà tế nhị đi với tổng trì Đà La Ni.

Dù tu những pháp môn nào đều phải thực tập cho ba nghiệp thanh tịnh, phiền não sẽ không nổi lên. Nhứt tâm tu sẽ chuyển nghiệp dễ lắm, bằng ngược lại cũng sẽ dễ tạo nghiệp. Thầy nhắc như vậy để quý vị thực hành, thông kinh quán

luyện mà không thực hành ba nghiệp thanh tịnh thì không đi tới đâu.

-----*-----

BÚP SEN TỊNH ĐỘ

BÚP SEN TỊNH ĐỘ

Tại Tự Viện Linh Sơn Paris, cứ mỗi tháng có tổ chức một ngày tu Tịnh Độ cho các Phật tử tại gia. Ngày này được đặt cho một cái tên thật hay thật đẹp là ‘Búp Sen Tịnh Độ’. Để nâng cao tinh thần cũng như chất lượng của ngày tu học, Hòa Thượng đã từ bi ban bố đạo từ đến các Phật tử trong khóa tu tháng Tư vừa qua (11/4/98). Dưới đây là lời khai thị của Hòa Thượng :

Đức Phật để lại tám muôn bốn ngàn pháp môn là để đối trị tám muôn bốn ngàn phiền não tâm bệnh của chúng sanh. Tùy theo bệnh mà cho thuốc. Thuốc đây là pháp được dùng để trị tâm

bệnh của chúng sanh. Pháp môn tuy nhiều, tựu trung ta có thể rút ra hai pháp môn chủ yếu là Thiền tông và Tịnh Độ tông, còn những pháp môn khác đều là thứ yếu !

Trong hai pháp môn chính, tu thiền đúng lý ra chỉ độ cho những người thượng căn, thượng trí, còn những người hạ căn, hạ trí mà tu thiền thì càng tu càng khô thiền, không đi tới đâu, lắm khi kết quả ngược lại. Với những bậc thượng căn thượng trí, những bậc biết chiến đấu với vọng tâm một cách oanh liệt, thì hạng người này tu thiền mau đắc đạo lắm. Còn những ai trung căn trung trí, hạ căn hạ trí chiến đấu có nổi không ? Trong chúng ta đây thử hỏi ai có thể chiến thắng tham, sân, si, mạn nghi và ác kiến chưa ? Vẫn chưa thắng nổi, phải thắng giặc phiền não thì tu thiền mới đặng.

Còn tu Tịnh-độ, khi chiến đấu với giặc phiền não, hành giả không phải chiến đấu chỉ bằng sức mình (niệm Phật là sức mình đó) mà còn nhờ vào tha lực nữa, tha lực tức là nguyện lực của Phật A Di Đà (còn tu thiền là tự lực, không nhờ ai). Niệm Phật thông dụng cả ba hạng

thượng, trung và hạ căn. Hành giả chỉ cần niệm được danh hiệu Phật A Di Đà, trì câu niệm Phật thì mọi vấn đề sẽ được khai thông. Từ đó đi đến niệm Phật Tam Muội, là định đó. Chủ trương tu Tịnh Độ của thầy là sự lý dung thông. Tu cả hai, chớ không phải tu về sự Tịnh Độ, hay chỉ về lý Tịnh Độ, vì sự lý dung thông mới phương thành Phật đạo.

Sự Tịnh Độ là gì ? Là nhất tâm nhất đức niệm Phật cầu sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà sau khi bỏ xác thân này. Trong kinh có dạy, niệm Phật đến chỗ ‘nhất tâm bất loạn, chuyên trì danh hiệu, dĩ xưng danh cố, chử tội tiêu diệt, thị đa thiện căn, phước đức nhân duyên, đắc sinh Tịnh Độ’. Niệm Phật như thế gọi là sự niệm Phật.

Những ai với căn tánh cao thường thiên về lý. Lý Tịnh Độ nghĩa là ‘tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ’. Người tu lý Tịnh Độ có thể thành Phật ngay trong hiện kiếp, trong cái xác thân tạm bợ này. Đây là điểm chính yếu của lý Tịnh Độ. Thật vậy, khi chúng ta đi đến chỗ Tham Cửu Niệm Phật hay còn gọi là Thật Tướng Niệm Phật

thì ta biến xác thân này thành pháp thân, biến cõi uế độ thành cõi Tịnh Độ. Tịnh Độ của những người tu chúng, không phải của kẻ phàm phu. Đó là ‘tự tánh Di-đà’. Còn ‘Duy tâm Tịnh Độ’ là tâm tịnh thế giới tịnh. Nếu ai ai cũng tu về lý Tịnh Độ thì sẽ biến thế giới Ta Bà này thành cõi Tịnh Độ.

Trên có nói về Thật Tướng Niệm Phật, vậy Thật Tướng Niệm Phật là gì ? Thật tướng là tánh Phật bản lai của chính mình. Niệm là luôn nhớ nghĩ đến cái Phật tánh của mình. Phật tánh của mình là gì ? Là đi ra đi, đứng ra đứng, làm việc gì đều viên dung, thanh tịnh. Pháp môn này nghe có vẻ thiên đầy, nhưng cảnh giới thanh bình do tâm thiên hiển lộ lại là Tịnh Độ, nên được xếp vào pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn này chỉ thích hợp với bậc thượng căn thượng trí, hiểu biết Phật pháp tinh thông, thấu suốt đạo lý huyền diệu.

Về lý, vô lượng thọ, vô lượng quang, và vô lượng công đức là những tánh giác đã có từ ngàn xưa, nay ta gọi lại để sống với những bản tánh vô lượng đó.

Vô lượng thọ nghĩa là sao ? Thân ta có sanh có diệt, nhưng tánh thì không sanh không diệt. Chỉ tùy nghiệp thọ báo mà thôi. Đời này tạo những nghiệp gì cộng với nghiệp của đời trước, nó hướng dẫn mình đi đâu sanh. Nếu nhiều thiện nghiệp thì đầu sanh về cõi tiên cõi thánh, cõi Phật cõi trời. Nếu tạo nhiều ác nghiệp sẽ bị kéo xuống địa ngục, A-tu-la. Nhưng linh tánh thì không bao giờ chết. Nếu tạo thiện nghiệp thì nó sống trong an vui thường lạc, còn tạo ác nghiệp thì nó sống trong mê mờ tối tăm, thành ra khổ.

Vô lượng quang là tánh sáng không thể lường được của mỗi người chúng ta. Sáng đây không có nghĩa là sáng đối với tối. Sáng đây là sự hiểu biết thấu triệt, đúng chơn lý, hợp sự thật về vạn sự vạn vật.

Vô lượng công đức có nghĩa là khi ta làm việc thiện mà không thấy ta làm, không còn thấy hoàn cảnh làm, vô danh vô tướng thì đó là vô lượng công đức. Nếu còn danh còn tướng thì còn nằm trong vòng phước đức hữu lậu, rồi sẽ hết. Tụng kinh, niệm Phật, sám hối v.v... mà làm với cái nhất tâm, không mong cầu gì thì công đức

cũng vô lượng.

Mỗi người chúng ta đều có bản tánh A Di Đà. Ngay cả các vị Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí cho đến đức Phật Thích Ca cũng đều có bản tánh A Di Đà. Thế nên, khi ta niệm danh hiệu Phật A Di Đà là niệm hàng hà sa số các đức Phật : ‘Niệm nhưt Phật, tắc hàm thú chư Phật’.

Khóa tu Búp Sen Tịnh Độ của quý vị Phật tử mà chùa chúng ta tổ chức có tầm quan trọng vô cùng. Nó không chỉ tạo môi trường tu học cho quý vị mà còn là sự tương trợ cho cái duyên xuất gia của quý vị. Vì vậy, tên ‘Búp Sen Tịnh Độ’ rất phù hợp cho khóa tu và mang một ý nghĩa rất thâm thúy.

Búp sen tiêu biểu cho giáo lý Tịnh Độ và cõi Tịnh Độ. Tại sao lại hoa sen mà không là những loài hoa khác. Vì hoa sen có ý nghĩa như quả đồng thời. Khi búp sen vừa chớm nở, ta thấy cả hoa lẫn gương sen. Hoa sen là nhưn, gương sen là quả, Phật tánh là nhưn, niết bàn là quả. Ai cũng có tánh nhưn sáng suốt, ai cũng dùng cái

tánh sáng suốt đó để đi tới niết bàn. Như không lia quả, quả không lia nhưn.

Trong khi ta niệm Phật cầu vãng sanh về cõi Phật A Di Đà, thì tự nhiên trong ao sen nơi cõi Phật A Di Đà mọc lên một búp sen ghi pháp danh chúng ta trong đó. Đương nhiên là trong thời gian đầu thực tập niệm Phật, hoa sen phải búp, không nở ngay được. Từ cái sen búp đó, trải qua năm tháng, chuyên tâm niệm Phật, sự lý dung thông, thì hoa sen của ta sẽ ngày càng nở rộ. Một khi hoa khai chắc chắn thấy Phật và ngộ được vô sanh. Nếu ai không niệm Phật bằng lý tánh thì phải đợi đến khi mãn báo thân này, mới được hóa sanh về cõi Cực Lạc. Khi ấy búp sen có tên của ta sẽ từ từ mở. Dầu ai tu Tịnh Độ có thật dỡ đi chẳng nữa, khi bỏ xác thân này cũng được về cõi Cực Lạc, an trụ trong búp sen của mình, rồi chờ sức tăng tiến Bồ đề, trang nghiêm phúc tuệ thì chùng đó hoa sen mới nở. Đối với bậc thượng căn thượng trí thì không phải thế, sen họ đã nở lâu rồi. Khi về là họ ngồi liền trên tòa sen, không chùng thuyết pháp là khác.

-----*-----

Ý NGHĨA XUẤT GIA

Ý NGHĨA XUẤT GIA

Lời khai thị của Hòa Thượng Viện Chủ
nhân ngày kỷ niệm đức Phật xuất gia
mùng 8 tháng 2 năm Mậu Dần

Hằng năm đến ngày mùng 8 tháng 2 âm lịch, Phật tử khắp nơi thành khẩn làm lễ kỷ niệm ngày xuất gia của thái tử Sĩ Đạt Ta. Dù cách nay đã 25 thế kỷ, mà ý nghĩa ngày xuất gia vẫn còn in đậm trong tâm tư mọi người con Phật. Một lần ra đi, Ngài đã thành công rực rỡ, vang động bốn phương, âm hưởng vẫn còn đến ngày nay, cũng như vô tận thời gian về sau.

Là Thích tử con Phật, chúng ta cũng xuất gia như Ngài, lẽ nào lại thua kém. Nếu cho rằng Ngài đã nhiều kiếp tu hành, không phải một vài kiếp như trong sử đã nói, thì chúng ta, hoặc được như Ngài, hoặc phải chúng được quả vị Bồ Tát, hay quả vị Thanh Văn. Cùng cực lắm cũng phải được cái hạnh "Xuất trần thượng sĩ, phi tích cao

tăng". Có mấy ai trong chúng ta, trong khoảng đời tu đã qua, tự so sánh mình như thế chẳng? Chắc là hiếm lắm. Do đó kỷ niệm ngày thái tử Sĩ Đạt Ta xuất gia nhằm nhắc nhở hàng Phật tử tại gia cũng như xuất gia noi theo gương sáng của Ngài để tu, để tiến.

Người tu hành phải ôm trong lòng hoài bảo một ngày kia mình đạt thành chánh quả. Thái tử Sĩ Đạt Ta cũng đã nhiều lần thao thức.

Ngày nay tuổi đã lớn rồi,
Sao không nhớ lại những lời nguyện xưa.
Xin tu chúng đạo chơn thừa.
Trần gian vẫn đục say sưa làm gì.
Ngài còn lần lựa thế thì,
Chúng sanh ngu dại ai vì bảo ban.
Mau mau mở lối niết bàn,
Khêu đèn trí tuệ, vén màn vô minh'.

Ngày Thái Tử xuất gia, tuổi Ngài cũng đã lớn rồi. Trong đại chúng hiện tọa đạo tràng, tuổi ai cũng đã lớn cả, không ai đồng ấu xuất gia như chú Minh Hạnh, vậy có được niềm thao thức như đức Phật chẳng? Có tự nhắc nhở mình nhớ lại những lời nguyện xưa không? Lời nguyện tu

chúng đạo chơn thừa, đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác ? Ngài tự nhủ, vương vấn chi trần gian vẩn đục, sao không thoát ly ? Đời là bể khổ mênh mông, sao cứ lần lựa, ngày tháng trôi qua. Chúng sanh mê muội, sống như mộng, ai sẽ là người bảo ban, che chở. Niềm thao thức đó phát xuất từ tình thương bao la của Ngài, thúc dục Ngài mau mở lối Niết bàn, khêu ngọn đèn trí tuệ, soi sáng tâm linh của Ngài và của muôn loài chúng sanh. Khi đèn trí tuệ được thắp sáng thì bóng tối vô minh đâu còn nữa, nó tự hoại trong cùng sát na, không trước cũng không sau. Khi ấy cái minh hiển bày. Ta chưa thấy mặt thực của cái minh đó ra sao, nên ta phải hết lòng học đạo, phải gắng nghe lời thầy tổ chỉ dạy, phải đem cái tánh nghe ra mà nghe. Nghe bằng ý thức là cái nghe của phàm phu. "Phản văn, văn tự tánh" là cái nghe chơn thật, là tánh nghe của Phật tánh. Nghe như thế không phải dễ. Phải gồng mình lên mà nghe, nghe trong trạng thái thiền định, thân phải "kiết già phu tọa, đương nguyện chúng sanh". Mọi hoạt động đi đứng nằm ngồi ta đều phải giữ tánh nghe như thế, lâu ngày trở thành yển sáng gọi là minh. Yển sáng này phóng ra

chiếu khắp mười phương, không chỉ hạn cuộc trong phạm vi nhỏ hẹp xung quanh ta.

Xuất gia, tiếng Phạn gọi là Pravray, là ra khỏi nơi tăm tối, ràng buộc, rắc rối và bất an. Định nghĩa chữ xuất gia như thế có nhiều người không đồng ý. Có sao lại cho gia đình là nơi tối tăm, bất an. Thế cụm từ "mái ấm gia đình" nghĩa là gì, hay là hạnh phúc gia đình, hoặc là "Home sweet home" mà người Âu Mỹ thường nói ? Đối với người tu, chữ xuất gia không đơn giản là rời nhà sống kham khổ trong tu viện, mà được phân tích thành ba nghĩa rõ rệt. Thứ nhất là xuất Hồng trần gia, cũng gọi là xuất Thế tục gia. Hồng trần gia hay Thế tục gia đều là nơi dễ tạo nghiệp nhất. Ta có khuynh hướng chạy theo ngũ dục lạc, luôn sống trong tâm trạng bất an. Người hiểu đạo phải rời ngay căn nhà thế tục đó, và gởi thân nơi cảnh chùa. Xưa kia, chùa chiền thường được gọi là chốn không môn hay cửa không. Tiếng Phạn gọi là A Lan Nhã. Chữ 'Không' hàm ý chỉ cái tâm không còn thấy gì của thế gian, không tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Một khi ở chùa, phải bỏ hết tâm thế gian, tâm đời, phải y giáo phụng

hành, chớ nên giữ lại những tâm hơn, tâm thua, tâm thương, tâm ghét. Nếu còn những tâm đó thì sao gọi là vào chốn không môn. Khi xưa, đức Thế Tôn tu khổ hạnh nơi rừng sâu núi thẳm, nơi đó cũng gọi là chốn không môn.

Nghĩa thứ hai của xuất gia là xuất Tam giới gia. Nghĩa này khó hiểu hơn nghĩa trên rất nhiều. Tam giới là ba giới : dục, sắc và vô sắc giới. Ra khỏi nhà dục giới thì quý vị, dù ít dù nhiều, cũng hiểu rồi, còn ra khỏi nhà ở cõi sắc và vô sắc, là những cảnh giới của cõi trời, vui sướng an lạc vô cùng, nơi mà "tưởng y y chí, tưởng thực thực lai". Nghĩa là muốn gì được nấy. Có ai muốn ra khỏi cái nhà sung sướng như thế để làm ông thầy tu khổ hạnh ? Do đó xuất Tam giới gia có vẻ khó hiểu. Càng khó hiểu hơn, khi tuổi thọ ở cõi vô sắc lâu không thể tưởng, phước báo nhiều không thể tưởng. Lý luận như thế, ta cố tình hướng nguồn suy tưởng của ta đi theo một chiều nhất định. Ta phải nhìn vấn đề rộng sâu hơn. Nên biết, xuất gia không phải vì thiếu thốn, khổ cực, không phải vì cái gọi là thế thái nhân tình. Xưa kia, thái tử Sĩ Đạt Ta sống trong cung

vàng điện ngọc, chẳng khác gì các cõi trời sắc giới, vô sắc giới, mà thái tử vẫn xuất gia, giữ bỏ một cách dễ dàng. Điều này chứng tỏ rằng, đi tu không phải vì hoàn cảnh, hay vì những khổ lụy của đời, như nhiều người tưởng. Những người như thế, sự ra đi của họ nhẹ như lông hồng. Đó mới thật là xuất Tam Giới gia.

Tu hành, lắm lúc ta gặp nhiều thuận duyên. Ví dụ như ta xuất gia ở một ngôi chùa nào đó, vật chất quá đầy đủ. Họ trọng về ăn, mặc, ở; nghĩa là đời sống vật chất rất dồi dào. Trong hoàn cảnh đó, người với chí "xuất trần thượng sĩ, phi tích cao tăng" thời không chấp nhận. Đó là hành động xuất tam giới gia. Bằng không, tu không đặng, tiến không lên, tâm linh trở nên lu mờ vì vật chất sung túc. Ý chí không kiên cường, không có được cái đại hùng đại lực.

Nghĩa thứ ba của xuất gia là xuất Vô minh gia. Nghĩa này thật tuyệt diệu. Trong Cảnh Sách, khi luận về kẻ sĩ xuất gia, có nói "phát túc siêu phương, tâm hình dị tục". Ý nói bước chân đến chốn siêu thoát, chốn chùa chiền thì tâm với hình phải khác thế tục. Bằng như giống thế tục,

khó tu lắm. Cũng có người trong hoàn cảnh nào tu cũng được cả, để tóc kiểu nào cũng tu được hết, những người như thế tâm họ thường sáng và tịnh. Đó là nhờ thắng duyên đời trước dày công tu trì. Trường hợp này rất hiếm. Hành động cạo tóc, mặc áo cà sa tự chúng đã là thắng duyên rồi đó. Khi đã đầu tròn áo vuông thì phải "thiệu long thánh chưởng", để luôn luôn làm cho dòng thánh hưng thịnh. Dòng thánh là đạo Phật đó. Mà đạo Phật hưng thịnh để làm gì? Chỉ để làm cho chúng sanh thức tỉnh, tự biết có ánh đèn sáng trong tâm. Một khi đốt lên, ánh sáng vô cùng tận. Đó là minh, là xuất vô minh gia.

Một ví dụ khác về xuất vô minh gia là hình ảnh đàn cá lội tung tăng trong nước hồ trong. Với tâm hồn thi sĩ, có lẽ ta đã ngâm lên bài thơ "Thu Điều" của cụ Nguyễn Khuyến mất rồi.

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền con bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.

Tùng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa bóng buông cần câu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Rồi ta miên man nghĩ tưởng đến một phương trời xa trông nào đó, có lá vàng rơi rụng, trời xanh mây trắng. Vài chú mục đồng đang thả diều bên cánh đồng bát ngát. Khung cảnh hết sức thái bình, an lạc. Nhưng cái nhìn của người tu có khác, cũng đàn cá, cũng trong ao thu lạnh lẽo nước trong veo đó, liền phát nguyện, dùng cái điển quang của mình nói với đàn cá rằng, ta cầu nguyện cho các vị sớm thức tỉnh để phục đắc nhân thân, hầu gặp được chánh pháp của Phật mà tiến tu. Như thế mới gọi là minh, mới xuất được cái nhà vô minh.

Lúc đầu thầy có dẫn trong Cảnh Sách, tổ Qui Sơn nói: "thiệu long thánh chưởng, chấn nhiếp ma quân". Thiệu long thánh chưởng để chấn nhiếp ma quân. Vì khi nơi nào có ngôi Tam Bảo, nơi đó ma chướng và phiền não đều phải thất vía hồn kinh. Ma chướng giống như bóng tối, đạo pháp giống như yến sáng. Sự tồn tại của

yến sáng còn tùy thuộc vào bản nguyện của người xuất gia. Nếu ta không tinh tiến tu hành, hay tu vì hoàn cảnh, tu để được an thân, thì không thể ra khỏi nhà vô minh được. Do đó phải hết lòng hết dạ tu hành, không một phút giây rảnh rang. Chùi bên ngoài, lau bên trong, đừng cho cái vọng, cái tưởng, cái điên đảo chiếm hữu tâm ta. Đừng nghĩ ác, cũng đừng nghĩ thiện, vì còn thiện còn ác là còn vô minh. Xuất gia để cầu Phật quả, để trên đền đáp bốn ơn sâu, dưới cứu vớt ba đường khổ. Đây là đại nguyện, hết sức lớn lao, quý báu vô cùng.

"Dụng báo tứ ân" để "bạt tế tam hữu". Tam hữu có nghĩa là ba cõi gồm cõi dục, sắc và vô sắc. Ngoài cõi sắc và vô sắc ra, cõi dục cũng có sáu tầng trời. "Cứu giúp dân cõi trời, sao có chuyện lạ vậy?", chắc có người hỏi như thế. Dân trong cõi trời thắm nhuần trong dục lạc, phước báo quá nhiều. Thế nhưng họ vẫn khổ, khổ của chiều thuận. Nghe có vẻ khó hiểu, nhưng có được một chút yến sáng đạo tất hiểu ngay. Trong kinh có nói thà rằng nguyện về cõi Phật dầu là ở hạ phẩm hạ sanh còn hơn là cầu mong về cõi

thiên cung, làm vua các vì vua. Vì sao? Tuy là hạ phẩm hạ sanh nhưng bất thoái chuyển, cứ tiến mãi đến bậc chánh đẳng chánh giác. Còn về cõi trời, dầu là cõi cao tột cùng, cõi Phi tướng phi phi tướng xứ, tột độ dục lạc, hưởng vô tận thời gian về sau, rồi cũng sẽ có giây phút nào đó bị đọa lạc, vì là "luân hồi lục đạo khổ nan đương", sanh về cõi trời vẫn còn sanh tử luân hồi.

Cuộc đời xuất gia của thái tử Sĩ Đạt Ta là tấm gương sáng cho hậu thế soi chung. Từ vua chúa chí đến hàng thứ dân buôn gánh bán bưng, từ cậu sinh viên cho đến giới ăn sương cũng có thể noi theo gương sáng của Ngài. Cuộc đời Ngài từ khi sanh cho đến nhập niết bàn, Ngài sống hoàn toàn khác với người thế gian, gọi là nghịch lưu sanh tử, vượt qua những huyền ảo của thế gian. Ngài không quên chữ hiếu, không quên bổn phận làm chồng làm cha, vì đây là những người Ngài thương nhất. Cũng vì vậy mà Ngài ra đi, một lòng một dạ tìm chơn lý. Khi đạt được đạo Ngài sẽ trở về.

Ta sẽ trở về khi thấy đạo,
Giải thoát nhân gian vạn thảm sầu.

và Ngài đã về, về để độ cho vua cha, và cả hoàng tộc họ Thích.

Dòng A-nô-ma sóng nhấp nhô, khởi điểm của sáu năm trường khổ hạnh. Ngài đi vào chốn rừng sâu, nơi

Sáu năm tầm đạo chốn rừng già,
Khổ hạnh ai bì Đức Thích Ca.
Chim hót trên vai, sương phủ áo,
Hừ về dưới gối, tuyết đơm hoa.
Suy cơ tạo hóa hồn mê mẫn.
Thấu lẽ huyền vi trí sáng lòa.
Hỏi thử ai tìm chơn lý ấy,
Bên bờ sông giác chỉ Thích Ca.

Bài thơ tả cảnh khổ có vẻ "thơ" quá, không lột trần được cảnh gian truân nơi chốn rừng già. Sự gian khổ những tưởng cướp đi sinh mệnh Ngài, nếu không có bầu sữa của cô bé quê. Cho nên quý vị hãy noi theo gương Ngài, giữ tâm không, để liễu ngộ vô sanh. Đi tu, nếu có thiếu cơm, thiếu gạo, chỗ ở chật chội thì cũng đừng cho đó là quan trọng. Ngược lại, nếu nói rằng tôi đã xuất gia rồi, nằm dưới đất cũng được. Đó là chấp. Vì vậy, khi xuất gia, gặp lúc thuận duyên

cũng như nghịch duyên tâm vẫn như như. Ngôi Tam bảo của ta hiện đang ở vẫn còn trong thế gian, vẫn bị luật thăng trầm, mới cũ, bỉ cực chi phối. Đó là chuyện thường. Chớ nên có tư tưởng "có gạo đạo ở, không gạo đạo đi". Điều quan trọng trong bước đầu tu học là làm sao cho ta luôn được tắm mát trong nguồn suối Phật pháp, uống đầy tràn những pháp vị cam lồ.

Người xuất gia thiếu phần khổ hạnh tu ắt không tiến. Vì vậy, đến ngày vía như ngày hôm nay, hai hàng Phật tử xuất gia và tại gia, trong mấy ngày liền, phát nguyện tu trì, như nguyện không ăn uống trong vài ngày, hoặc tụng một, ba, bảy, hay mười bộ Pháp Hoa v.v... để cho tâm xuất gia của mình minh mẫn đi lên. Phát nguyện rồi thực hành như thế, các nghiệp hoặc trong ta sẽ được giải tỏa. Phật giáo Tây Tạng có hình vẽ hai tay móng vuốt, ôm cái bản đồ Thập Pháp Giới, trong đó có Phật, có Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Vòng tay tượng trưng cho nghiệp hoặc của mỗi người chúng ta. Cho nên tu khổ hạnh trong đời mạng pháp rất khó, không khéo chỉ vài ba hôm

(tu như kiểu đức Phật ngày xưa) thì mất mạng. Mà đoán mạng yếu tử cũng chẳng tốt gì, chỉ tổn thành cô hồn các bác, chớ không thành Phật thành thánh đặng. Nhận xét cho cùng tận, tu khổ hạnh mới giải tỏa được nghiệp. Ví dụ như khi ta nhịn đói 2,3 ngày, có người kêu tên ta ra mà chửi, mà mắng, họ lôi giòng họ tổ tiên mình ra mà mạ ly. Khi ấy, chắc chắn rằng quý vị sẽ lạng yên, không chửi lại. Vì sao, vì lúc ấy đói quá, quý vị đâu còn sức lực mà hơn thua. Nếu chúng ta ăn uống đầy đủ, khi nghe ai động tới một tí thôi, tuy biết đó là giả, nhưng đạo lực chưa cao thì một ta trả lời lại hai, ba. Họ chửi ta một tiếng ta chửi lại hai, ba tiếng. Họ nói gắt gỏng, ta phải nói lại sao cho hơn cái gắt gỏng của họ. Như thế, tất nhiên ta chẳng chuyển được nghiệp. Ác nghiệp vô minh, căn bản phiền não ta đã tạo từ lũy kiếp, vì quá sâu dày, mỗi khi ta bị nói động tới cái ngã, thì giận hờn, buồn phiền nổi lên. Hãy cố gắng hiểu thấu đáo cụm từ "xuất vô minh gia". Hiểu được, tu mới đặng. Người có chửi ta, mắng ta, khen ta v.v... tâm vẫn từ bi hỷ xả. Giữ cho được nhất tâm. Chớ để vọng tâm ngự trị. Trong Duy Thức, có 11 món Thiện tâm sở, 6 Căn bản phiền

não, 20 Tùy phiền não. Khi phiền não nổi lên, ta biết và nhận diện từng anh một. Chận chúng lại, chuyển hóa chúng. Đó là biết tu. Chỉ người có đạo lực mới chuyển nổi phiền não thành bồ đề. Bằng không sẽ bị chúng dẫn, chúng bảo sao thì làm vậy. Ta phải làm chủ phiền não.

Pháp Phật cao siêu màu nhiệm, trăm nghìn muôn kiếp khó được gặp, nay được cơ duyên lãnh thọ, ta phải nguyện tu trì. Một khi hành trì, thâm nhập trọn vẹn yếu nghĩa Phật pháp, Phật tánh sẽ hiển lộ. Nhưng ngược lại, khi sự tu trì tương đối vững vàng, nhưng chưa thâm nhập, lúc bấy giờ, năm ấm ma hiển lộ. Cho nên, ta cần phải học đạo là vậy, để biết đâu là giả, đâu là thật, không chạy theo vọng tưởng điên đảo.

Người xuất gia phải dẹp cho được tam độc tham sân si. Tham lớn tham nhỏ, tham đời tham đạo, sân lớn sân nhỏ, si lớn si nhỏ, vi tế hay thô thiển đều phải dẹp. Dẹp để thay vào đó tam vô lậu học, giới định huệ. Ngõ hầu thành tựu thánh đạo, khỏi cô phụ chí xuất gia của mình.

Trong luật, Phật có dạy "Xuất gia hoàng

thánh đạo, thế độ nhất thiết hơn". Tự giác rồi giác tha, tự lợi rồi lợi tha, tự nhiên như ăn bánh uống trà vậy, không để qua một đời khác. Đó là hạnh nguyện của đại thừa giáo, "truyền đăng tục diệm, tổ tổ truyền thừa", tiếp nối ngọn đèn chánh pháp, chiếu tỏ khắp nơi. Tăng cũng như ni không cần cứ vào hình thức hay nghiệp lực, mà chỉ chú trọng vào Phật tánh của từng người. Nhờ đi thẳng vào Phật tánh mà nó vượt qua tất cả.

Ngoài kinh, luật, luận ta còn phải học cái sống động nhất của thầy tổ để truyền pháp lợi sanh. Ta không cầu gì hơn, cốt để gìn giữ ngôi nhà chánh pháp, để Phật chúng bất đoạn. Vấn đề hành đạo và truyền đạo, nhất là ở xứ Tây Phương rất tế nhị, vi tế và sâu sắc. Muốn làm được vậy, ta phải chú tâm học hỏi, để ý từng chi tiết nhỏ trong khi ta còn đang y giáo với thầy tổ. Để rồi sau này mình sẽ làm như vậy hoặc hơn. Học nơi thầy tổ cái thể thức làm đạo, nhưng không phải rồi ù lì chấp chặt theo thể thức đó. Ta phải biết sáng tạo. Trong nhà Phật gọi là "tự nhiên trí", "vô sư trí", miễn sao không sai lệch chánh pháp. Hãy ghi nhớ điều đó, thầy ân cần nhắc nhở quý

vị.

Tóm lại, ta kỷ niệm ngày xuất gia của thái tử Sĩ Đạt Ta để hiển lộ rõ nét ý nghĩa xuất gia của Ngài. Chúng ta, những người xuất gia, cũng đang đi trên con đường Ngài đã đi qua. Cũng một chuyến đi, mà Ngài thành công rực rỡ, còn chuyến ra đi của chúng ta sao lại trì trệ, có khi đi ngược lại đường cũ, tức là nhập lại gia, hay là nhập đời. Có ai trong chúng ta đã một lần suy nghĩ như thế chưa ?

Thiết nghĩ, những ngày kỷ niệm như thế này giúp ta ôn lại đường hướng tu hành. Thí dụ như đến ngày lễ vía đức Quan Âm, thì ta ôn lại xem cái tâm đại bi của mình có ứng dụng chưa, hễ ứng dụng tràn trề là hiện thân của đức Quan Thế Âm. Tới ngày vía đức Phổ Hiền, ta kiểm điểm lại hạnh nguyện của ta có đầy đủ chưa, hễ đầy đủ là đạt đạo. Đó là chỗ thiết yếu thầy ân cần nhắc nhở quý vị, mong sao quý vị thực hành cho được ý nghĩa của hai chữ xuất gia, nhất định ra khỏi nhà thế tục, để vào nhà Chân Không. Các chuyện thị phi, thành bại, tốt xấu đều dẹp sạch, quyết không để trong tâm của người xuất

gia. Cuối cùng là phải ra cho được căn nhà vô minh. Việc gì mà ta làm không đúng với kinh, luật, luận của Phật, tổ đều là vô minh. Một cái đi của người xuất gia, đi không đúng, cái đứng, đứng không đúng, nằm, ngồi, ăn, nói v.v... đều là còn vô minh. Làm gì cũng phải đúng với oai nghi tế hạnh, chớ không có nói lời bông lung, bạ đâu nói đó, xấu cũng nói, tốt cũng nói, mất đi phẩm cách của người tu.

Kế đến, trong Cảnh Sách, tổ Qui Sơn có dạy "Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhĩ, bất ứng tự khinh nhi thối khuất", kia đã là bậc trượng phu, đã xuất gia thành Phật, thì ta cũng là trượng phu chớ khinh mình mà thoái chuyển. Đừng viện lý do mình ốm yếu, thân nữ, phạm phu v.v... những cái thân đó là bên ngoài, còn cái điển quang bên trong thì không có già yếu, lớn nhỏ, nam nữ. Do đó, ta phải quyết liệt mà đi tới nơi tới chốn, chớ để bước đầu sơ tâm đồng mãnh, tu một đời nghiệp chướng nổi lên, rồi chúng trở lại điều khiển mình. Cho nên phải gắng:

‘Ngày đêm tinh tấn tu hành,
Là người Phật tử tinh thành trước sau.

Rõ ràng Phật pháp nhiệm màu,
Trời cao khó sánh, biển sâu nào bằng !’

Sánh với gì ? Bằng với gì? Là sánh, bằng với vị Phật ở trong ta. Cái tâm sáng đó, phải theo đó mà tu, tinh tấn luôn luôn. Ngoài tu phước trong tu huệ, không một phút giây bỏ trống.

-----*-----

PHỔ HIỀN THẬP NGUYỆN

PHỔ HIỀN THẬP NGUYỆN

Lời khai thị của Hòa Thượng Viện Chủ nhân ngày vía đức Phổ Hiền.

Hôm nay, ngày 21 tháng 2 Âm lịch, là ngày vía đức Phổ Hiền. Thầy nhân cơ hội này, giảng cho quý vị một bài pháp về mười hạnh nguyện của Ngài Phổ Hiền.

Đức Phổ Hiền là bậc Bồ Tát trong hàng thánh giả. Thánh giả là những vị hiện thân làm Bồ Tát để tế độ chúng sanh. Chẳng những Ngài mà các đức Quán Âm, Thế Chí, Địa Tạng v.v...

đều là những bậc thánh giả. Trong sử không xác định rõ thời gian các ngài xuất hiện, mà chỉ nói "vô lượng kiếp về trước". Sự ứng thân của các ngài mang ý nghĩa tượng trưng nhiều hơn. Không như lịch sử của đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni. Do đó ta cũng nên hiểu qua ý nghĩa tượng trưng đó.

Đức Phổ Hiền, tiếng Phạn gọi là Samantabhadra, Ngài tiêu biểu cho đạo hạnh tu trì. Hạnh là chính yếu, không hạnh không thành công. Các đức Phật, Bồ Tát thị hiện ra đời luôn để lại gương sáng hay các đại hạnh nguyện cho người đời sau noi theo, như đức Phật A-Di-Đà có 48 hạnh nguyện, đức Dược Sư có 12 lời nguyện, đức Quán Âm có 12 lời nguyện, còn đức Phật Bốn Sư thì "chúng sanh vô biên thề nguyện độ". Riêng đức Phổ Hiền có 10 hạnh nguyện rộng lớn.

Trong các hình vẽ, tượng tạc, ta thường thấy Ngài Phổ Hiền ngồi trên voi trắng, đức Văn Thù ngồi trên con Đê Thính (một loại sư tử hiền). Mỗi vị Bồ Tát đều cỡi trên lưng một con vật. Con vật tượng trưng tánh hạnh của Bồ Tát. Nói tới tượng vương, ta phải biết oai nghi của nó như thế

nào, rất siêu việt. Trong các loài thú, chỉ có voi đi đứng rất khoan thai. Chánh báo nào thì y báo đó, "đường đường tăng tướng, dung mạo khả quan". Sự đi, đứng của người tu là phải như vậy đó. Lắm khi chỉ nhìn vào cách đi, cách đứng của người tu là người ta muốn quy y, theo làm đệ tử. Đó thuộc về thân giáo hóa. Quan trọng ở chỗ đó. Hạnh tu là thế, cho nên người xuất gia, trong mọi trường hợp đi đứng nằm ngồi đều phải khoan thai, đường đường chính chính. Hôm nay, ngày vía của đức Phổ Hiền, thầy nhắc lại mười hạnh nguyện của hàng Phật tử.

Hầu hết trong chúng đều thuộc lòng mười hạnh nguyện của đức Phổ Hiền:

Nhút giả lễ kính chư Phật;
Nhị giả xưng tán Như Lai;
Tam giả quảng tu cúng dường;
Tứ giả sám hối nghiệp chướng;
Ngũ giả tùy hỷ công đức;
Lục giả thỉnh chuyển pháp luân;
Thất giả thỉnh Phật trụ thế;
Bát giả thường tùy Phật học;
Cửu giả hằng thuận chúng sanh;

Thập giả phổ giai hồi hướng.

Có nhiều vị thuộc bài kệ trên mà không hiểu nghĩa, cũng có vị hiểu đôi chút, nhưng không sâu sắc. Học Phật phải hiểu cả sự lẫn lý, khó nhứt là về lý đạo. Bởi lý đạo nói không được, không thể đem ra giảng như 2 với 2 là 4. Vậy ta làm sao đây? Trước học về sự tướng, rồi nhờ tâm thiền, tâm định làm phát sinh trí tuệ, khi ấy lý đạo mới hiển bày. Nhiệm màu là đây. Nếu lý không hiểu thì không tu tiến được, cũng như mình không thấy tánh thì sao thành Phật! Mà thấy tánh là thấy thế nào? Trong kinh thường nói "kiến tánh thành Phật". Làm sao kiến tánh đây?

Trong những việc làm hằng ngày, từ việc nhỏ cho đến việc lớn, từ "vận thủy ban sài, gánh nước bữa củi" đến công phu tụng niệm đều đúng với pháp sự đạo tràng. Các pháp môn tu tập, các bộ kinh, luật và luận đều phải hiểu biết rõ ràng, đâu ra đó. Thế mới được gọi là kiến tánh. Hiện tại, trong chúng ta, việc gì cũng không biết, không biết đầu không biết đuôi, làm không tới nơi tới chốn, nếu quý vị suy nghĩ lại sẽ thấy tánh của mình ra sao. Tánh còn mê, còn quấy, không

phải là tánh thấy của chư Phật.

Bây giờ thầy giảng sự lý của mười hạnh nguyện;

Đệ tử chúng đấng,
Tùy thuận tu tập,
Phổ Hiền Bồ Tát,
Thập chủng đại nguyện,
Nhất giả lễ kính chư Phật.

Một là lạy kính chư Phật. Là Phật tử tại gia hay xuất gia, một khi lễ lạy chư Phật, lòng thành kính trong ta phát khởi. Đó là lễ thường tình. Nhưng chư Phật đâu chẳng thấy chỉ thấy mấy ông Phật giả, làm bằng ciment, bằng gỗ, bằng giấy lộn khuôn v.v... để rồi đặt tên đặt tuổi, giả danh giả tướng, rồi ốp nhau mà lạy. Lạy đủ lắm, với tất cả lòng thành. Đó có phải là lễ kính chư Phật không? Đúng về sự mà nói thì không ai cho là sai cả, nhưng lễ kính như thế vẫn chưa đúng nghĩa, chưa hoàn toàn, vẫn còn một ông Phật thiệt đâu đó mà ta chưa lễ kính. Làm thế nào để được lễ kính ông Phật thiệt? Ông Phật đó ở đâu?

Ông Phật thiệt không ở đâu xa cả, mà ở

trong chính con người chúng ta. Chữ "kính" là tôn kính ông Phật của mình. Chữ "chư Phật" trong câu "Nhất giả lễ kính chư Phật" hàm ý nói lên sự lễ kính Phật tánh của tất cả chúng sanh, không chỉ riêng của mình. Khi ta lập hạnh kính lễ chư Phật (Phật tánh của tất cả chúng sanh) thì có bao giờ ta làm trái lời thệ nguyện ấy không. Trái ngược nghĩa là gì? Là không cung kính, bất cần, bất cập. Khi ta lễ kính cái Phật tánh của ta, là ta sống rất cẩn thận, nói ra những lời không ngược lại với tánh giác của chính mình và của mọi người. Chính vì vậy, mà trong Đại Thừa Phật giáo, các thầy khi gặp nhau, chấp tay xá chào. Có nhiều vùng ở bên Trung Hoa, các sư chào nhau bằng cách quỳ lạy lẫn nhau. Đó là lễ kính chư Phật. Bên Phật giáo Nguyên Thủy thì không vậy, người ta cho rằng tăng là bậc đức hạnh cao trọng có đâu lại xá hạng phạm phu. Bên Đại Thừa, lễ kính lẫn nhau vì kính cái chánh như Phật tánh của nhau. Điều này hay vô cùng, khi kính Phật tánh của nhau thì không thể nói nặng, buồn giận nhau, và điều quan trọng hơn hết là kính cả chính mình. Đi, đứng, nằm, ngồi đều phải tôn kính ông Phật của mình, đó là hạnh tu.

Thường Bất Khinh Bồ Tát gặp ai cũng "nguyện nhũ tương lai tác Phật", nghĩa là tôi không dám khinh các ngài, vì các ngài tương lai sẽ làm Phật. Có nhiều người giận tức, lấy đá lấy gậy đánh Ngài, Ngài vẫn tự nhiên. Ta kính lạy luôn luôn vị Phật trong ta, ông Phật thiết trong ta. Tất cả các hình tượng Phật ta thờ ở ngoài đều là giả cả. Nói thế ta đừng móng tâm khinh thường, một khi các hình tượng Phật được làm lễ khai quang, an vị để thỉnh các điển quang nhập vào, thì hình tượng trở nên linh thiêng, vì đã tượng trưng cho Phật tánh của mỗi người chúng ta.

Khi ta giữ được "Nhất giả lễ kính chư Phật", ta không dám khinh thường ai, không dám nói nặng ai, bởi vì nói nặng người là tự nói nặng mình, vì ai cũng có Phật tánh cả. Làm được vậy, hạnh tu mới tiến. Tu mà không thấy Phật tánh nên cứ xài xể người cho đã miệng, cho đã tức v.v... thì đâu còn hạnh tu nữa. Lý đạo là vậy. Trong chúng đồng tu học, dù ta có bận rộn thế nào, gặp nhau cũng nên xá với câu niệm Phật A-Di-Đà, rồi nói chào cô, hay chào sư huynh, hay nói theo phương tây là "How are you?" hay

"Comment allez vous?".

Khi Ngài Phổ Hiền "nhất giả lễ kính chư Phật", Ngài không riêng chỉ lễ kính các đức Phật trong mười phương thế giới, mà là tất cả muôn loài chúng sanh. Hạnh của Ngài chỉ có ở hàng Bồ Tát, Bồ Tát tánh phải kính trọng Bồ Tát tánh, thế nên Ngài được gọi là đại hạnh Phổ Hiền vương Bồ Tát.

Nhị giả xưng tán Như Lai

Lời nguyện thứ hai của Ngài là luôn luôn xưng khen đức Như Lai. Xưng khen như thế nào? Không lẽ ngồi đó xưng khen đức Phật này nọ. Nếu thế chỉ là bề ngoài của chữ nghĩa, lời nói. Thật ra, xưng khen như thế cũng là chuyện tự nhiên, vì đâu phải dễ thành Như Lai. Tuy nhiên, đừng quên cái Như Lai Tạng Tánh ở trong ta. Nhưng cái Như Lai Tạng Tánh của ta thì tại triền, trong sự ràng buộc, cột chặt. Đức Phật là Như Lai xuất triền, ra khỏi sự ràng buộc, cắt lìa sợi dây tình ái, sợi dây danh lợi.

Ta phải nhìn lại Như Lai Tạng Tánh của

chính ta. Làm sao sống trở lại với Như Lai Tạng Tánh để rồi được thành Phật, thành tổ. Trước hết, ta phải biết rằng trong ta có Như Lai Tạng Tánh, có viên ngọc Ma Ni. Như Lai Tạng Tánh hiện hữu trong mỗi loài chúng sanh, ngay cả các loài thượng cầm hạ thú, nhưng vì chúng không biết mà thôi. Trong chúng ta, lắm người đậu cả chục bằng tiến sĩ cũng chưa biết mình có viên ngọc Ma Ni, nếu biết họ đã xả bỏ những "thế trí biện thông" để tìm cầu cái siêu trí tuệ. Khổ nỗi họ không biết điều đó. Cho nên, là Phật tử, hơn ai hết, ta phải hiểu, phải biết tôn trọng, xưng tán cái Như Lai Tạng Tánh của mình và của người. Còn thương, còn ghét, còn khen, còn chê là chưa phải xưng tán Như Lai Tạng Tánh. Đó là phạm phu tạng tánh. Như Lai là "như như bất động, lai thành chánh giác", là tự như, sẵn có từ ngàn xưa. Như Lai Tạng Tánh cũng tức là Phật tánh vậy.

Tam giả quảng tu cúng dường.

Ba là rộng thực hành cúng dường. Đứng về sự, cúng dường là hướng ra bên ngoài, nó nằm trong "tứ vật dụng"; ẩm thực, y phục, thuốc thang, và y phục, là bốn thứ cung cấp nuôi dưỡng

chư Tăng Ni. Đứng về lý mà nói, "quảng tu cúng dường" là luôn luôn cung cấp, nuôi dưỡng tâm linh ta bằng những pháp vị cao thâm, giáo lý nhiệm màu. Đó là những món ăn bồi bổ cho tinh thần, hầu giải tỏa những đói khát, bệnh hoạn, những điên đảo vọng tưởng của nội tâm. Nhiều vị tiền bối nghĩ rằng cúng dường các vật dụng vẫn chưa đủ, các vị phát tâm rộng lớn hơn bằng cách đốt một ngón tay, đốt trên đầu, nhiều khi đốt cả thân mạng để cúng dường, vì thấy rằng ân sâu của chư Phật quá rộng dày, không thể nghĩ bàn.

Đức Phật, trong vô lượng kiếp, đã vì chúng sanh tìm cầu chơn lý. Ơn đó ta lấy gì đền trả, lấy gì cúng dường để tạ ơn là tương xứng. Ôi! lời xưng dương tán thán nào mới đủ đây, chỉ có đốt thân này ra tro ra bụi, họa may ta đáp đền ơn trên trong muôn một. Hành động này có cả sự và lý. Sự thì khó nghĩ tưởng, lý thì huyền thâm vi diệu, sâu sắc nhiệm màu.

Sự của câu "quảng tu cúng dường" là cúng dường những gì ta có, tùy khả năng. Làm Phật sự cũng là một cách cúng dường, đem công sức ra phụng sự, sau đó hồi hướng cho pháp giới

chúng sanh.

Trong tất cả sự cúng dường, pháp cúng dường là thù thắng hơn cả. Một khi ta thông hiểu giáo lý của Phật, rồi đem ra giảng giải cho tất cả chúng sanh, bất cứ ngày nào, giờ nào. Đó là hoàng pháp lợi sinh. Đức Phật ra đời chỉ một mục đích chính là cứu độ tất cả chúng sanh. Chúng ta đi tu cũng vậy, chỉ có một mục đích duy nhất là độ tận chúng sanh. Trước là độ các chúng sanh trong ta, rồi mới độ tha. Thế cho nên có câu "Tự tánh chúng sanh thề nguyện độ", nguyện độ những phiền não, diên đảo trong ta, sớm chùng nào gần Phật chùng ấy. Vì vậy, thầy cố gắng khuyến khích quý vị cố tâm học kinh, luật và luận. Có học mới biết giáo pháp, mới mong tế độ chúng sanh. Nếu không, quý vị tế độ cách nào? Không lẽ may y, may áo cho nhiều, lập chùa, lập chiền cho nhiều là tế độ chúng sanh sao? Đã đứng trong hàng Tăng Bảo, lý ra giờ nào cũng thuyết pháp lợi sanh, ban cho chúng sanh những món ăn tinh thần, trường kỳ không gián đoạn. Với các Phật tử đến viếng chùa, sau những lời hỏi thăm xả giao, quý vị đem giáo lý ra

giảng, họ quý lắm, thích lắm. Họ về tới nhà hay đi đâu xa vẫn không quên quý vị, nhứt là đối với những gia đình hữu sự (có thân nhân vừa qua đời). Họ đến chùa xin cầu siêu, mà ta giảng cho họ ý nghĩa cầu siêu, rồi từ đó dẫn đến Phật Đà. Thường trong bối cảnh như thế họ dễ dàng quy ngưỡng Phật pháp và dễ tỉnh thức. Quảng tu cúng dường cũng có nghĩa như thế.

Cung cấp nuôi dưỡng chúng sanh bằng những món ăn tinh thần, vì họ đang thiếu thốn, đang đau khổ. Họ trở nên đói khát, ốm o, gầy mòn. Họ diên cuồng không biết gì là trái, gì là phải. Ôi! có gì đáng thương bằng. Quảng tu cúng dường, nghĩa chính yếu là cung cấp nuôi dưỡng tâm linh, làm cho muôn loài chúng sanh đầy đủ yển sáng giác ngộ.

Tứ giả sám hối nghiệp chướng.

Ngài Phổ Hiền biết rằng chúng sanh sinh ra ở cõi đời này đều có nghiệp chướng. Nghiệp chướng ở loài người nhẹ hơn ở loài súc sanh. Ở địa ngục, ngạ quỷ thì nặng nề, đen tối bội phần. "Ngũ thú tạp cư địa" nghĩa là ta và các loài A-tu-

la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh cùng nhau chung sống lẫn lộn. Ta không thấy các cõi A-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ vì ta còn mắt phàm. Ngay cả người với người đôi khi ta còn không nhìn ra. A-tu-la là loài ưa giận hờn, gọi là A-tu-la tánh. Quý vị hãy gắng dẹp cái giận, cái hờn, là quý vị ra khỏi nhà lửa, còn giận còn hờn là chun vô nhà lửa.

Chúng sanh có nghiệp chướng nhẹ, hay không còn nghiệp chướng sẽ không sanh về cõi "Nam diêm phù đề" này, mà sanh lên các cõi khác. Vì vậy, chúng ta nên thường sám hối nghiệp chướng. Hễ thấy tâm không yên, rắc rối, là phải tắm gội sạch sẽ, đắp y mặc áo lên sám hối. Nhất tâm sám hối, mỗi tiếng chuông là một cái lay. Tiếng chuông tỉnh thức;

Tiếng chuông ngân vọng trong đêm vắng,
Thủ hỏi hờn ai đã tỉnh chưa?

Sám hối cho hết nghiệp chướng. Không riêng gì hàng phàm phu chúng ta, ngay cả bậc A-la-hán vẫn còn vi tế hoặc, vô minh hoặc. Lên tới hàng Bồ Tát vẫn còn vi tế vô minh, trần sa vô minh. Hàng Thập Địa Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ

Tát, và hàng Duyên Giác vẫn còn vi tế vô minh. Trừ khi nào lên đến Viên Giác thì mới hoàn toàn trong sáng. Vì vậy, sám hối nghiệp chướng vô cùng cần thiết cho mọi tầng bậc tu chúng. Tiếc thay, có lắm người cho rằng họ đã tu lâu lắm rồi, đã bốn chục năm hơn, ngày nào họ cũng sám hối, tội đã diệt, không cần phải sám hối nữa. Họ có biết đâu, khi còn mang thân này, thì vẫn còn tội lỗi, chắc thật như thế.

Sám hối có nhiều pháp, nào là Hồng Danh sám hối, Tác Pháp sám hối, Thủ Tướng sám hối. Các pháp sám hối này thuộc về sự. Về lý sám hối thì có Vô Sanh sám hối, nghĩa là luôn quán pháp vô sanh. Tâm niệm hiện tiền của ta không có sanh, không có diệt. Đối với ba thời gian tâm không có; quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc và vị lai tâm bất khả đắc. Bởi vậy, những lúc rảnh rang, ta nên ngồi kiết già quán sám hối vô sanh. Quán cái tâm niệm hiện tại ra sao. Đó là hạnh tu của đức Phổ Hiền, thiếu nó thời hạnh tu không được viên dung.

Ngũ giả tùy hỷ công đức.

Tánh ganh ghét ai cũng có hết, thấy ai hơn thời không ưa. Trong giới xuất gia, thấy ai lập hạnh gì là không muốn, sợ họ sẽ thành Phật sớm hơn mình. Thấy người ta học khá một chút là không vừa lòng. Tánh chúng sanh là như thế đó. Vì biết căn bản tánh của chúng sanh, nên Ngài Phổ Hiền đặt ra hạnh "Tùy hỷ công đức".

Có lắm trường hợp, ta nên "A Di Đà Phật" mà tùy hỷ hết, dầu việc đó ta biết là sai, là bậy. Khi chưa gây được cảm tình với người, ta nên cười hòa thôi. Việc này rất sâu sắc và tế nhị. Trong buổi sơ giao, chớ nên chỉ chỗ sai của người, dễ tạo ác cảm không tốt. Một khi ta mất cảm tình thì khó thuyết phục người. Lần hồi ta sẽ giúp họ sửa chữa lỗi lầm. Ta phải làm việc này với cả khối trí tuệ và lòng từ bi vô lượng. Chớ có đem phiền não mà sửa, đừng dạy đời người ta, làm thế là làm với cái chúng sanh tánh, không phải tùy hỷ công đức. Thấy ai hơn ta, ta phải chấp tay tùy hỷ ngay, để đối trị lại lòng háo thắng, ganh ghét. Hãy dẹp tánh hơn thua vị kỷ, ai hơn mình một tí là chịu không được, ngay cả chị em ruột cũng không từ. Người như thế, sống

triền miên trong đau khổ.

Tùy hỷ là vui theo hay là hoan hỷ. Bất cứ việc gì ta cũng tùy hỷ công đức. Như thế ta mới đi vào tánh sáng, tánh Phật trong ta. Tất cả những gì người khác phát nguyện tu trì ta đều tùy hỷ. Tuy nhiên, có những khi ta không nên tùy hỷ mà phải phát lòng từ bi nhắc nhở đường sự ngay. Thí dụ, trong chúng có vị thầy đang khoẻ mạnh, nhưng hễ tới giờ học là tìm mọi lý do để thối thất, lại nhờ mình xin phép thầy quản chúng thay thầy. Lúc đó ta nên thẳng thắn, với lòng từ bi, từ chối và nói với thầy đó rằng thầy không bận việc, hay bệnh hoạn gì, thầy chỉ sinh tâm lười biếng, mà thầy lại bắt mình đi nói láo. Nếu trong trường hợp đó mà ta thân mật không nói gì, thì đó là chướng ngại cho ta lẫn vị thầy đó. Ta nên tìm một cơ hội nào đó, trong đạo tình với nhau, nói lại sự kiện vừa qua, chẳng hạn như "Hôm qua huynh biểu tôi xin dùm cho huynh vắng mặt trong thời công phu khuya. Tôi thấy huynh không phải không đúng, huynh khoẻ chớ không có bệnh hoạn chi, tại vì huynh muốn làm cái này, cái kia, theo vọng ý của huynh. Nếu tôi tùy hỷ

thì nó ngược lại với hạnh nguyện của đức Phổ Hiền, huynh hoan hỷ hiểu cho, để chúng ta đồng đăng bỉ ngạn’.

Không phải lúc nào cũng tùy hỷ, đó là vô minh. Trong sự tùy hỷ phải có đặc tính trí huệ. Có những việc người nhờ ta, nếu ta không nhận sẽ tạo sự bất mãn với nhau. Ta nhận, nhưng biết rằng việc đó là "ba trời ba đất", không khéo sẽ bị lôi cuốn vào. Nói thế, không phải ta bỏ mặc, mà phải khéo léo tìm cách sửa đổi đương sự.

Tất cả những gì người khác làm mà xứng với Phật tánh, ta đều tùy hỷ cả. Người ta làm được việc lành hầu sớm đạt đạo bồ đề, ta càng phải vui mừng đón nhận. Tùy hỷ công đức, không phải tùy hỷ phước đức. Công đức là chuyện tu, chuyện tiến. Khi thấy người ta tu tiến, ta không những chỉ tùy hỷ, mà còn khuyến tấn họ luôn luôn. Tâm niệm của chúng sanh thì không thế, thường ganh tỵ. Ví dụ, có hai người cùng đi chùa, một người phát tâm cúng dường một số tiền lớn, còn người kia vì chưa biết đạo sâu sắc nên không đồng ý, sợ rằng bạn mình sẽ được chùa trọng vọng hơn, hay thấy ngại ngùng vì người ta

cúng dường mà mình không cúng dường, rồi thốt lời trách cứ bạn mình. Lắm người có tánh phàm phu như thế. Thành ra, trong một nhóm bạn đạo năm bảy người, có người muốn cúng vật gì, số tiền gì lớn thì không dám, sợ bạn đạo sanh tâm ganh ghét.

Lục giả thỉnh chuyển pháp luân

Hạnh thứ sáu là luôn luôn cung thỉnh những vị quay được bánh xe chánh pháp. Việc lợi ích này không phải chỉ riêng ta hưởng, mà cho mọi loài chúng sanh. Chuyển pháp luân là đem thức ăn tinh thần đến cho ta và người, là dùng bánh xe pháp nghiền nát những rác rưởi, cỏ dại trong tâm hồn ta. Tất nhiên, có nghe pháp, dần dà ta giải tỏa được các phiền não trong ta. Thành ra, nghe một thời pháp như thêm một món ăn tinh thần, ta không đói mà người cũng không đói, lợi lạc vô cùng. Đó là hoàng pháp lợi sanh, tục Phật huệ mạng. Bởi vậy, khi hiểu được Phật pháp, ta mới biết con đường tu ra sao, tiến thế nào, làm thế nào chuyển được phiền não. Không biết đường đi nước bước thì làm sao đến nơi đến chốn cho đặng. Mà đường không phải lúc nào cũng thẳng

nhựa hết đầu, hàm hồ chông gai đầy dẫy, cộp beo, rần rít v.v... Cho nên phải thỉnh chuyển pháp luân. Ngày nào có món ăn vật chất ngày đó phải có món ăn tinh thần. Trong thời khóa tu học, giờ công phu sáng, chiều, giờ ngồi thiền, giờ học v.v... đều là những món ăn tinh thần vô cùng cao quý. Một ngày quý vị ăn ba, bốn lần, còn tinh thần không có thời nào, nó sẽ đói khổ nào, nó sẽ ốm o, gầy mòn đến cỡ nào. Cho nên, phải luôn cung thỉnh chuyển bánh xe pháp.

Vì hiểu được lý này, nên có nghi lễ cung thỉnh pháp sư, có đèn, có nhang, có hoa có quả, đôi khi còn có hồng bao nữa. Đó là trọng pháp. Lòng tôn trọng pháp được biểu lộ qua hình thức trên. Người xưa diễn tả lòng tôn trọng pháp qua lời nói.

Cung duy tôn giả, đại Phật tuyên dương,

Thuyết pháp lợi sanh, báo Phật ân đức.

Theo cổ lệ, người đại diện thay mặt toàn thể thánh chúng, cung duy, đánh lễ vị pháp sư ba lạy cúng dường. Có nhiều trường hợp người đại diện

thánh giả đã 82 tuổi ngoài, trong khi đó vị pháp sư chỉ mới ngoài 20. Lắm người không biết đạo, thấy thế cho rằng đạo Phật kỳ hoặc. Họ bảo thuyết pháp thì cứ thuyết, cứ sao lại phải cử một vị đại diện, mà vị đại diện đó tuổi đáng ông ngoài thầy pháp sư. Thế là họ sinh tâm hủy báng. Thật ra, sự cung kính lễ bái đó là đối với chơn lý, với chính pháp, không phải đối với cái xác thân tứ đại của vị giảng sư!

Thất giả thỉnh Phật trụ thế

Về sự mà nói, Phật nhập niết bàn cách nay đã 25 thế kỷ. Nên nói "thỉnh Phật trụ thế" thế nào được! Do đó, "trụ thế" ở đây nghĩa là tại mọi quốc độ, mỗi làng, mỗi xóm đều có được một ngôi đại hùng bửu điện, rồi thỉnh Phật thế gian về trụ. Chỗ đó mới có thuyết pháp dung thông. Nhờ đó có người tu tập, hành đạo và đạt đạo. Thực tế mà nói, thỉnh Phật về thờ, dĩ nhiên là phải có kinh pháp, mà đã có kinh pháp thì phải có tăng giảng kinh, pháp khắp độ chúng sanh. Ai ai cũng công nhận mình có Phật tánh, lấy Phật tánh ấy mà sống thì đâu có khác gì còn Phật trụ thế.

Bát giả thường tùy Phật học

Tám là thường tùy hỷ học Phật. Học làm Phật làm tổ. Người thế gian cho rằng "đĩ thực vi tiên", không ăn không uống thì sanh bệnh sanh tật. Nhưng đối với người tu, việc tìm đạo, học đạo mới quan trọng. Không học không thể bước lên con đường đạo đặng, hầu đến nơi hoàn toàn an lạc, giải thoát. Cho nên, hạnh thú tám là thường theo học Phật.

Về sự mà nói, học Phật không được thiếu sót bữa nào. Trước giờ học phải chuẩn bị đầu vào đầy, xem lại bài cũ, nếu có chỗ chưa hiểu, thời hỏi cho hiểu. Đến lớp trước giờ, đừng đến trễ động chúng. Trong giờ học phải nhứt tâm nhứt đức lắng nghe, lấy tánh nghe để mà nghe, để thâm nhập kinh tạng, mà thâm nhập kinh tạng thì trí huệ mới như hải.

Cái học bên ngoài là thế, cái học bên trong có khác. Học bên trong là "tự tánh pháp môn thề nguyện học". Tánh đây là Phật tánh, ta học cái Phật tánh trong ta. Nhất thiết Phật pháp được gòm thâu vào trong tự tánh. Ta nguyện để học,

học để tiến. Thế nhưng, ta phải học những gì? Học phá chấp, học xả bỏ hoàn toàn cái giận, cái hờn, tiếng to, tiếng nhỏ. Ngay cả thân mạng này còn phải bỏ. "Xả" chỉ là một đức tánh trong muôn vàn đức tánh mà người con Phật phải noi theo, học theo. "Thường tùy Phật học" là thế, luôn luôn tiến trên con đường giác ngộ, giải thoát, đừng để gián đoạn, đình trệ. Còn biết bao nhiêu pháp môn của tự tánh ta phải học phải tu. Thế nên nói "Vô lượng pháp môn thề nguyện học" là vậy.

Cửu giả hằng thuận chúng sanh

Tại sao lại phải hằng thuận chúng sanh? Vì chúng sanh với ta là một, chớ không hai. Có hai là trở ngại, không viên dung, làm đạo không thành. Trước ta hằng thuận chúng sanh, sau mới bàn đến chuyện độ chúng sanh. Chưa hằng thuận thì chớ mong độ người, đó là việc không tưởng, mơ hồ. Dầu có tài năng diễn thuyết thế nào đi chăng nữa, khi chưa thu phục được nhân tâm thì chớ mong nói người nghe. Không nghe lấy gì độ? Cho nên, đây là một trong mười hạnh lớn.

Vì vậy, ra làm đạo phải khéo léo, phải có trí hóa, nhất là quý vị rồi sẽ ra hoàng pháp. Hành đạo phải có hiểu biết, biết để hướng dẫn lớp sau, hơn nữa biết để mình làm, làm viên dung mọi việc. Nếu có trắc trở, thời công việc không tiến hành như ý muốn, thì đó là không hằng thuận được chúng sanh. Vì vậy, trí hóa rất quan trọng, ví dụ sau đây nói lên ý này.

Như có người xin ban Hương đăng cử hành một lần ba, bốn cái lễ, mà trong chúng cần thời giờ tu học. Thời khóa tu học đã được phân định hẳn hoi, giờ nào ra giờ nấy. Nếu kéo dài giờ làm lễ, không khéo trở thành tiền lệ. Dần dà chùa mình trở thành nơi để cúng đám, làm cái nghề thợ tụng. Vì vậy, là người lãnh đạo, ta phải hiểu và giải thích cho phật tử biết rằng thời gian làm hai, ba cuộc lễ là ba, bốn tiếng đồng hồ. Trong khi đó, với trí hóa, ta cũng sẽ làm ba, bốn cuộc lễ trong một buổi lễ, một mà ba, ba mà một, kết quả đều như nhau, không có gì là chướng ngại hết, mọi người đều hoan hỷ. Thế mới thành công, thế mới hằng thuận chúng sanh. Muốn được thế phải học và hành đạo, nhờ học và hành đạo, sau này

ra hóa đạo được dễ dàng hanh thông.

Thập giả phổ giai hồi hướng

Phổ giai hồi hướng là khi ta làm xong việc gì, đừng để trong lòng, mà hồi hướng đến khắp pháp giới chúng sanh.

Hồi tự hướng tha,
Hồi nhưn hướng quả,
Hồi sự hướng lý,
Hồi tướng hướng tánh.

Khi ta làm được điều đó, tâm ta trở thành đại đồng thể giới, trở thành cái vô lậu nghiệp, thành cái yển sáng toàn diện. Pháp giới lúc đó không hiện hữu. Không còn người cho người nhận, người bố thí kẻ thọ thí v.v... Tâm hồn ta bấy giờ nó thênh thang rộng lớn, hoàn toàn sáng suốt, giác ngộ và giải thoát.

Nếu ta thực hành cho đúng các hạnh nguyện của đức Phổ Hiền thì ta sẽ trở thành Phật, thành tổ. Đức Phổ Hiền tiêu biểu cho mười hạnh lớn. Ta phải hiểu cả sự lẫn lý. Một khi lý đó được dung thông, ta không gặp trở ngại trên bước

đường hành đạo. Hôm nay, nhân ngày vía đức Phổ Hiền, thầy nhắc lại những điểm đó, gắng khắc cốt ghi tâm, thực hành cho được mười đại hạnh của đức Phổ Hiền, rồi đến đại từ đại bi của Quán Thế Âm, các đại nguyện của đức Địa Tạng, đại trí của đức Văn Thù v.v... Phải thực hành tất cả, không phải chỉ thực hành đại hạnh mà bỏ đại nguyện, đại trí. Giáo lý tuy phân chia như thế, nhưng chỉ có một, một mà tất cả, tất cả quy về một, rồi cũng không còn một nữa, đó mới hoàn toàn giải thoát, giác ngộ và sáng suốt.

ĐẠO LÝ AN CƯ

ĐẠO LÝ AN CƯ

(Đây là thời khai thị đầu tiên trong mùa An Cư kiết hạ năm Mậu Dần tại Tùng Lâm Linh Sơn Limoges, ngày 17 tháng 5 Âm Lịch)

Thầy đã nhiều lần nói về hình thức cũng như truyền thống an cư kiết hạ, nhưng chưa lần nào thầy nói về lý an cư, thì hôm nay thầy dành trọn buổi khai thị nói về đạo lý an cư. Quý vị hãy cố gắng lắng nghe và thâm nhập.

Nghe pháp cũng là một pháp môn tu nữa đó, thừa quý vị. Cổ đức có khuyên 'trừng tâm để thính, tư duy thâm nhập'. Khi nghe pháp, hãy lắng lòng mình như mặt nước hồ thu, nước hồ thu lặng lẽ trong veo, không có những gợn sóng lăn tăn, không những bụi trần vẩn đục. Nghe như thế là nghe với tự tánh chơn thật hay là trừng tâm để thính (lắng lòng mà lắng nghe). Không phải nghe bằng lỗ tai phàm phu. Nghe với chơn tánh thì vọng tưởng, loạn động, hôn mê đâu thể hiện hữu. Nghe như thế có gì mà chẳng vào. 'Tư duy thâm nhập' là suy nghĩ từng câu từng chữ sao cho thâm nhập, như vậy trí tuệ mới như hải. Đương nhiên, hành động tư duy này phải được thực hiện sau khi nghe pháp. Nếu vừa nghe pháp vừa suy tư thì ta không nghe pháp trọn vẹn được.

Theo như trong chính sử Phật giáo, an cư kiết hạ đã được khởi xướng ngay trong thời đức Phật còn tại thế, do bởi chính đức Phật Thích Ca. Do đó, 'an cư kiết hạ' bản thân nó là một pháp môn tu, là một trong 84.000 pháp môn. Nhưng, chúng ta nên biết thời đó tại Ấn Độ, Phật giáo còn trong thời kỳ chánh pháp. Ngày nay, Phật

giáo đã trải qua bao nhiêu thời đại, xuyên qua nhiều quốc độ, thì hình thức và sự tướng an cư kiết hạ đã thay đổi rất nhiều, có thể nói là khác hoàn toàn so với thời đức Phật còn tại thế. Tuy là có khác về hình thức sự tướng, quốc độ, thời tiết, tập tục v.v... nhưng lý đạo thì không khác, cổ kim Đông Tây, lý đạo chỉ có một.

Có sự tướng, hình thức mà không có đạo lý như cái kiềng thiếu mất đi một chân, nó tất đổ nhào. Đạo lý là ánh sáng chiếu soi vào sự tướng an cư kiết hạ, nó làm hiển lộ mọi hình thức nghi lễ. Cho nên mới có câu: 'Sự lý viên dung phương thành Phật đạo'. Làm việc gì cũng vậy, sự lý phải viên dung, từ cái lay, cái bái, nhổ cọng cỏ, ngọn rau... nhất nhất các sự tướng bên ngoài, ta phải thấu triệt cái lý đạo bên trong. Chấp sự bỏ lý thì không được, mà muốn quên sự cũng không xong. Bởi vì chúng ta còn mang thân tứ đại, hình thức, mà cứ ngồi đó nói về cái lý trơn thì thế nào được. Ngược lại, tu hành mà cứ chấp về sự cũng không được, chấp một đổi đi đến mê tín dị đoan. Cho nên phải học đạo, biết tường tận sự thế nào, lý thế nào trong mọi việc làm, trong việc tu thân,

trên con đường sáng suốt giác ngộ.

Thế đạo lý 'an cư kiết hạ' là gì?

Đáp rằng: 'Tam ngoạ an cư, cửu tuần cấm túc'.

Ba tháng an cư, để an cái tâm. Con người ta khổ vì tâm không an, hết nghĩ cái này đến nghĩ cái kia, rắc rối, khổ não cũng vì chỗ đó. Nghèo khổ đã đành, giàu cũng khổ. Nghịch khổ đã đành, thuận cũng khổ. Tâm chưa sáng, đạo lý chưa thông thì khổ triền miên.

Phật dạy phải giữ giới, có giữ giới mới sanh định, có định mới sanh tuệ, mới an ổn. Tuy nhiên, công tâm mà nhận xét, chúng ta có chiều hướng gọi là 'phương tiện'. Trong thời gian này chúng ta phương tiện một chút, vào thời buổi nọ chúng ta lại phương tiện một chút, cứ phương tiện như thế rồi sẽ trở thành loạn động. Nếu năm tháng trôi qua trong loạn động, thì sự nghiệp tu hành của chúng ta sẽ đi về đâu? Tu như không tu, nếu có chẳng chỉ là hình tướng bề ngoài, với cái đầu tròn, cái áo nhà tu, mà bên trong không

có gì cả. Do đó ba tháng an cư nhằm giúp ta chuẩn bị lại, làm mới lại chương trình tu học của chúng ta, hầu tạo điều kiện cho sự an tâm.

'Cửu tuần cấm túc' là chín tuần không được đi đâu. Ngày xưa, một tuần có mười ngày, vậy chín tuần bằng ba tháng. Trong ba tháng ta lảng xảng vì sự điên đảo của ý tưởng, chúng ta muốn đi đảo hết chỗ này đến chỗ kia. Muốn được an tâm, ta phải buộc đôi chân lại, vì tâm cứ chạy theo cảnh, gọi là 'tâm tùy cảnh hiện', loạn động vô cùng, làm sao tánh giác của ta yên tĩnh, chiếu soi được. Cho nên trong thời gian ba tháng phải giữ sao cho tâm được yên, đừng cho vọng niệm, xao xuyên ngự trị, làm chủ ta.

Vậy, ta phải giữ tâm như thế nào?

Chương trình tu học mùa an cư kiết hạ, mặc dù là hình thức, nhưng cái lý nó tiềm ẩn bên trong. Nếu chúng ta hành đúng theo chương trình thì vọng tưởng điên đảo không có đất dung thân. Việc học, việc làm, việc tu chiếm hết thời giờ của một ngày tu tập, còn đâu rảnh rang để nghĩ chuyện thế gian. Mới năm giờ sáng đã nhận

chuông báo thức chuẩn bị tọa thiền. Kế tiếp là thời khóa công phu sáng. Sau công phu sáng là tiểu thực v.v... Chương trình tu học nó cứ liên tiếp như vậy, thời giờ đâu để khởi vọng tưởng.

Nói về tiểu thực, ăn sáng là chuyện thường tình thế gian. Nhưng đạo lý của sự tiểu thực trong nhà Phật thì có khác. Trước khi dùng điểm tâm, mọi người chấp tay niệm 'Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật', để nhắc chúng ta về cái gì hằng có bất biến trong mỗi người, đó là tánh giác. Tánh đó có lòng như đức rộng giúp ba cõi, tánh giác đó hằng yên lặng, tánh giác đó là ông thầy của ta. Khi niệm câu Nam Mô là ta trở về với trí tánh của chính ta, không phải kêu ông Phật về để ăn sáng với mình.

Nam Mô được dịch nghĩa là trở về, Phật là tánh giác, trở về với tánh giác của chính ta, tánh giác đó có đủ năng nhưn, tịch mặc. Thích Ca nghĩa là năng nhưn, ưa sự tĩnh lặng, không chạy theo đời. Tánh đó là ông thầy gốc của ta, là vị bổn sư. Trong khi ăn sáng, ta phải nhất tâm mà ăn, trong tâm luôn nghĩ đến 'năng nhưn, tịch mặc', không nghĩ gì khác.

Sau điểm tâm là giờ chấp tác. Mọi người cùng làm việc, dọn dẹp sạch sẽ ngôi già lam. Trong khi làm, luôn luôn nhất tâm niệm Phật, làm trong chánh pháp, chánh niệm. Thế nào gọi là làm trong chánh pháp? Ví dụ như khi ta trồng hoa, luôn luôn giữ câu niệm Phật, nếu lỡ ngộ sát một chúng sanh nào, thì trong khi nó bị chết như vậy, mà tâm chúng ta sáng sạch, an bình thì lúc đó, nhờ vào điển quang của ta, nó tức thời siêu thoát, tức thời sanh về cõi Tịnh. Được thế, tức nhiên là không có sự báo oán, nghiệp quả. Do đó phải nhất tâm niệm Phật. Làm những việc khác cũng vậy, đừng có niệm chúng sanh, đừng có nghĩ hơn thua, này kia, tốt xấu v.v... Nhất tâm niệm Phật gọi là thiền, thiền là nhất tâm niệm Phật, cũng được gọi là 'niệm Phật Tam Muội'. Một khi đạt đến trình độ này thì đi cũng niệm Phật, ngồi cũng niệm Phật, nói, yên lặng động tĩnh đều niệm Phật, khi ấy tự tánh an nhiên hiển lộ.

Sau giờ chấp tác là giờ tự học tập kinh điển. Dùng để một phút giây nào trống trải, rảnh rang, bởi vì trống trải rảnh rang để sanh vọng niệm.

Nghỉ ngơi một tí thôi, gọi là lấy lại sức để rồi tiếp tục. Cũng như ăn một chút để có sức khoẻ mà hành đạo, thế thôi! Chớ không nên quá đà. Ăn, mặc và ở phải thường ở trong trạng huống bất túc, nghĩa là dùng cho đầy đủ. Sự sung túc rất tác hại cho việc tu hành, đạt đạo.

Tối giờ quả đường, hay còn gọi là ngộ trai. Từ khi chúng ta chuẩn bị y phục (ăn quả đường phải đắp y), cho đến hết giờ ngộ trai đều trong trạng thái thiền. Gọi là 'thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn'. Tuy là ăn các thức ăn, nhưng ta phải chuyển chúng trở thành thiền duyệt. Trong khi ăn, toàn bộ thời giờ, chúng ta ăn với cái Phật tánh hằng hiện hữu của chúng ta. Một khi cầm chén cơm lên là cúng dường cái Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật, Thanh Tịnh Pháp Thân của ta chứ không phải của ai khác. Rồi Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Phật, cũng là gọi lại đức tánh của chính chúng ta, rồi Thiên Bá Úc Hoá Thân v.v... Nên biết là chúng ta không niệm Nam Mô, có Nam Mô là có niệm danh hiệu các đức Phật. Đây không có Nam Mô tức nhiên là chỉ thẳng những đức tánh thật trong con người

chúng ta, cho đến thập phương tam thế, Di Lạc đều như vậy cả.

Ngộ trai xong, đại chúng cùng đi kinh hành trong chánh điện. Vừa đi vừa đọc lớn câu Phật hiệu A Di Đà thì vọng khó mà xen vào được. Sau kinh hành, chúng ta nghỉ một tí, nằm nghiêng bên hữu, chỉ tịnh như thế khoảng 30 phút, không nên ngủ và luôn niệm Phật. Chúng ta nên cố gắng hành cho được. Khó lắm chứ không phải dễ, vì chúng ta vọng tâm quá nhiều, phải nhất tâm kiên cố.

Nghỉ trưa một tí là đến giờ học. Hết giờ học trưa, chúng ta được khoảng một tiếng đồng hồ để ôn bài là tới khóa lễ chiều, rồi được thực (ăn chiều), rồi lại vào lớp, tọa thiền. Chương trình tu học một ngày trong mùa an cư kiết hạ có sự liên tục như thế giúp ta diệt trừ vọng niệm. Thật ra, ta không có giờ rảnh để nghĩ chuyện thế gian, chỉ một ít thời giờ nghỉ mệt hoặc để suy tính kế hoạch cho việc hành sự sắp tới. Dục vọng, tài sắc danh thực thùỳ không có đất dung thân, vì vậy có câu:

'An cư kiết hạ thâm sâu,
Chúng sanh tác Phật, lâu lâu thấm nhuần'.

Sự thức khuya dậy sớm, hành sự liên miên là để bồi bổ cho tâm ta được an, được sáng, được sạch. Được thế là chúng ta sống trong cõi thánh cao vợi vợi, không còn những tài sắc, danh vọng ngũ ấm ma.

'Cao xa cõi Thánh muôn ngàn,
Nhất tâm bờ giác một đàng thẳng sang?'

Chắc chắn là như thế nếu nhất tâm. Con đường sáng suốt giác ngộ thẳng đến quả vị Phật là của ta, những người có tâm kiên cố. Vì vậy trong ba tháng, phải giữ sao cho những vọng động không khởi lên được, nếu có khởi lên, liền dẹp chúng ngay, dùng câu niệm Phật mà dẹp chúng.

Phương pháp tu học của thầy không phải chỉ nội trong mùa an cư đâu. Quý vị nào có ở Tự Viện đều biết, ngày thường cũng vậy. Chỉ có khác một tí là ngộ trai không phải đắp y và không đi kinh hành, thế thôi! Ngoài ra đều y như trong mùa an cư vậy. Do đó, mọi người cùng vui

tu học. Cái vui đây không phải là cái vui của thế gian, mà là cái vui của nội tâm, là cái tâm an bình. Khi tâm an bình thì cái vui đó thơ thới, cái vui màu nhiệm, tự nhiên.

'Mùa an cư cùng vui tu học,
Tâm chơn thành chí dốc dồi trau'.

Tâm phải chí thành, có thiện chí, đừng để thiếu thốn. Thành tâm là cái tâm thiệt của ta, phải có thâm tâm 'hồi hướng phát nguyện tâm'. Khi ta làm được việc gì, đừng nên nghĩ đến, hãy đem hồi hướng cho tất cả. Làm việc gì cũng phải khép mình trong giới luật, cũng vì chúng sanh. Đó gọi là tâm chơn thành chí dốc dồi trau. Luôn luôn như vậy để mau thành như chi mỷ; tức là thành một vị sư hầu độ đời. Trong thời gian an cư. Quý vị phải luôn giữ vững tâm trí, hết lòng hết dạ hành trì.

'Mười phương cõi Phật lâu lâu'
Phóng quang tiếp dẫn lẽ nào bỏ con'.

Về sự mà nói, đức Phật phóng quang để ta nương theo yển sáng hầu được giác ngộ như

Ngài. Nhưng về lý là trở về với tánh giác của mình. Phật tánh của mình sẵn có hào quang, sẵn có diệu dụng, nhưng vì chúng ta cứ đem cái vô minh, phiền não, nghiệp chướng che đậy tánh sáng đó, không làm cho hiển lộ được. Do đó, nói phóng quang tiếp dẫn là làm sao cho yển sáng tự tâm hiển hiện hầu giúp ta đạt được chân lý.

Về sự, câu này giống như là than thở, cầu cứu, vì còn phàm phu là phải như vậy. Rõ ràng là ta tha thiết với Phật bên ngoài, nhưng về lý là trở về với đức tánh Phật tử vô thủ của ta, cái Phật tánh tiền tiền vô thủ, hậu hậu vô chung đó.

Khởi đầu của mỗi thời khóa tụng niệm hàng ngày, chúng ta thường niệm câu:

'Pháp vương vô thượng tôn,
Tam giới vô luân thất'.

Nghĩa là đấng pháp vương vô thượng, ba cõi chẳng ai bằng. Về sự, câu này có ý tán dương vị Phật lịch sử, nhưng về lý chính là hướng về Phật tánh của ta. Một khi bản tánh của ta được hoàn toàn sáng suốt giác ngộ thì đâu khác gì với đức Phật đã thành, một đấng pháp vương. Hiện

tại vì còn mê nên còn làm chúng sanh, làm kẻ cùng tử. Một khi đã giác ngộ rồi thì không có gì cao quý trên thế gian có thể so lường tỷ giá được. Vì thế cho nên, phải chín tuần cấm túc, đoan trang, nghiêm chánh, đi, đứng, nằm, ngồi, ăn nói phải xứng tánh để mà tu, xứng tánh để mà làm Phật sự. Làm việc gì cũng vậy, một khi xứng tánh tức Phật tánh hiển lộ, mới giải quyết được các vấn đề của cuộc đời, vấn đề khổ đau, sanh tử, luân hồi tử vô thủ đến bây giờ. Được vậy mới là chánh như Phật tánh.

Cũng giống như vậy, an cư kiết hạ là 'duyên như Phật tánh'. Nghiêm mật hành trì trong mùa an cư chắc chắn dẫn đến 'Liễu như Phật tánh'. Đạo lý an cư kiết hạ xem vậy mà thật thâm sâu, không phải chỉ chuyện kiết giới cấm túc, trả lễ hàng năm. Nếu chúng ta thực hành đúng sự lý của mùa an cư tu học, sau một thời gian có thể đưa ta lên quả vị Phật. Chúng ta sẵn có chánh như Phật tánh, cộng với thời gian tu trì kỹ lưỡng, có thầy có bạn, có thiện hữu tri thức, đó là 'duyên như Phật tánh', là như duyên, thắng duyên tốt, thì tự nhiên 'liễu như Phật tánh'

tức cái Phật tánh sáng suốt hiển lộ.

Cuối mùa cấm túc an cư là ngày tụng của chư tăng. Ngày đó chư Phật hoan hỷ, quý vị biết tại sao? Vì ngày đó, nếu trong ta còn một chút lầm lỗi, một ít gì vọng động thì nhờ đại chúng nói lên những khiếm khuyết của ta, để cho các lỗi lầm bị tiêu diệt. Nói cách khác, ngày đó chư Phật hoan hỷ vì chư Tăng Ni, Phật tử tu học, gìn giữ giới luật kỹ lưỡng. Trong luật có nói: 'Tỳ ni tạng trụ, Phật pháp cứu trụ', nghĩa là khi tạng luật gìn giữ được, thì Phật pháp mới còn. Giới luật là mạng mạch của Phật pháp. Thường trong ba tháng hạ, chúng ta duy trì giới luật, thúc liễm thân tâm, vì vậy ngày đó chư Phật rất hoan hỷ. Hoan hỷ vì thấy rằng chúng tăng ni trong đã được thanh tịnh, thì quả vị Phật hay việc độ sanh sẽ được kết quả viên mãn, vì vậy giáo pháp mới trường tồn, chánh pháp mới trụ thế. Cũng trong ngày này, hàng Phật tử tại gia phát tâm đồng mãnh, siêu xuất thế gian, phát nguyện bỏ cuộc đời thế tục, trở về với chánh pháp, trở về với tâm thanh tịnh. Tất cả đều nhờ vào sự gia trì trong suốt thời gian an cư kiết hạ.

‘Chín tuần cấm túc đoan trang,
Trên đài sen báu rõ ràng Phật tâm’,

Sen báu đây chỉ cho cái như Phật tánh. Dầu có phiền não thế nào, nhưng khi biết mình có kiết giới an cư thì rồi cũng lần lần nhẹ đi. Nếu tâm trong lúc đó mạnh có thể chuyển nghiệp dễ dàng. Nghiệp do đâu mà có? Do vọng, nghiệp nường nấu nơi vọng mà sống. Khi ta sống với cái chơn không, cái nhất tâm thời vọng nường vào đâu. Cho nên có câu: 'Tu là chuyển nghiệp'. Chúng ta nhất tâm tu một ngày, là chuyển nghiệp một ngày, còn tu mà không nhất tâm thì càng tu càng tạo nghiệp, khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm là vậy đó.

Thế nào gọi là nhất tâm? Tâm luôn nghĩ về con đường sáng suốt giác ngộ. Luôn tự hỏi ta phải đi thế nào trên con đường đó? Phải làm gì trên con đường độ tận chúng sanh? Canh cánh bên lòng những câu hỏi như thế, đừng nghĩ gì khác. Không nghĩ gì, không có nghĩa đồng với cỏ cây một thể.

Trong mùa an cư, điều cốt yếu là sao cho

tâm mọi người được an vui. Có an thì chắc rằng có lạc, có toàn, có bình v.v... Như sự tích ngài Huệ Khả đến cầu pháp với tổ Bồ Đề Đạt Ma, ngài cầu cái pháp an tâm.

Tổ hỏi: 'Giữa đêm gà gáy canh ba đến đây làm gì?'

Ngài trả lời: ' Dạ! Con cầu pháp an tâm'.

Tổ bảo: 'Ông đem cái tâm đến đây ta an cho'.

Tâm là pháp vô vi, không phải hữu vi mà mang đến được, tổ Huệ Khả không biết làm sao nên trả lời:

'Dạ! Con tìm cái tâm, tìm hoài không ra'.

Tổ Bồ đề trả lời: 'Ta an tâm cho ông rồi đó'.

Chỉ thế thôi mà tổ Huệ Khả hoắt nhiên đại ngộ, trở thành tổ thứ hai bên Đông độ truyền pháp lợi sanh. Ngài nghĩ: 'thì ra tâm mình không an là vì cái vọng, còn chơn tâm thì đâu có an với không an'. Ngài đại ngộ ở chỗ đó. Thành Phật thành tổ ở một chữ 'an', mà an cư kiết hạ cũng

một chữ 'an'. Sống hòa thuận với nhau là an, dùng dấm đập lên sân si ái ố là an.

Những gì chúng ta làm trong mùa an cư, từ tu tập, thiền tọa cho đến nhổ cỏ, lặt rau nhất nhất đều làm trong tỉnh thức, làm mà không thấy mình làm, có thể việc ta làm mới trở thành công đức. Ngược lại, làm mà còn thấy mình làm, còn nhờn, ngã, bỉ, thử thì chẳng có công đức chi, họa may có một ít phước đức hữu lậu. Mà phước đức hữu lậu là một tai nạn cho sự nghiệp thành Phật thành tổ. Người tu chỉ cần công đức vô lậu, cho nên có câu:

'Bao nhiêu công đức vô biên,
Đều do tuổi đạo cần chuyên tháng ngày'

Ngày cũng như đêm, trong ba tháng chuyên cần. Cho nên đến ngày rằm tháng bảy là ngày tự tứ, lên một tuổi đạo. Tuổi đạo càng cao thì công đức càng nhiều.

Mong nhờ Phật lực hôm nay'

Phật lực tức là sức gia trì của chư Phật mười phương, chúng ta mong nhờ, tha thiết cầu xin.

Đó là về sự tướng, còn về lý là chúng ta nương vào Phật tánh bên trong của chúng ta, xứng với Phật tánh mà tu trì.

‘Đồng tròn giống trí liên đài bước sang’

Câu này có ý nói về sự thành đạt trong ta cái 'đại viên cảnh trí', ta chuyển được thức thứ tám. Tâm của ta bây giờ giống như đài gương sáng, hoàn toàn giác ngộ, ngồi đâu cũng giống như ngồi trên đài sen.

-----*-----

ĐẠO LÝ KIM CƯƠNG

ĐẠO LÝ KIM CƯƠNG

Kính thưa đại chúng, Hôm nay là ngày 24 tháng 5, Phật lịch 2542. Đây là lần khai thị thứ hai trong mùa an cư kiết hạ tại Tùng Lâm Linh Sơn Limoges.

Khai thị nghĩa là mở bày một pháp môn tu chúng. Đức Phật để lại 84.000 pháp môn hầu đối trị 84.000 tâm bệnh phiền não trần lao của tất cả chúng sanh. Tâm hết bệnh là giác ngộ, là thành Phật. Trong kinh luật luận ta thường tìm thấy lời chỉ dạy về hành sự cũng như việc thực hành giáo lý, nhưng lý đạo thâm sâu thì không thể diễn tả qua văn tự mà phải được truyền bằng tâm ấn. Các tổ ngày xưa dùng tâm ấn tâm, bất lập văn tự, giữa thầy và trò. Hình thức của sự truyền tâm này thoát trông rất mơ hồ, vu vơ. Một cái tát tai, cây tùng trước sân hay cành sen đều là những hình thức truyền tâm ấn. Một khi vị thiền sinh hội nhận tức được tổ vị, vì lý đạo đã in sâu vào tâm khảm mà tâm khảm đó là Phật tánh.

Kỳ khai thị trước thầy nói về đạo lý an cư kiết hạ, trong thời khai thị hôm nay thầy sẽ nói

về đạo lý kim cương. Bài này được trích ra từ cốt tủy đạo lý trong quyển kinh 'Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật'. Đây là một pháp môn tu tối thượng, pháp môn phá ngã, dẹp trừ tứ tướng, để thể nhập vào kim cương tính, tức là Phật tính. Do đó những thời khai thị như thế này, quý vị hãy dùng cái tánh nghe của mình mà nghe, đừng nghe bằng lỗ tai. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật nói với ngài A Nan rằng, chơn tâm của chúng ta hằng ngày lưu lộ ra ngoài qua 'kiến, văn, giác, tri' mà nhiều khi chúng ta không biết, vì chúng ta quá loạn động và mê muội. 'Kiến văn giác tri' nghĩa là 'thấy nghe hiểu biết', 'Thấy nghe hiểu biết' với cái tâm Phật thì nó trở thành tánh nghe, hay còn gọi là 'văn phản văn chi tự tánh'. Đức Quan Âm Bồ Tát trên pháp hội Lăng Nghiêm chúng được 'nhĩ căn viên thông' là nhờ Ngài biết đem tánh nghe để nghe. Ý thầy muốn nói đây là quý vị hãy lấy cái tánh nghe của mình mà nghe, để thấu triệt và thâm nhập ý nghĩa của lời khai thị. Nghe bằng lỗ tai phạm phu thì nghe bên đây nó lọt qua bên kia. Thường thì lý đạo khó hiểu hơn sự.

Phần cuối của bộ kinh Kim Cương, chữ Tổ đúc kết giáo nghĩa của quyển kinh bằng bài tán sau đây:

Đoạn nghi sanh tín,
Tuyệt tướng siêu tôn.
Đốn vọng như pháp giải chơn không.
Bát Nhã vị trùng trùng.
Tứ cú dung thông, phước đức thán vô cùng.
Nam Mô Kỳ Viên Hội Thượng Phật Bồ Tát

Đoạn nghi sanh tín: Người Phật tử phải đoạn lòng nghi, một khi nghi đoạn, chánh tín liền sanh. Lúc ấy sự nghiệp tu hành của ta mới tiến triển một cách vượt bậc. Nghi là một trong sáu căn bản phiền não và có sức tác động mãnh liệt. Nghi được định nghĩa một cách đơn giản là nghi cái này, ngờ cái kia, việc phải việc trái, việc lớn việc nhỏ, nghi về sự không tồn tại của Phật tánh v.v... Nghi như thế vẫn còn nằm trong phạm trù nhỏ hẹp. Sự nghi đề cập đây là nghi lời Phật dạy, lời tổ dạy, vì nghi nên không chịu thực hành. Một trong ba thành phần mà đức Phật không thể cứu độ được là loại xiển đề, là người không tin vào giáo pháp của Phật. Thành phần này kiếp

kiếp luân hồi trong lục đạo.

Có thực hành đúng theo lời Phật dạy, lời tổ dạy thì tín tâm mới kiên cố, chánh tín mới vững vàng. Chánh tín là niềm tin phát xuất từ yển sáng giác ngộ trong chúng ta, còn tin những chuyện ảo huyền, tin tà đạo v.v... hay những gì thuộc về bên ngoài ta gọi là tà tín hay mê tín. 'Đoạn nghi sanh tín' mà chữ Tổ nói trong kinh Kim Cương là sự đoạn tuyệt tất cả sự nghi ngờ. Nghi nơi mình, nghi lời Phật dạy, nghi lời thầy tổ chỉ dạy.

Muốn hiểu lý Kim Cương để thể nhập kim cương tính, trước hết phải đoạn lòng nghi, để cho lòng chánh tín phát khởi.

Tuyệt tướng siêu tôn nghĩa là chúng ta phải đoạn tuyệt vọng tâm, chấm dứt những gì có hình tướng, đặc biệt là 'tứ tướng'. Thế tứ tướng là gì? Chúng ta không thể nhập được kim cương tính là vì chúng ta còn bốn tướng, bốn tướng đó là tướng như, tướng ngã, tướng chúng sanh và tướng thọ giả. Tướng chúng sanh là tướng của loài hữu tình và vô tình; người, thú vật là chúng sanh

tướng đã đành, mà nhà cửa, xe cộ v.v... đều là chúng sanh tướng. Tướng thọ giả là những tướng có vẻ trường cửu như núi sông, địa cầu v.v... mà ta cứ chấp chúng là thường còn, bất biến. Thật ra chúng cũng nằm trong vô thường biến chuyển. Tuổi thọ của chúng quá lâu, nên sông núi, đất liền là thọ giả.

Vọng tâm chúng ta cứ lẫn lẩn trong vòng bốn tướng, qua ngày đoạn tháng, hết tướng ngã đến tướng nhơn, rồi tướng chúng sanh v.v... Tu hành thì phải làm thế nào để đừng nghĩ đến các chúng sanh ấy nữa, mà ta thường nói là nghĩ việc đời. Muốn được vậy chúng ta phải luôn tham thiền nhập định, đừng nhớ nghĩ đến chúng. Khó chứ không phải dễ, định được một hai phút là vọng lại khởi lên, hết ngã tướng tới chúng sanh tướng. Vì vậy cho nên, thầy thường nhắc trong chúng, quý vị bớt nói lại, bớt động, bớt cười theo thế gian. Đi, đứng, nằm, ngồi phải thể hiện cho được cái thể tính tịch tĩnh, để rồi chúng ta cầu cái đoạn. Hành động tuyệt tướng phải vượt lên trên những tôn chỉ mục đích của mỗi việc, gọi là siêu tôn. Thí dụ như mục đích của tham thiền, của

chuyện tu hành và sự cứu kính v.v... đều phải để lại sau lưng, vì những cái gọi là mục tiêu, chủ đích còn nằm trong tâm ý ta thì chỉ tạo thêm rối loạn mà thôi. Thế của kim cương tính không thể hiển lộ được. Cho nên phải dẹp hết, dứt hết chỉ còn lại một thể tánh lằng lằng thanh tịnh.

Đốn vọng như pháp giải chơn không:
Đốn là nhanh; vọng là quên. Đừng nhớ, đừng để ý. Nhớ, để ý là những niệm chúng sanh, chỉ nên niệm Phật. Thế mà lắm người cứ nhớ. Mình đã mặc chiếc áo giải thoát, áo nhần nhục, áo phước điền vậy mà vẫn còn nghĩ này nghĩ kia. Đốn vọng là nhanh chóng dẹp đi những tư tưởng điên đảo mộng tưởng đó.

Nhơn là ngã, pháp là sự vật. Sự thường chúng ta lúc nào cũng nhớ cái xác thân này, cái gì cũng cứ lo cho cái thân, còn cái tâm thiệt thì quên mất, nhất là Phật tâm thì không bao giờ lo nghĩ tới. Cho nên đi tu là nghĩ tới cái tâm thiệt của mình. 'Cá cá học vô vi', học vô vi là học cách tìm tâm, tìm lại cái tâm thiệt của ta mà từ vô thỉ đến nay chúng ta bỏ quên, cứ chạy theo vọng trần giả cảnh. Những hiểu biết chúng ta kết tụ

được từ học đường và xã hội, những hiểu biết như thế đều là vọng tâm, không phải là chơn tâm. Tuy nhiên chơn tâm lại không ngoài vọng tâm mà có. Nước trong ở trong nước đục chớ không ở đâu hết, lóng hết chất đục nước thành trong. Tâm cũng vậy, hễ lóng hết phiền não thì tâm Phật hiển lộ, kim cương tánh hiện bày.

Vậy cho nên ngã cũng đẹp mà pháp cũng phải đẹp. Một khi không nghĩ tới những sự kiện giả dối, vô thường biến chuyển thì cái tâm thiệt, pháp thân thanh tịnh liền hiển lộ. Như pháp thông thường đẹp đã đành, như pháp của thánh giả để chúng bốn quả thánh cũng phải đẹp. Những pháp xuất thế gian như Tứ Đế, Bát Chánh Đạo hay ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng phải đẹp để có thể đi vào lý kim cương.

Đạo lý kim cương cao lắm, quý vị hãy gắng nghe. Nghe mà không hiểu thì uổng phí thời giờ. Quý vị phải biết tiếc cái ngày giờ hơn là tiếc vàng tiếc ngọc thì tu mới đắc đạo, còn như cú dỗng dến cho qua ngày, bo bo cho qua buổi (Bất khả đặng nhàn quá nhật, ngọt ngọt độ thời) thì uổng quá đi.

Không phải chỉ đốn vọng như pháp mà còn phải giải cái nghĩa 'chơn không'. Đã là chơn không thì lấy gì mà giải. Toàn câu 'Đốn vọng như pháp giải chơn không' khuyên chúng ta nên nhanh chóng quên đi như, pháp, dẹp được tất cả rồi thì cái hiểu về chơn không hiển bày. Khi nói tới chơn không tức phải nói tới diệu hữu. Một khi tâm hoàn toàn không còn tối tăm mê mờ, không còn vọng hoặc phiền não, không còn những sự thế gian thì tâm chúng ta trở thành chơn không. Không mà có, trong cái không có vô lượng công năng diệu dụng, cũng như cái công năng của điện, ta không thấy được điện nhưng công năng của điện thì vô cùng.

Chơn không còn được gọi là Bát Nhã chơn không. Phải hiểu cho được lý Bát Nhã, người mà không hiểu lý Bát Nhã là chưa hiểu đạo Phật. Chư tổ khuyên người đời sau rằng trong mỗi thời kinh đều phải đọc tụng Bát Nhã. Ngày xưa, đức Phật thuyết về Bát Nhã trọn hai mươi hai năm trường, 'nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm'. Tại sao lâu vậy? Khai thác được lý Bát Nhã là một vấn đề, không phải dễ. Bài kinh tiểu Bát Nhã 260

chữ chúng ta tụng hằng ngày, quý vị phải hiểu cho trọn vẹn, từng câu từng chữ. Chưa hiểu phải nhờ các vị trên giảng giải hộ. Quý vị đem tụng câu từng chữ để mà tham thiền, tham đến khi nào hiểu thấu đáo, khi ấy mới gọi là đắc thiền. Do đó cái chơn không đó phải dùng trí Bát Nhã của mỗi người để thấu triệt. Ai cũng có trí Bát Nhã nhưng vì không tự trau dồi, không lo tu nên chơn không không hiển lộ. Vì vậy cho nên mỗi thời kinh, mỗi thời thiền, mỗi buổi cơm tất tất đều làm trong đạo lý, như thế mới thể nhập được lý Bát Nhã. Bằng không khi tụng niệm chỉ hưởng được một chút phước báo mà thôi.

Bát Nhã vị trùng trùng: Chữ vị nghĩ là mùi vị, vị Bát Nhã trùng trùng tỏa khắp mọi nơi, như mùi hương của hoa lan tỏa khắp khu vườn. Ví von trí Bát Nhã như mùi hương của hoa thì thật là tuyệt diệu, như thế ta có thể sờ mó mùi hương, có thể đoán nhận bằng ty giác của chúng ta và có thể xét đoán trí Bát Nhã qua những hành động đi đứng nằm ngồi.

Có lắm người tu trong chùa bao nhiêu năm mà cắm một cây nhang cũng không biết làm sao

cho đúng, chưng một bình hoa cũng không xong, quét sân chùa cũng không biết làm sao cho sáng sạch. Vì vậy, việc xuất gia ở Việt Nam ngày xưa, không như bây giờ, phải tụng chúng tu học 5, 10 năm trở lên. Học ăn với chúng, học làm việc với chúng v.v... học những thứ đó để đi tới chỗ Bát Nhã vị trùng trùng. Nhờ cái học đó mà ta hành sự đúng, thì trí Bát Nhã mới hoa khai, tâm bồ đề mới tròn sáng. Trong sách có câu: 'Trí Bát Nhã hoa khai, tâm bồ đề bền chắc' là vậy đó. Một khi hoa đã khai và tâm bồ đề bền chắc thì ta sống với trí Bát Nhã luôn luôn, chớ không phải sống với ý thức mù quáng, tạo nghiệp. Mù quáng trong sự hơn thua, phải trái, cầu an cầu phước. Người xuất gia phải luôn sống với trí tuệ, có hành thâm Bát Nhã mới chiếu kiến ngũ uẩn giai không, như Tâm Kinh đã nói.

Tứ cú dung thông: Trang cuối cùng của kinh Kim Cương, đức Phật để lại hai bài kệ. Một bài nói về pháp thế gian, một bài nói về đạo lý xuất thế gian.

Bài kệ thứ nhứt:

Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn bào ảnh,
Như lộ diệc như điển.
Ứng tác như thị quán.

Bài kệ này nói về sự vô thường của vạn vật. Nhất thiết hữu vi pháp. Hữu vi là những gì có thể trông thấy được, dầu nhỏ như cây kim, cọng cỏ, hay lớn như con sông ngọn núi. Tất cả như chiêm bao, giả dối, huyễn hóa không thật, giống như những hạt sương mai trên đầu ngọn cỏ, mặt trời lên liền tiêu tan cấp kỳ. Như điển là như lũng điện nhoáng lên rồi tắt lịm vào hư không. Chúng ta phải luôn quán sát như thế, đem trí Bát Nhã để mà chiếu soi vào vạn vật, để tìm ra lý vô thường, vô ngã. Bài kệ trên được dịch ra lời Việt như sau:

Các pháp thế gian thuộc hữu vi.
Như đường ngon giấc mộng đông thù.
Như đồ giả dối không bền chắc,
Như bọt tiêu tan mất cấp kỳ,
Như bóng bên hình không lại có,
Như sương trên cỏ nắng còn chi,
Như luồng điện nhoáng không tồn tại,

Nhận xét như vậy mới thật tri.

Nhận xét minh bạch, rõ ràng sự kiện này thì tự nhiên ta hết khổ, vì không gì có thể gọi là thiệt cả, không gì có thể trường tồn với vô thường. Cung vàng điện ngọc, địa vị danh vọng, cho đến cả núi sông đất liền cũng theo bốn tướng thành, trụ, hoại, không, có gì thường còn đâu! Bài kệ thứ hai, đức Phật nói:

Nhược dĩ sắc kiến ngã,
Dĩ âm thanh cầu ngã.
Thị nhân hành tà đạo,
Bất năng kiến Như Lai.

Tạm dịch:

Nếu ai dùng sắc để thấy ta,
Dem âm thanh cầu ta,
Là người hành đạo tà,
Không thể thấy Như Lai.

Dịch và hiểu nghĩa bài kệ như vậy có vẻ đúng đấy, nhưng đối với lý Kim cương thì là sự ngộ nhận đáng chê trách. Chữ 'ngã' đây không có ý chỉ đức Phật, mà ám chỉ cái kim cương tánh, Phật tánh của mỗi người chúng ta.

Ta nên hiểu bài kệ trên như vậy, nếu người nào dùng sắc tướng, âm thanh để cầu được chơn ngã, chơn tâm thì người ấy hành tà đạo, mà hành tà đạo làm sao thấy được Như Lai Tạng Tánh của mình. Bởi vì vẫn còn nằm trong sắc tướng âm thanh, cho dầu đức Phật còn tại thế, vẫn không thấy chơn thể đức Thích Ca.

Vì vậy phải hiểu thấu đáo bốn câu kệ trong kinh Kim Cương, phước đức mới vô cùng. Phước đức đây là vô lậu phước đức. Bấy giờ dầu có khen ngợi, tán thán đến cùng tận cũng không thể nói lên hết được phước đức vô biên đó.

Nam Mô Kỳ Viên Hội Thượng Phật Bồ Tát: Về sự, cầu này có nghĩa là kính lạy các đức Phật, các vị Bồ Tát trên pháp hội Kỳ Viên. Nếu nói về lý kim cương, ta nên hiểu là sự nhắc nhở trở về, quay về với cái kim cương tính, phải giải trừ tất cả sự tướng bên ngoài. Bằng không tâm ta cứ chấp vào bốn tướng như, ngã, chúng sanh và thọ giả thì không bao giờ kim cương tính hiển lộ được. Đây là pháp môn tu thẳng, dùng trí Bát

Nhã để hiểu và hành giáo pháp.

Dùng trí Bát Nhã để hành giáo pháp. Giáo pháp đây là năm uẩn đều không. Năm uẩn là sắc thọ tưởng hành thức. Người đời thì cho năm uẩn đều có. Năm uẩn có, tất cả đều có. Có càng nhiều càng khổ. Sắc là chỉ cho cái thân con người, thọ là sự lãnh thọ, có lãnh thọ nên khổ. Ai chửi mình mà mình nhận là khổ. Tưởng là tưởng hết chuyện này đến chuyện nọ, tưởng quá khứ, tưởng vị lai. Tưởng đó có thật không hay chỉ là ảo tưởng, là mộng huyễn, là đời. Hành là tâm linh của ta, nó cứ lằng xằng bất định. Chúng ta luôn chịu mệnh lệnh của hành. Hành biến hóa, lưu chuyển khôn lường nên ta không thấy được, do đó khó định nghĩa 'hành'. Trong Duy Thức Học, đặc tính của hành là 'hằng chuyển như bộc lưu', hằng chuyển như dòng nước dốc, như thác nước đổ từ trên cao xuống, ta chỉ thấy một dòng nước trắng xóa, như một tấm vải trắng. Ta có biết đâu dòng nước ấy được kết thành bởi muôn vàn những hạt nước nhỏ li ti. Hành uẩn cũng vậy, khi ta nghe pháp, vì quá nhiều hành uẩn, như một tấm vải trắng ngăn che ta với lối giáo

huấn của giảng sư, nên khó thâm nhập.

Thức uẩn là phân biệt, hiểu biết. Biết cũng là một cái khổ, cho nên ta phải tu đến chỗ 'bất tùy phân biệt' như lời Phật dạy trong kinh Lăng Nghiêm. 'Bất tùy phân biệt' là đừng phân biệt phải trái. Trong đại chúng tu học, ta xem có ai hoàn mỹ chưa, có ai đã thuần thục chưa. Chắc hiếm lắm. Cho nên ta phải tập dùng trí Bát Nhã chiếu soi, nhận xét rồi để qua một bên, đừng để nó vướng lại trong cái thức uẩn đó.

Nói tóm lại, thời khai thị hôm nay thầy nói về lý kim cương để quý vị dùng cái tâm, cái tánh kim cương của chính quý vị mà tu hành. Đã từ lâu, chúng ta không sử dụng trí Bát Nhã, mà chỉ dùng cái ý thức mù quáng, nên mới sanh tử luân hồi mãi như thế này.

Để hiển lộ tính kim cương, trước hết phải đoạn nghi sanh tín, y giáo phụng hành. Đừng nghi Phật, đừng nghi pháp, đừng nghi tăng. Tự tin tưởng rằng mình có Như Lai Tạng Tánh. Hãy quay trở về tin vào tự tánh chơn thật, mà ai trong chúng ta cũng có. Tin những gì bên ngoài là tà

tín, mê tín.

Khi niềm tin đã có, chúng ta nên chặt đứt mọi hình tướng để tâm được nhẹ nhàng thanh thoát, không chạy theo ngoại cảnh trần duyên, ngay cả những chủ thể, mục đích.

Kế đó là 'Đốn vong nhơn pháp, giải chơn không'. Nhơn ngã không còn, lại phải hiểu cho được lý chơn không, thâm nhập cho được nghĩa lý câu 'sắc bất dị không, không bất dị sắc'. Bằng chưa hiểu phải nhịn đói năm, bảy ngày tham thiền ngày đêm không ngừng nghỉ cho được thấu triệt. Khi ấy vị Bát Nhã mới trùng trùng, từng lớp từng lớp tóa ra, khi ấy không còn thất tình lục dục trong ta, người như vậy là giải thoát, tự tại và giác ngộ.

'Tứ cú dung thông' là thông hai bài kệ trong kinh Kim Cương. Bài kệ trước nói về pháp hữu vi, tất cả đều vô thường biến chuyển, người tu hành nên quán xét như vậy. Bài kệ sau nói về pháp vô vi. Vô vi có nghĩa là đừng tìm Như Lai Tạng Tánh trong sắc tướng âm thanh. Có lắm người hiểu lầm cho rằng tụng kinh, bái sám và

ngồi thiền là hình tượng rời lơ là việc tu trì. Tụng kinh, bái sám là những phương tiện hành trì, phi phương tiện bất thành cứu cánh. Thí dụ như thờ tượng Phật, tượng Phật là giả vì được làm bằng xi măng, bằng gỗ v.v... Nhưng cái giả này dùng để độ chơn, gọi là 'dĩ huyễn độ chơn'. Dùng ông Phật giả để độ ông Phật thật trong ta, làm cho ông Phật thật hiển lộ ra ngoài. Ý nghĩa các hình tượng Bồ Tát cũng vậy, như các ngài Quán Âm, Phổ Hiền hay Chuẩn Đề. Đức Quán Âm tượng trưng cho lòng từ bi cứu khổ, người không có lòng từ bi đâu có lẽ lạy đức Quán Âm cũng bằng vô dụng. Ngài Văn Thù tượng trưng cho trí căn bản, Phổ Hiền tiêu biểu cho hạnh nguyện. Mỗi vị Bồ Tát tiêu biểu cho một đức tánh trong ta.

Một khi đã thể nhập kim cương tính, thì phước đức vô lường. Người xuất gia phải thực hiện cho được đức tánh kim cương. Đó là đạo lý của buổi khai thị hôm nay.

THIÊN TỊNH SONG TU

THIÊN TỊNH SONG TU

Quý vị thân mến, hôm nay là ngày mùng 2 tháng 5 nhuận, thầy sẽ nói về đạo lý Thiên Tịnh Song Tu. Đây là bài khai thị lần thứ ba, quý vị gắng nhất tâm thính thọ. Thiên thường nghiêng về lý, còn Tịnh thì về sự nhiều hơn. Thật ra Thiên chỉ dành cho những bậc thượng căn thượng trí, vì cần căn tánh thông minh cao thượng mới hấp thụ được lý Thiên. Tịnh Độ thông dụng cả ba căn, thượng, trung và hạ.

Đã từ lâu, thầy chủ trương Thiên Tịnh song tu. Hai chữ Linh Sơn tên của Giáo Hội chúng ta cũng có một ý nghĩa quan trọng tương tự. Xưa kia, trên pháp hội Linh Sơn, đức Phật truyền trao hai pháp môn Thiên và Tịnh. Về lý rất ráo của Thiên và Tịnh, trên văn tự chữ nghĩa tuy có khác, nhưng lý đạo chỉ là một.

Thiên có nhiều loại. Đầu tiên là căn bản thiên, không ai có thể bỏ được vì là nền tảng. Ngoài ra còn có các loại thiên như Phạm Phu thiên, Nhị Thừa thiên, Tiểu Thừa thiên, Đại Thừa thiên, Bồ Tát thiên, Như Lai thiên, Tổ Sư thiên, Như Lai Tối Thượng Thừa thiên v.v... rất nhiều loại thiên như vậy ta biết chọn loại nào? Sự chọn lựa còn tùy thuộc vào căn tánh, vào quốc độ và vào tâm linh hiểu biết sáng suốt của từng người mà thực tập loại thiên thích hợp (ứng cơ). Dù thực tập bất cứ một loại thiên nào, nếu căn bản không có, tất lạc vào thiên ngoại đạo. Một người hành thiên trên năm, mười năm mà không có căn bản sẽ bị lệch vào Thiên Ma Ba Tuần thiên. Tuy thiên có nhiều loại nhưng cái rớt ráo của Thiên vẫn là 'trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật',

chỉ thẳng vào tâm của mỗi người để thấy tánh thành Phật.

Khi nói đến sự rốt ráo của Tịnh Độ là ta đề cập đến diệu lý 'tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ'. Bản tánh Di Đà ai trong chúng ta cũng có, từ đức Phật cho đến muôn loại chúng sanh. Tâm thanh tịnh là tâm Tịnh Độ, cõi tịnh chỉ ở trong tâm. Một khi tâm tịnh đâu cũng tịnh, dù ở địa ngục, ngạ quỷ hay súc sanh. Nên có câu: 'Tâm tịnh Phật độ tịnh'.

Trên pháp hội Linh Sơn, đức Phật đang thuyết pháp, Ngài bỗng nhiên ngưng lại, cả hội trường êm phăng phắc, sự yên lặng trầm hùng của 1250 vị A La Hán. Đức Phật từ từ đưa cành sen lên, miệng Ngài mỉm cười. Ngài không nói gì, đại chúng ngỡ ngác. Trong sự ngỡ ngác đó, ngài Ma Ha Ca Diếp đứng lên nhìn Phật mỉm cười, ngài cũng chẳng nói gì, có phải đồng thanh tương ứng chẳng! Còn hơn thế nữa, đức Phật đã trao cái tâm ấn cho ngài Ma Ha Ca Diếp làm vị tổ đầu tiên. Để phá tan sự thắc mắc của đại chúng, đức Phật đồng dạy tuyên bố: 'Ta có chánh pháp nhân tạng, Niết bàn diệu tâm, thật tướng vô

tướng, vi diệu pháp môn' truyền lại cho Ma Ha Ca Diếp tôn giả để mà 'truyền trì diệu lý, diễn xướng chánh tông'. Mười sáu chữ 'chánh pháp nhân tạng, Niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, vi diệu pháp môn' là nói về cái lý của thiền. Chánh pháp nghĩa là chơn tâm, chơn lý được chứa đựng trong con mắt sáng (nhân tạng). Tạng có nghĩa chứa đựng. Niết bàn diệu tâm là cái tâm nhiệm màu của ta nằm trọn trong bản sắc niết bàn. Thật tướng vô tướng là tướng chơn thật không có hình tướng, không có hình tướng mới thật là tướng chơn thật. Nếu có tướng có hình là có hoại, có biến chuyển. Vi diệu pháp môn, đây là pháp môn vô cùng nhiệm, đức Phật đã truyền trao cho Ma Ha Ca Diếp tôn giả. Ngày nay ta gọi sự truyền trao ấy là truyền tâm ấn, hay dĩ tâm ấn tâm. Ấn có nghĩa là in, tâm Phật thế nào thì được in vào tâm của ngài Ca Diếp thế ấy. Đó là lịch sử cao siêu có phần liên quan đến hai chữ Linh Sơn. Cho nên hễ nói tới Linh Sơn là nói tới thiền.

Sự truyền thừa tổ vị bên Tây độ từ ngài Ca Diếp là tổ thứ nhất đến tổ Bồ Đề Đạt Ma là tổ thứ

28. Đến đây tổ Bồ Đề Đạt Ma nhận thấy rằng nhưn duyên truyền bá thiên bên Ấn độ đã đến thời kỳ tụt hậu. Sự tình là thế, có thịnh phải có suy. Vì thế ngài mới 'hàng hải nhi lai Đông độ'. Từ ấy mạch nguồn thiên được tiếp nối bởi các vị tổ Trung Quốc như Huệ Khả, Tăng Xáng, Đạo Tín, Hoàng Nhãn và Huệ Năng. Đến thời Huệ Năng sự kế thừa tổ vị không còn nữa vì đã qua thời Tượng pháp. Sau thời Huệ Năng, thiên Trung Quốc được truyền qua các nước Nhật Bản, Đại Hàn và Việt Nam. Thiên bấy giờ không còn như trước vì đã một phần nào bị pha loãng. Vì vậy chư tổ mới chế ra những pháp môn khác, sống động hơn, nhưng vẫn còn trong phạm vi thiên tôn như Ngũ Gia tôn phái bên Trung Quốc. Cũng vì vậy mà chữ thiên trở nên đa dạng, giải nghĩa không hết được!

Nguồn gốc Tịnh Độ cũng không khác, rất ly kỳ thích thú. Cũng xuất phát từ Linh Thứu sơn khi đức Phật còn tại thế. Lúc bấy giờ thái tử A Xà thế, con vua Tần Bà Sa La và hoàng hậu Vy Đề Hy. Vì do tiền duyên nghiệp báo, sau khi được truyền ngôi từ vua cha, thái tử đã nghe lời

Đề Bà Đạt Đa bắt giam vua cha vào ngục tối. Hoàng hậu tìm mọi cách thăm viếng và phụng dưỡng vua Tần Bà Sa La. Khi A Xà Thế biết được việc làm của hoàng hậu, ông đã bắt giam luôn mẹ, là hoàng hậu Vy Đề Hy. Từ trong ngục thất, bà hướng về núi Linh Thứu nguyện cầu đức Phật Thích Ca phóng quang cho bà biết ở trong mười phương thế giới Phật có thế giới nào thanh tịnh trang nghiêm, không có những đứa con ngỗ nghịch, không có ba đường ác thời bà nguyện sanh về cõi đó. Theo như trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, trong mười phương thế giới chỉ có thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà là trên hết, trang nghiêm thanh tịnh. Nước, chim, rừng cây diễn thông Phật pháp, không có địa ngục, quỷ đói và súc sanh, không có những đứa con ngỗ nghịch v.v...

Trên lược thuật về lịch sử của Thiên và Tịnh Độ, dưới đây chúng ta sẽ đi sâu vào lý của 'Thiên Tịnh song tu'.

Thiên nói cho đủ là thiên na, chữ Phạn là 'Dhyana'. Trước kia, chư tổ bên Trung Quốc dịch là Tư Duy tu, nghĩa là suy nghiệm về một

vấn đề gì đó rồi tu hành. Nhưng sau tới thời Huyền Trang, người ta cho rằng định nghĩa thiền là tư duy tu có vẻ cứng nhắc, không uyển chuyển về tâm linh, cho nên các ngài dịch lại là 'tĩnh lự', nghĩa là suy nghiệm về phần tĩnh, về tâm linh, về thực nghiệm.

Một khi đề cập đến thiền, ta thường nghe câu 'Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự', có nghĩa là truyền ngoài giáo lý, không nằm trong một bộ phận giáo lý nào, không có trong 12 phần giáo, không có trong tam tạng kinh điển, và dĩ nhiên không lập thành văn tự. Còn văn tự là còn vọng, có vọng tức không có chơn, dù cái vọng ở trong cái chơn, thì cái vọng đó cũng còn vọng, không thể gọi là an nhiên giải tỏa được.

Tịnh Độ là cõi nước thanh tịnh, hay cõi lòng thanh tịnh. Thường chúng ta có khuynh hướng cho rằng Tịnh Độ là cõi nước thanh tịnh. Về lý Tịnh Độ được hiểu là 'cõi lòng thanh tịnh' thì có phần đúng hơn. Làm thế nào cho tâm được thanh tịnh? Phải phá trừ phiền não, chuyển chúng thành bồ đề, thành tánh giác. Trong sự tu tập hằng ngày, chúng ta phải làm chủ phiền não,

hễ nó khởi lên là giải tỏa nó ngay, dùng tánh giác, tánh thường hay biết mà giải tỏa chúng. Bằng không ta sẽ bị thất điên bát đảo vì chúng, khó tu lắm, dầu cho quý vị có đắp mười cái y Phật để lại cũng không tu được đặng.

Cho nên, chúng ta phải chuyên trì danh hiệu Phật, cố gắng giữ tâm đừng loạn, đi đến chỗ nhất tâm càng hay. Một khi tâm phiền não vọng động nổi lên, hãy tức tốc trì danh hiệu Phật. Phật đây chính là Phật tánh của chúng ta, tức là chúng ta trở về với tự tánh Di Đà, bản tánh giác ngộ vô lượng quang, vô lượng thọ và vô lượng công đức.

Tuy Phật có để lại tám muôn bốn ngàn pháp môn vô lượng diệu nghĩa, nhưng hiện giờ trên thế giới chỉ còn lại thiền tôn và Tịnh Độ tôn là thanh hành tu tập. Chủ trương của thầy về thiền tịnh song tu là pháp môn thù thắng nhằm hướng Tăng Ni, Phật tử trên con đường giác ngộ, đến chỗ minh tâm kiến tánh và được gói ghém trong hai câu thơ sau:

Tham thiền, tham tánh, tánh tham thiền.

Niệm Phật, niệm tâm, tâm niệm Phật.

Hai câu này là tiêu chuẩn về lý đạo của pháp môn thiền tịnh song tu mà thầy chủ trương. Tu thiền phải tham cứu thiền, bằng không tâm chết cứng. Tham tánh là tánh tham xét, tham khảo bản tánh của chúng ta. Tánh là tâm, mê ngộ cũng ở một cái tâm. Quán tâm pháp của tổ Bồ Đề Đạt Ma là nhìn thẳng vào tâm hay tham tâm. Tam độc tham sân si là ba đối tượng tham cứu. Vọng tưởng điên đảo cũng từ tam độc mà ra. Chặt đứt tam độc bồ đề hiển lộ, ngoài tam độc không có bồ đề. Nhưng lấy gì để tham thiền, tham cứu. Xin thưa lấy tánh tham thiền, tánh đây là cái liễu liễu thường tri, cái hằng biết hằng giác. Thế mới gọi là thiền định, ngược lại không thể nào là thiền huệ, định huệ.

Niệm Phật tức là niệm tâm, niệm tâm tức niệm Phật. Tâm là gì? Là bản tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ. Phải làm sao cho bản tánh ấy sống dậy thì bao nhiêu nghiệp hải chương sâu tiêu tan hết.

Thiền thầy chủ trương là Như Lai thiền và

Tổ Sư thiền. Về Như Lai thiền trọng tâm là hai đức Như Lai của thời quá khứ và hiện tại, đó là Di Đà Như Lai và Thích Ca Như Lai. Ta phải làm sao cho cái như lai xuất triền hòa hợp với cái như lai tại triền của mỗi người chúng ta. Xuất triền là đã giải tỏa tất cả phiền não, trọng trước để trở thành một vị Phật. Hãy lấy đức tánh của hai vị Phật mà noi gương theo.

Tổ Sư thiền được truyền thừa từ tổ Ca Diếp cho đến tổ Huệ Năng. Đến thời Huệ Năng Phật pháp đã bước sang thời kỳ Tượng pháp. Cho nên đầu các chùa Trung Quốc, Đại Hàn, Nhật Bản và Việt Nam đều là thiền môn nhưng thiền đã bị cải biến đi một ít, tùy thời, tùy quốc độ. Vì vậy, trong thời cận đại khoảng 2, 3 trăm năm trở lại, sinh hoạt tại các chùa đều phảng phất sắc thái thiền. Gánh nước bữa củi, tụng kinh bái sám v.v... đều là thiền.

Lúc bấy giờ, sinh hoạt của chùa được chia ra làm sáu thời khóa, gọi là trú dạ lục thời; hai thời công phu, hai thời thiền, hai thời thọ thực. Hai thời công phu sáng, chiều đều đượm chất thiền. Câu sau nói lên cái diệu dụng của công

phu sáng: 'Tâm không cảnh tịch, sáng tinh sương'. Nghi thức thọ thực tại các chùa cũng rất là thiền.

Đến đây chúng ta nên mở một dấu ngoặc lớn. Tuy nói thiền tịnh song tu, nhưng chúng ta không thể bỏ Luật tôn hay Mật tôn được, cũng không thể bỏ tôn Quán tưởng. Thí dụ như thời công phu sáng có Lăng Nghiêm, Đại Bi, Thập chú và sau đó là Tâm Kinh Bát Nhã. Ta gọi đó là Hiển Mật viên dung. Tụng thần chú Lăng Nghiêm là để giải tỏa ái nghiệp. Công phu chiều để âm siêu dương thối, mất, còn lưỡng lợi.

Theo truyền thống Phật Giáo Việt Nam từ ngàn xưa, các chùa đều có hai thời khóa thiền trước khi ngủ và sau khi thức. Chúng ta không thể bỏ hai thời khóa tu thiền này được. Đây cũng là điểm mà thầy cần lưu ý quý vị. Sự hành đạo, truyền đạo và hoằng đạo của thầy hoàn toàn theo đúng cái tinh túy của truyền thống Việt Nam.

Cũng theo truyền thống đó, có lẽ xuất phát từ thời Lý, Trần, trong mỗi thời khóa thiền đều có bài kệ hô chuông tọa thiền, nhằm nhắc nhở

giải thích chúng ta trước khi ngồi thiền, bài kệ như sau:

Sơ canh dĩ đạo thượng thiền sàng.
Tam nghiệp tịnh trừ đồ thánh nhan.
Thâm tính Phật ngôn hằng niệm Phật,
Chỉ tu nhất hướng nhập Linh San.

Canh đầu đã đến mọi người hãy vào chỗ mình ngồi thiền, phải cố gắng sao cho ba nghiệp thanh tịnh để thấy được thánh nhân, tức ông Phật của mình. Một khi thanh tịnh rồi thì ở đâu cũng thấy được Phật tánh của mình. Thâm tín là tin sâu lời Phật dạy, kêu là niệm Phật niệm tâm, tâm niệm Phật. Niệm Phật là niệm tâm, niệm tâm tức là thiền. Chỉ tu nhất hướng nhập Linh San là chỉ một con đường ba nghiệp thanh tịnh, con đường tin sâu lời Phật dạy, chỉ một hướng đó mới vào được núi Linh, tức là vào được cái tự tánh, linh tánh của chúng ta.

Bài kệ hô chuông tọa thiền buổi sáng cũng hay vô cùng;

Ngũ canh dĩ đạo pháp môn khai
Chư Phật đồng đăng Bát Nhã đài.

Liễu triệt tam thừa dung nhị đế,
Khai quyền hiển thực kiến Như Lai.
Sanh tử đại sự, vô thường tấn tốc,
Ngưỡng lao đại chúng an tọa thiền trung.
Các các tỉnh tâm đồng niệm Phật.

Chữ Phật ám chỉ cho Phật tánh của mỗi người. Giờ ngòi thiền đã đến mọi người hãy mau vào ngòi trên tọa cụ của mình, như ngòi trên đài Bát Nhã. Đã ngòi trên đài Bát Nhã phải sao cho liễu triệt tam thừa dung cả nhị đế, nghĩa là thông suốt Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa, thông luôn cả tục đế và chơn đế.

Một khi đã liễu triệt tam thừa dung nhị đế thì ta khai quyền hiển thật để thấy Như Lai Tạng Tánh, lắm lúc chúng ta làm những việc gọi là huyền hóa để chỉ cái thật, nhờ vào cái huyền để chỉ cái thật. Nhờ có sự mới hiển được lý và thấy được Như Lai Tạng Tánh.

Chữ tổ để lại rất nhiều bài kệ thiền tương tự như thế, đây không thể lược thuật cho hết được. Về Tịnh Độ cũng không kém, ta có câu về lý Tịnh Độ như sau;

‘Thượng chí nhất tâm bất loạn
Hạ chí thập niệm thành công.’

Trên nhất tâm bất loạn, dưới mười niệm danh hiệu A Di Đà Phật tức thành công. Thủ hỏi ai làm được; câu đầu niệm Phật, câu thứ hai vọng đã xen vào, rất khó nhưng cũng có người tu tập đến chỗ niệm niệm bất ly tâm. Khi ấy tuy rằng mang xác thân này nhưng thật ra ta đang sống với pháp thân thanh tịnh.

Tóm lại Thiền Tịnh Song Tu là đạt cho được hai yếu điểm 'trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật' và 'tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ'. Làm được vậy ta không mất thời giờ, nhất là trong thời Mạt pháp này chúng ta không thể khư khư giữ theo lẽ thói cũ như thời chánh pháp. Chấp chặc thời không thể độ sanh, không thể làm đạo. Cho nên phải biết phương tiện, không phương tiện thì không kết quả gì. Một vị tổ bên Trung Quốc có để lại bài thơ nhằm cổ động pháp môn Thiền Tịnh Song Tu như sau;

'Hữu thiền hữu Tịnh Độ, dụ như đối giác hỏ,

Hữu thiền vô Tịnh Độ, thập nhưn cứu thác

lộ.

Vô thiên hữu Tịnh Độ vạn như đắc vạn như.

Vô thiên vô Tịnh Độ, thiết sàng tinh đồng trụ'...

Người có tu thiên và tu Tịnh Độ giống như cọt mạnh mọc thêm sừng. Nếu có tu thiên mà không tu Tịnh Độ thì mười người sai đường hết chín. Người không tu thiên mà tu Tịnh Độ muôn người tu muôn người đắc đạo hết cả muôn người. Người nào không tu cả hai pháp môn thiên và tịnh tâm hồn rất là tối tăm tức bị sa vào địa ngục nằm giường sắt nóng và ôm trụ đồng sôi.

Như lời tổ dạy, chúng ta phải cố gắng tu thiên và tu Tịnh Độ. Riêng về Tịnh Độ chúng ta phải dùng cái trí để tu, có nghĩa là thiên về lý Tịnh Độ. Sự Tịnh Độ là tiệm giáo, lý Tịnh Độ là đốn giáo. Đốn mới nhanh, tiệm chậm lắm. Nhưng cũng phải biết sự lý dung thông.

**NHỨT NIỆM VIÊN QUANG TỘI TÁNH
KHÔNG**

NHỨT NIỆM VIÊN QUANG TỘI TÁNH KHÔNG

Đức Phật để lại tám muôn bốn ngàn pháp môn. Lắm người hiểu nông cạn lại cho rằng chỉ nên tu duy nhất một pháp môn, như tu Tịnh Độ, hay tu thiền. Họ để ngoài tai tất cả những gì không thuộc về pháp môn của riêng họ. Đó là hạng người thiển cận, không hiểu sâu xa nghĩa lý của cụm từ 'tám muôn bốn ngàn pháp môn'. Thật ra 84.000 pháp môn là những pháp môn giúp hành giả tu tập hằng ngày hằng giờ, nếu không nói là hằng phút hằng giây. Trong cuộc sống thường nhật của chúng ta, mỗi việc làm đều là pháp môn tu; gánh nước, bữa củi, tụng kinh, bái sám hay thiền công án, thiền thoại đầu đều là những pháp môn và có hiệu dụng như nhau. Ta phải tu trọn 84.000 pháp môn trong một ngày, không phải chỉ một pháp môn cho cả một đời tu.

Chúng ta thường nghe câu 'Sự lý viên dung,

phương thành Phật đạo', phạm làm việc gì, dù là nhỏ nhặt, cũng phải làm cho viên dung vô ngại. 'Sự' phải làm thế nào, 'lý' phải hiểu ra sao, ngay cả những câu kinh câu kệ cũng là những pháp môn vi diệu. Do đó, buổi khai thị hôm nay thầy sẽ giảng về bài kệ tám câu dưới đây:

Ngưỡng nguyện bốn sư, vô lượng thọ,
Quán Âm, Thế Chí Thánh Hiền Tăng,
Đồng triển oai quang phổ chiếu lâm,
Cộng tú minh gia hàm cứu bạt.
Vô tử kim sanh chư nghiệp chướng,
Lục căn tam nghiệp chúng khiên vưu.
Nhứt niệm viên quang tội tánh không,
Đẳng đồng pháp giới hàm thanh tịnh.

Ngưỡng nguyện là trải hết lòng mình, nguyện cầu đức bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Chữ 'vô lượng thọ' chỉ cho đức Phật A Di Đà, vì đức Phật A Di Đà tượng trưng cho vô lượng thọ, vô lượng quang và vô lượng công đức. Ngoài ra, sự ngưỡng nguyện còn được hướng về mười phương chư Phật, chư Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng.

Ngưỡng nguyện gì nơi chư Phật, chư Bồ

Tát, chư Hiền-thánh-tăng? Ngưỡng nguyện các ngài 'Đồng triển oai thần oai lực, những yển sáng giác ngộ mà các ngài tu trì được phổ chiếu (khắp soi) đến muôn loài chúng sanh. Lâm có nghĩa là đến tận nơi hiểu biết của mỗi loài.

"Cộng tú minh gia hàm cứu bạt": 'Cộng' là cộng chung lại, 'tú' nghĩa là cho, 'minh gia' là minh huân gia hộ, 'hàm cứu bạt' là bình đẳng cứu vớt muôn loài chúng sanh. Nghĩa của trọn câu là tập trung lại những gì là đại hùng, đại lực mà ban phát và đồng thời minh huân gia hộ cứu vớt muôn loài chúng sanh một cách bình đẳng, không phân biệt.

"Vô thí kim sanh chư nghiệp chướng". Nghĩa là vì ta còn mang thân tứ đại nên các nghiệp chướng vẫn còn đeo đẳng bên ta từ vô thí cho đến nay. Tội lỗi nghiệp chướng đều do 'Lục căn tam nghiệp chúng khiên vưu'. Lục căn là nguồn gốc của tội lỗi và cũng là nguồn gốc của thánh thiện, chúng tạo nên ba nghiệp của thân khẩu ý. Khéo tu, khéo phòng hộ sáu căn, ba nghiệp thời hằng thanh tịnh, không khéo tu, chúng trở thành ác nghiệp, hậu quả là lãnh chịu

những quả ác quả xấu. Nhân nào quả nấy là vậy. Trồng ớt có ớt, trồng khổ qua có khổ qua, không thể khác được. Tóm lại, lục căn tam nghiệp chúng khiên vưu là các lỗi lầm gây ra do ba nghiệp và sáu giác quan.

Tuy nhiên, từ vô thí đến bây giờ, chúng ta có thể 'nhứt niệm viên quang tội tánh không'. Chỉ một niệm, một niệm được viên quang tròn sáng thời các tội lỗi từ muôn kiếp bỗng chốc trở thành chơn không. Mê nhứt kiếp ngộ nhứt thời là vậy. Khi mê sơn hà đại địa đều có, nhưng một niệm ngộ thời tất cả đều không, trở thành tiêu dẫn, giống như nước sôi đổ lên băng tuyết, đổ đến đâu băng tan đến đó. Tội vốn chẳng có cũng chẳng không, nhưng vì vọng tâm mờ tối, mê muội, rắc rối nên tội mới có. Bằng nếu tâm ta nhứt như, sáng ngời như gương, tinh khiết như pha lê thời tội lỗi có chỗ nào trụ, vướng mắc vào đâu, chúng tản mát cấp kỳ.

'Đẳng đồng pháp giới hằng thanh tịnh': Lý của câu này bao trùm cả tám câu trên. Khi tâm đã nhứt như, không còn vọng tưởng điên đảo, tâm ấy tỏa rộng, bình đẳng chiếu soi ánh sáng

thanh tịnh, mọi sự khổ não phiền trược tan biến vào hư không, thay vào đó niềm an lạc trọn vẹn trùm khắp cả pháp giới. Vào địa ngục, địa ngục hóa thành Tịnh Độ.

Trên lược qua nghĩa của chữ mà chưa đi sâu vào lý của bài kệ. Học đạo ta phải đi về cội nguồn của lý kinh. Hiểu lẽ mờ về sự tướng của chữ nghĩa, chúng ta sẽ đi dần vào con đường mê tín dị đoan, trở thành cái đạo quái dị, thái quá, bất cập.

Có lắm người cạy cọt cho rằng 'Phật tức tâm'. Phật là tâm thì cần gì phải tu, phải ăn chay, niệm Phật, đâu cần phải đến chùa lễ Phật. Lý luận như thế là chấp lý bỏ sự, là bất cập. Sự kiện này còn nguy hiểm hơn mười lần hành sự. Cho nên trong Sa Di Luật Giải có đề cập đến lời răn của một vị tổ sư: 'Thà rằng chấp có như núi Tu Di để cho chúng sanh người ta làm, đừng có nói không như hạt cải mà rồi chẳng làm gì cả'. Không làm sẽ tạo cái nhờn mê mờ tối tăm, tức là nhờn địa ngục. Biết rằng nghiệp có hình tướng là những nhờn quả hữu lậu, chưa phải rốt ráo, nhưng thà rằng nói có để người ta làm, còn hơn

nói không để trưởng dưỡng con ma làm biếng, con ma giải đãi. Vì vậy cho nên quý vị phải hết lòng hành sự hằng ngày. Tuy không là rốt ráo cho sự nghiệp giải thoát, không dẫn đến quả vị Phật, nhưng bỏ hành sự không được, bỏ sự thức khuya dậy sớm, bỏ tương bỏ rau muối mặn, bỏ các thời công phu, không thể bỏ được. Bỏ những thứ ấy để cầu thành Phật không khác nào lấy cát nấu thành cơm, sao thành đặng. Hiểu được lý này ta mới mong 'đại Phật tuyên dương, thuyết pháp lợi sanh, báo Phật ân đức'. Thay thế Tam Bảo hoàng pháp mà không hiểu hành sự thế nào, thì ai hiểu đây. Bằng hiểu được tức sự lý dung thông. Hành sự phải đúng với ý nghĩa của sự, nhờ đúng sự mới rõ được lý đạo. Do đó cắm một cây nhang, dâng một bình hoa v.v... cũng phải học, đừng cho rằng những chuyện đó là tầm thường. Nhứt nhứt phải học đạo và hành đạo, học đâu hành đó, để một ngày kia ta sẽ đạt đạo, rồi ra hóa đạo. Nếu không học không hành, lấy gì đạt, lấy gì hành đạo, lấy gì hóa đạo.

Tuy khuyên hành sự, nhưng cuối cùng cũng phải trở về với tâm thiệt của mình, cho nên mới

có 'hồi sự hướng lý, hồi tướng hướng tánh, hồi tự hướng tha, hồi nhơn hướng quả'. Làm tất cả sự tướng nhưng phải quy về lý đạo, lý tánh hầu lợi ích cho mình và cho pháp giới chúng sanh. Sách thánh nhơn có câu: 'Tảo chúc cầu minh, đọc thơ cầu lý', nghĩa là tạo cây đuốc để cầu ánh sáng, cầm đuốc soi sáng cho người. Đọc thơ cũng vậy, đọc để tìm cái diệu lý trong sách, thấu triệt và thể nhập vào tâm. Tất cả những gì về hành đạo và tu đạo trong suốt hai mươi bốn giờ đồng hồ đều quy trở lại lý tánh, lý tánh tức là chơn tâm. Trở về với tâm, 'cá cá học vô vi' là vậy, vô vi là tâm, mỗi người học lại những diệu dụng của chơn tâm.

Đạo lý của bài kệ này là làm việc gì cũng phải hết lòng hết dạ thì việc đó mới thành. Dầu việc có tầm thường như quét nhà rửa chén mà không có tâm chí thành vẫn không đi đến đâu. Trái cái tâm 'bôn sư', cái tâm vô lượng thọ của mình trên công việc làm, đem cả tấm lòng mà mong muốn, mà nguyện cầu. Chớ có đem cái sự giải đãi, sợ khó sợ khổ, sợ bệnh sợ hoạn thì việc làm chỉ kết quả thường thôi. Không siêu việt, không 'xứng tánh tác Phật sự'. Cho nên ngưỡng

nguyện là trở về với vị thầy gốc của ta, trở về với bản tâm thanh tịnh từ vô thủy đến bây giờ.

Trong kinh Lăng Nghiêm có nói tâm chúng sinh lúc đầu sáng suốt, rộng không thật vi diệu, nhưng trong một phút giây nào đó vì vọng động bất giác vô minh, tạo ra sơn hà đại địa thế giới chúng sanh, dẫn đến luân hồi trong lục đạo. Từ đó đến nay đã trải qua vô lượng số kiếp. Giờ đây phải làm sao trở về với gốc cũ cội xưa của chúng ta, tức là tánh sáng suốt, tánh Di Đà với vô lượng thọ, vô lượng quang, vô lượng công đức. Tâm đại từ đại bi, đại hùng đại lực v.v... đều nằm trong bản tánh Di Đà. Đại chí đại nguyện cũng nằm trong bản tánh Di Đà ấy và cả ở các bậc Thánh Hiền Tăng. Mỗi vị Thánh Tăng đều tượng trưng cho đức hạnh của Phật A Di Đà. Ví dụ như ngài Mục Kiền Liên có thần thông đệ nhất, La Hầu La mật hạnh đệ nhất, Văn Thù với đại trí, Phổ Hiền với đại hạnh. Tất cả những danh hiệu đó hàm chứa đức tánh thiện mỹ mà mỗi người chúng ta đều có. Chúng ta chỉ việc trở về.

Trở về bằng cách nào? Bằng 'Đồng triển oai quang', triển với tâm tinh tấn, luôn luôn làm

gương cho hậu bối, một khi tâm Phật đã được khai triển thời yến sáng giác ngộ sẽ từ trong lưu xuất, muôn loài chúng sanh đồng hưởng. Đó! quý vị thấy không, cho nên nói rằng 'nhứt nhưn phát chơn quy nguyên thế giới tận thành tiêu dẫn', tự mình phát được cái chơn quy nguyên là trở về với bản tánh thiệt của mình, khi ấy thế giới này không còn tác đất, vì chỉ còn lại thế giới của sự giác ngộ, tâm chưa sáng suốt nên thấy thế giới này toàn là đất đá, hàm hố chông gai.

Trở về với cái tâm không mong cầu, không triền phược. Lắm người tu hành mà tâm sân si ái ố nhiều hơn lúc họ chưa xuất gia, hết giận đến si mê, hết si mê đến thương ghét. Tu là phải bỏ tất cả, làm sao cho tâm luôn luôn hỷ xả, ban vui cứu khổ mọi loài chúng sanh. Nhiều người hiểu lầm tâm hỷ xả là bỏ tất cả, ai làm gì thì làm chỉ cốt sao cho tâm được an định. Hiểu như vậy là sai lệch. Ví dụ cụ thể trong chúng xuất gia, vị nào đi trước phải làm gương và biết dắt dẫn người đi sau. Những người đi sau, dầu họ vô tình hay cố ý, họ có làm sai, và ta vì muốn giữ tâm thanh tịnh mà để mặt làm ngơ thì điều đó rất không được.

Đi trước phải khuyên bảo người đi sau, nói với người làm lỗi phải sửa sai, cần phải sám hối. Đương nhiên lời nói phải nhã nhặn, chơn thành. Trong chúng có lắm người ương ngạnh, tâm A-tu-la của họ vẫn còn đây. Nói một lần họ không bao giờ nghe, thì phải nói hai lần, nói nhiều lần mà họ vẫn không chịu sửa đổi thì đó không phải lỗi ở mình. Tuy vậy, chúng ta phải cố gắng. Ngoài đời người ta nói nhất quá tam, nhưng trong đạo phải nhất quá thập, nghĩa là nhắc nhở khuyên tấn luôn luôn. Lắm người căn cơ còn thấp, sau mười lần dạy bảo mà vẫn không nghe, ta phải y nghi lễ mà nhắc nhở, bằng vẫn chưa nghe ta phải nói lên giữa đại chúng nhờ oai lực, tử lực của đại chúng mới độ được người đó.

'Cộng tử minh gia hàm cứu bạt': Cộng tất cả những đức tánh mà thầy đã nói đem ban bố một cách thâm lặng cho muôn loài chúng sanh. Âm thầm tiếp độ hậu lai hầu báo đền ơn đức chư Phật. Làm được như vậy mới nói đến chuyện độ đời. Hàm cứu bạt là bao trùm, bình đẳng cứu độ tất cả chúng sanh. Chữ 'bạt' là nhổ hết gốc khổ cho chúng sanh.

Bốn câu đầu nói lên sự trở về tâm Phật của mỗi người, cố gắng thực hiện để tự độ độ tha, tự giác giác tha.

'Vô thủ kim sanh chư nghiệp chướng': Nghĩa là nghiệp chướng từ vô thủ đến bây giờ, không biết bao nhiêu mà lường. Trong bốn châu thiên hạ, núi Tu Di là ngọn núi cao nhất mà tội lỗi mỗi người chúng ta nếu có hình tướng thì nó còn cao hơn cả núi Tu Di. Hình dung như vậy để chúng ta thấy rằng nghiệp lực rất thậm đại, trong kinh Địa Tạng nói: 'Nghiệp lực thậm đại, năng địch Tu Di, năng thâm cự hải, năng chướng thánh đạo'. Nghiệp lực của mỗi người rất vĩ đại, khi phát tâm muốn làm điều gì để tiến trên con đường giác ngộ thì nó kéo mình xuống, nó ngăn chặn. Cho nên tu một mình không thầy không bạn tốt sẽ không thành, luôn bại trận trước sức nghiệp.

Sức mạnh của nghiệp không phải vừa; muốn tinh tấn tu hành nó lại kéo xuống; muốn phát tâm làm việc đạo, thì nó viện đủ mọi lý do để ngăn chặn, cho đến nỗi những lời dạy của bề trên mà không bao giờ chịu nghe. Dù thầy tổ có

dạy đôi ba lần nhưng giấc phiền não đã chiếm trọn lý trí, khiến ta làm theo những ý tưởng điên đảo. Khi xưa, các tổ còn bắt quỳ hương, sám hối, nhiều khi đánh đòn nữa, thiên sinh được 'ăn' thiết bả, thiên trượng là thường. Sự giáo huấn như thế hữu hiệu lắm, nó đánh bật những con ma làm biếng, con ma ương ngạnh ra khỏi người thiên sinh, chứ không phải đánh người thiên sinh đó. Đó là lối dạy đạo ngày xưa, ngày nay dạy theo kiểu xưa không chừng bị đánh lại, phiền não nổi lên là bỏ đi hết, bỏ tu hành, tạo thêm nghiệp.

Nghiệp chướng, ma chướng trong chúng ta rất lớn mạnh. Thầy nói một chuyện nhỏ để quý vị nghiệm xét, như từ sáng tới chiều mà chúng ta không nhứt tâm tu niệm thì chúng ta tạo nghiệp. Trong một giờ một phút mà chúng ta không sống với Phật tánh, tức sống với phàm tánh. Ngồi không, nghĩ hết chuyện này đến chuyện kia, toàn chuyện thế gian. Hết nghĩ đến nói, nói cho đã giận đã tức, rồi đúc kết thành hành động như chưa đi đã chạy, chưa nói đã cười, ngồi đầu nhip đùi đó, tất cả những chủng tử đó huân tập vào tâm điền, rồi sẽ là những nhân tố gây trở ngại cho

sự duy trì chánh niệm. Thử hỏi trong một ngày quý vị giữ được chánh niệm bao lâu? Mấy chục phút? Vậy những giờ còn lại làm gì? May là chúng ta đang sống trong ngôi già lam, mặc y giải thoát. Không phải chỉ một mà ba y Tỳ Kheo, vậy mà thỉnh thoảng vẫn nghĩ tới chuyện đời mấy chục năm về trước, cho nên nói nghiệp lực rất vĩ đại là vậy.

Các tội chướng, nghiệp chướng ta tạo từ vô thủy cho đến nay nhiều vô số, một năm 365 ngày, 100 năm ba vạn sáu ngàn ngày, mỗi ngày chúng ta tạo biết bao nhiêu nghiệp chướng. Điểm quan trọng ở đây là những lời nói, hành động cuối cùng trở lại nằm trong cái tâm của ta. Chúng ta cứ tưởng chửi người, nói nặng, nói như bọn la sát quỷ tử mẫu, nói cho hả giận rồi thôi. Thật ra không phải vậy, tất cả đều huân vào trong ruộng tâm của ta cả, rồi một ngày kia sẽ nảy mầm, nứt mộng. Vì vậy cho nên người chơn chính tu hành không dám nghĩ gì khác, luôn luôn niệm Phật, niệm Phật tức là niệm tâm, tâm và Phật cho như một.

Các nghiệp chướng từ vô thủy cho đến ngày

nay đều do 'lục căn tam nghiệp chúng khiên vu' tạo ra. Mắt thấy sắc gì vừa ý là chịu lắm, chết cũng phải theo cho được. Sắc đó là những ảo tưởng, cả thanh, hương, vị, xúc và pháp đều là những ảo tưởng, chúng ta cứ chạy theo luôn. Trong sáu món trần cảnh vừa kể, cái nào là thiệt, hay chỉ là những hào nhoáng bề ngoài. Như hoa kia tuy sặc sỡ đủ màu, ong bướm tranh nhau hút nhụy. Nhưng hoa sớm nở tối tàn, mà người đời lại cho là thường còn mãi mãi, rồi như những con thiêu thân lao vào ánh đèn của hoa lệ, để rồi chết một cách oan nghiệt, tức tưởi.

Mọi tội lỗi đều do sáu căn ba nghiệp tạo ra, cho nên là con Phật, xuất gia hay tại gia đều phải luôn luôn sống với ba nghiệp hằng thanh tịnh. Lời nói, ý nghĩa, việc làm phải chơn thật luôn luôn. Nếu ba nghiệp thanh tịnh thì đồng với Phật lên trên tòa sen mà ngồi (Tam nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vắng Tây phương).

'Nhứt niệm viên quang tội tánh không': Một khi tâm niệm được hoàn toàn sáng suốt, thì bao nhiêu tội chướng như núi Tu Di, như biển cả cũng không thành vấn đề, chúng tiêu tan cấp kỳ.

Tội nghiệp vốn vô chủ, không chủ thể, không hình tướng. Ngài Huyền Giác thiền sư trong Chứng Đạo Ca có nói: 'Hườn liễu túc, nghiệp chướng bỗng lai không, vị liễu ứng tu hườn túc trái'. Người hiểu đạo, biết đạo và đạt đạo thì bao nhiêu nghiệp chướng từ ngàn xưa đến nay không còn nữa. Chắc chắn như vậy, dù là trọng tội như sát sanh. Bằng không hiểu đạo thì vay nợ nào trả nợ đó.

'Đẳng đồng pháp giới hàng thanh tịnh': Một khi tâm chúng ta tròn đầy, sáng suốt thì tất cả pháp giới chúng sanh thường thanh tịnh. Bởi vì tất cả do tâm tạo. Khi tâm ta thanh tịnh thì hoàn cảnh bên ngoài cũng trở thành thanh tịnh.

Toàn bộ bài kệ nói lên sự quay về với bản tâm thanh tịnh. Trong tất cả kinh điển Đại thừa, chỉ riêng về kinh thôi, hễ đọc được một bộ kinh là biết tất cả các bộ và cuối cùng cũng quy về tâm của mọi người, của cộng đồng pháp giới chúng sanh. Phải làm sao nhận được chơn tâm, rồi sống với nội tâm chơn thật đó, gọi là 'nhập Phật tri kiến'. Một người hiểu được Phật tri kiến tu hành hằng ngày như thế nào ta biết ngay, họ

không dám giải đãi để vọng tình nổi lên, nhất tâm nhứt đức làm đạo, quả vị thánh nắm trong tay.

ĐỨC VÀ HẠNH

ĐỨC VÀ HẠNH

Kính thưa đại chúng thân mến, thời khai thị hôm nay thầy sẽ nói về luật để quý vị thọ trì, nhứt là những vị vừa mới xuất gia.

Trong luật có câu : 'Tam thiên oai nghi, bát vạn tế hạnh, thọ trì nghiêm chỉnh, thành Phật hữu dư'. Nghĩa là ba ngàn oai nghi, tám muôn hạnh nhỏ, nghiêm chỉnh mà thọ trì, thành Phật có dư. Luật do Phật chế ra, nhưng yếu điểm, mục đích của luật là gì? Có phải là giữ oai nghi tế hạnh cho người tu hay không? Câu trả lời chắc bằng là không. Điểm cốt yếu của luật là giúp tâm ta định, oai nghi hay tế hạnh là sản phẩm của định,

có định là có sự sáng suốt, màu nhiệm.

Người có tế hạnh là người cẩn thận từng ly từng tí trong mọi hành vi cử chỉ, còn oai nghi thuộc về sự đỉnh đạt nghiêm trang trong cung cách đi đứng nằm ngồi của một vị tăng hay ni. Ngoài có trang nghiêm là nhờ bên trong có trang nghiêm. Không gì ngoài tâm. Giữ gìn giới luật giống như giữ tâm trở lại tịch tĩnh, tịch mặc, mà tâm có tịch mặc mới thể nhập được biển tánh Tỳ Lô (cộng nhập Tỳ Lô tánh hải), nhập được tri kiến Phật, chứng quả thành Phật. Bởi vậy, ta có thể nói giữ gìn giới luật là một pháp môn thiết thực nhất. Điểm cốt yếu của người xuất gia, theo như lời Phật dạy, phải có đầy đủ năm đức tánh (xuất gia ưng tu ngũ đức), thì buổi khai thị ngày hôm nay, thầy sẽ giảng về năm đức tánh đó và sẽ kết thúc với lời giải thích rõ ràng về 'tam thiên oai nghi, bát vạn tế hạnh'.

Dù là sơ tâm xuất gia hay đã thọ đại giới, người xuất gia đầu Phật phải nghiêm chỉnh thọ trì đủ năm đức tánh này.

Đức tánh thứ nhất: **'Nhất giả phát tâm xuất**

gia hoài bội đạo cố. Hoài nghĩa là ôm giữ, bội là đeo theo. Hoài bội đạo là ôm giữ hoài bảo, canh cánh bên lòng cái đạo chánh chơn. Đạo có ba nghĩa; Đạo là con đường, Đạo là bốn phận, và Đạo là chơn lý hay nói văn hoa hơn là lý tánh tuyệt đối, cũng gọi là bản thể.

Khi vừa thế phát bầm sư, vị mới xuất gia đã được dạy rằng 'xuất gia hoàng thánh đạo, thế độ nhất thiết nhưn'. Người xuất gia phải hoàng hóa theo con đường Phật đã đi, chỉ lại con đường đó cho mọi người, hầu đạt đến chỗ sáng suốt giác ngộ thành Phật thành tổ. Đến đây ta có thể định nghĩa lại chữ đạo. Đạo trước hết là bốn phận, kế đó đạo là con đường sáng đưa ta đến quả vị sáng suốt giác ngộ giải thoát. Nói thế, hai nghĩa này vẫn còn tầm thường. Nghĩa thực thụ của chữ 'đạo' là sự quyết tâm tìm cho ra chơn lý trong hiện đời, không thể dần dà sang đời khác. Nhưng tìm đâu cho ra chơn lý? Sau khi đức Phật thành đạo dưới cội cây Bồ đề, ngài đồng dạy tuyên bố: 'Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng như lai', nghĩa là đều có sẵn ông Phật của mình. Ông Phật của mình chính là chơn lý. Bốn phận của

người xuất gia là chỉ cho Phật tử tìm lại ông Phật của họ. Quý vị nên nhớ lấy điều này để sự tu của quý vị không có một phút giải đãi, một phút nào chểnh mảng. Đó là đạo, đạo là chơn lý, đạo là lý tánh tuyệt đối, cũng gọi là bản thể. Muốn đạt đạo phải tu, phải sửa, giải tỏa tất cả những vọng nghiệp tích tụ từ vô thủy đến nay. Phải tinh tấn ngày cũng như đêm canh cánh bên lòng niềm thao thức đó, thế mới xứng với câu 'hoài bội đạo' vậy.

Đức tánh thứ hai: **'Nhị giả hủy kỳ hình hảo, ứng pháp phục cố'**. Người xuất gia phải luôn sống giản dị thanh cao, nhứt là về thân mạng vì nó hiện hữu. Do đó sự sống phải đạm bạc, tránh xa những sa đọa, trụy lạc của thế gian. Vậy việc đầu tiên phải làm là gì? Thế phát bầm sư, phải cạo tóc, tóc là hiện thân của phiền não, cạo bỏ tóc như cạo bỏ phiền não vậy. Cạo tóc cũng có ý nghĩa hủy bỏ hình hài hoa lệ, những trau chuốt của thế gian. Tất cả những gì thuộc về hình tướng của thế gian là để trưởng dưỡng nghiệp bất thiện. Đối với người xuất gia, dĩ nhiên cái hiện thực là cạo bỏ râu tóc, thân chỉ ba y. Nhiều vật

sở hữu sanh phiền hà và dễ gọi lòng tham, khó tu hạnh giải thoát, tâm cứ lẩn quẩn trong việc ăn, mặc và ở. Một khi đã hủy kỳ hình hảo, ta phải 'ứng pháp phục cố'. Nghĩa là sao? Nghĩa là phải ứng dụng pháp phục nhà Phật mà tu.

Đức tánh của người tu là xa rời những xa hoa của thế gian, mặc áo hoại sắc, màu sắc không còn là màu sắc gọi là hoại sắc. Thế nhưng, có người hỏi tại sao các thầy cô lại đắp y màu vàng, màu vàng đâu phải là màu hoại sắc? Trái lại, màu vàng còn tượng trưng cho mối tình trẻ trung của tuổi mới lớn, như câu thơ 'áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc'. Hiểu thế còn quá thiếu cận. Chư tổ ngày xưa dùng màu vàng để tượng trưng cho thân kim sắc của Phật, mặc y vàng là để noi theo ý chí đồng mãnh quyết đắc thành đạo vô thượng bồ đề của chư Phật mười phương. Với lại một khi các đức Phật đắc đạo, thân các ngài trở thành huỳnh kim, một màu vàng tía.

Đi tu mà ăn mặc sặc sỡ theo thế gian chỉ làm tăng thêm ái nhiễm, dục vọng. Vì vậy cạo tóc, mặc áo cà sa có ý ngăn ngừa sự trao đổi diệu bộ, sắc diện. Bên Nam tông, điển hình là Phật

giáo Thái Lan, có một số họ không những cạo tóc mà còn cạo cả chân mày, trở thành xấu xí để cho sắc dục không nổi lên. Thành ra, thầy có lời khuyên quý vị là y phục phải đạm bạc, thô sơ. Đừng nên dùng những thứ sắc sảo, khó tu và sẽ bị ảnh hưởng bên ngoài.

Đức tánh thứ ba: **'Tam giả cắt ái từ thân'**. Cái đức tánh thứ ba là cắt sợi dây ân ái, ái nhiễm và phải tạm biệt những người thân trong một thời gian. Khi đạt đạo mới trở về, về để độ người trong gia đình. Mới xuất gia mà gần gũi người đời dễ bị nhiễm, bị người đời độ lại. Vì vậy phải xa một thời gian, nhứt là tuổi trẻ.

Đức tánh thứ tư : **'Tứ giả hủy khí thân mạng, tôn sùng đạo cố'**. Hủy khí dịch chữ là hủy bỏ những không có nghĩa là quyền sinh, mà có ý khuyên không nên quá câu nệ vào thân mạng huyễn hóa này. Chúng ta phải luôn quan tâm đến việc tìm cho ra chơn lý ngay trong cuộc đời này. Đời sống của chúng ta quá ngắn ngủi, trăm năm là giấc mộng dài, quanh đi quẩn lại cuộc đời như bóng câu qua cửa sổ, mà chơn lý thì mờ mịt bóng chim. Do đó, phải chuyên tâm trì chí rờng

rặc ngày đêm chỉ một niệm tìm cho ra mối dây sinh tử luân hồi, thân mạng này coi như không hiện hữu. Tu mà còn đặt nặng vấn đề về thân, sợ nó bệnh này, bệnh kia. Thử hỏi sợ như vậy có giúp ta khỏi bệnh không? Chỉ có phát tâm đồng mãnh mới giải tỏa được bệnh, đó là sự màu nhiệm. Sự đời thường trái ngược, lắm người không lo lau chùi tâm cho sáng suốt, mà hễ xảy ra một tí gì là sợ bệnh, sợ chết. Làm đạo quá giờ một tí là sợ bệnh, cho nên trong đức tánh thứ tu này, chư tổ khuyên đừng bao giờ tôn trọng thân mạng này mà hãy tôn trọng cái giới thân huệ mạng.

Người đời từ khi sinh ra cho tới 100 tuổi, nhứt nhứt đều lo cho thân này, không có gì khác. Nhưng thân này là giả, thở ra mà không hít vào là xong, vậy mà cứ lo. Tâm là chính yếu lại không lo, lại để cho tâm trôi hụp trong vùng biển điên đảo, đảo điên. Giờ đây, chúng ta gặp được yển sáng của Phật chiếu soi, mà không lo giải tỏa thì còn đợi kiếp nào. Cổ nhân có kệ:

Thử thân bất hướng kim thân độ,
Cánh hướng hà thời độ thử thân?

Nghĩa là chúng ta (thân này) không hướng về đời này để giải tỏa thì còn đợi đến bao giờ. Phải nhất định giải quyết cho xong, dầu là còn sống chỉ ít năm cũng phải giải quyết cho được.

Khi gặp được giáo pháp của Phật là phải quyết chí tu hành, quyết đạt cho được đạo. Đức Phật để lại rất nhiều pháp môn, đối với những vị lớn tuổi, sự quyết chí đó chỉ có thể thực hiện được ở một pháp môn thôi, đó là pháp môn niệm Phật, niệm Phật tức là niệm tâm. Đối với quý vị lớn tuổi, tụng kinh, bái sám, kinh hành, thiền hành đều khó khăn, cố gắng quá lỗ tim nó nhảy nhanh một tí, hay chân tay kêu cái rắc là rồi, thành ra chỉ có pháp môn niệm Phật là hay nhất. 'Niệm niệm bất ly tâm, triệu niệm mộ niệm nhứt thiết thời trung', đều là niệm hết, cho đến trong giấc ngủ cũng niệm. Thực hiện được như trên không phải dễ cho nên phải gắng.

Đức tánh thứ năm : '**Ngũ giả chí cầu đại thừa vị độ nhưn cố**'. Chí hướng tâm niệm của ta là cầu cho được ngồi trên chiếc xe lớn (đại thừa). Người phát tâm đại thừa là độ tận chúng sanh, tự giác rồi giác tha. Cầu đại thừa để có thể cùng

người khác qua biển khổ. Nói như thế, trên phương diện tu tập, người chí cầu đại thừa, ngày cũng như đêm, chỉ sống với một ít thức ăn, giấc ngủ, cốt có chút sức khoẻ để tu, để tích công bồi đức, để lau cái gương lòng cho thật sáng rõ, để giúp đời.

Khi làm đạo, chúng ta phải lo sao cho bá tánh phát tâm cung kính, như trong kinh Pháp Hoa có nói: 'Nhứt xưng Nam Mô Phật giai dĩ thành Phật đạo'. Chỉ mở miệng Namô Buddhaya là hạt giống sáng sẽ vào tâm điền của người đó, không sớm thì muộn họ sẽ đi tới con đường đạo. Làm được vậy là mãn nguyện lắm rồi.

Tóm lại, phải luôn khắc cốt ghi tâm năm đức tánh của người xuất gia. Thứ nhứt là ôm cái hoài bảo luôn giữ gìn mỗi đạo. Thứ hai là dẹp bỏ những hình tướng xinh đẹp, càng xinh đẹp càng tăng thêm ái nghiệp. Người tu phải sống giản dị, thanh cao, không xa hoa không kiêu cách. Đức tánh thứ ba là cắt sợi dây ân ái và từ biệt người thân một thời gian. Khi đạo lực mạnh rồi trở về độ họ, như đức Phật trở về độ vua cha Tịnh Phạn. Đức tánh thứ tư là đừng xem thân mạng này

thường còn, phải tôn trọng đạo bồ đề tức tâm chơn như mà mỗi người chúng ta đều có, tìm cho được tâm ấy chớ để uổng mất một đời, đời sau chưa chắc sẽ gặp được Phật pháp. Đức tánh thứ năm là cầu con đường rộng lớn thênh thang, người với mình là một như câu 'Tâm, Phật cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt' để giúp đời trọn vẹn.

Bây giờ đến phần trì giới luật. Đức Phật để lại tam thiên oai nghi, bát vạn tế hạnh. Tựu trung, tất cả đều nằm trong các hạnh; đi, đứng, nằm, ngồi cho trang nghiêm. Trước hết tam thiên oai nghi là gì? Là ba ngàn oai nghi. Oai nghi là sự trang nghiêm của những hành động, ngôn ngữ và cử chỉ về thân khẩu ý. Người thực hiện oai nghi được trời người, chư thiên, chư thánh thần tôn trọng.

Vậy tam thiên oai nghi là những oai nghi gì mà nhiều thế? Trong hàng thất chúng đệ tử Phật, Tỳ Kheo đứng đầu, vì thế đức Phật lấy giới luật của Tỳ Kheo để nói. Mỗi vị Tỳ Kheo phải giữ 250 giới, và ai cũng thể hiện bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi. Ta đem bốn oai nghi nhen cho

250 tức là 1000 oai nghi, mà thân chúng ta hiện có luôn luôn liên quan đến nghiệp của đời trước, tức là thân đời trước và nếu hiện tại chúng ta không tu vô lậu giải thoát, thì đương nhiên phải có thân hậu hữu (thân tương lai). Thân quá khứ, thân vị lai đều có đủ 1000 oai nghi, cộng lại với thân hiện tại là 3000 oai nghi.

'Bát vạn tế hạnh', tức tám muôn hạnh nhỏ, nét tốt. Đi đứng nằm ngồi trang nghiêm là hạnh. Là vị thầy phải đường đường tể tướng, dung mạo khả quan. Ngồi như Phật ngồi, đi như tượng vương, đứng hình chữ bát, không chân cao chân thấp, ngồi không nhিপ đùi, mắt không liếc ngó hai bên cho ra vẻ một thầy tu.

Cách tính tám muôn tế hạnh như sau: Đầu tiên cũng 250 giới Tỳ Kheo như cho bốn oai nghi. Kế đó là phải thực hành tam tụ tịnh giới:

Nhiếp luật nghi giới: Không làm việc ác nào dù là nhỏ.

Nhiếp thiện pháp giới: Không lành nhỏ nào mà không làm.

Nhiêu ích hữu tình giới: Luôn luôn làm gì cũng muốn làm ích lợi cho chúng sanh.

Nhơn ba tụ tịnh giới thành ra 3000 hạnh nhỏ. Trong mỗi chúng ta thường lưu xuất thất chi tội; là ba nghiệp về thân và bốn nghiệp về khẩu, như bảy chi tội với 3000 trở thành 21.000. Ai trong chúng ta đều có Mạt Na thức, nó sâu tế, ít ai thấy. Mạt Na thức luôn luôn chấp ngã, phiền não cũng từ đó mà lưu xuất, như ngã si, ngã kiến, ngã mạn và cuối cùng là ngã ái. Đem bốn phiền não này như cho 21.000 thành ra 84.000 tế hạnh.

Sau khi hiểu được các con số từ đâu tới, bước kế tiếp là phải thực hành cho được, nhất là giải tỏa bốn ngã chấp, thất chi tội, hành trụ tọa ngoại tứ oai nghi cho đúng. Làm được vậy tức nhiên là chúng ta hành trì giới luật một cách tỉ mỉ. Khổ nổi, thầy thấy quý vị chưa thực hiện được, đi chưa biết đi ra sao, ngồi cũng chưa biết ngồi thế nào. Bởi vậy quý vị phải học, học từ cái đi cái đứng, cái nằm cái ngồi. Ví dụ như khi đi phải để gót chân trước bàn chân sau mới không gây tiếng động. Người ta 100 vị sư đi không

nghe một tiếng động, còn mình chỉ ba, bốn vị mà tiếng lẹp bẹp ồn cả lên, sao gọi là tế hạnh được. Ngồi cũng vậy, nên ngồi kiết già, đó là vị thế tốt nhất làm huyết mạch lưu thông, như tập thể thao vậy, tốt gấp trăm lần đi bách bộ. Không như thiết phải đợi đến giờ ngồi thiền mới ngồi kiết già mà ta có thể ngồi trong lúc ăn cơm, đọc sách, tụng kinh v.v...

Vì vậy quý vị hãy nghiêm chỉnh thọ trì bốn oai nghi. Bấy nhiêu đó cũng đủ thành Phật rồi. Hôm nay thầy khai thị về luật mà luật cũng là một pháp môn tu, quý vị hãy cố gắng thọ trì.

CẢNH SÁCH CỦA TỔ QUI SƠN LINH HỤU

CẢNH SÁCH CỦA TỔ QUI SƠN LINH HỤU

Nam Mô Thập Phương Thường Trú Tam

Bảo tác đại chúng minh.

Cùng đại chúng hiện diện trước Phật đài thân mến.

Hôm nay là ngày khai thị đại chúng. Khai thị nghĩa là chỉ bày, nhắc lại những đường lối tu tập và sự đi đến đạt đạo, chứng quả.

Là người con Phật, những ai quyết chí tu hành, chỉ duy nhất đi trên con đường "thượng hoàng Phật đạo, hạ hóa chúng sanh". Nghĩa là đem ánh sáng đạo Phật hoàng khai khắp chốn khắp nơi, ánh sáng của chơn lý bất diệt, của bản tâm thanh tịnh mà ai trong chúng ta cũng có. Cho nên, chúng ta phải canh cánh bên lòng hoài bảo hóa độ chúng sanh. Dĩ nhiên, trước hết chúng ta phải tự hóa độ, tự nhận chơn ánh sáng đạo Phật.

Tiêu chuẩn của sự hóa độ chúng sanh ra sao? Là sao cho tất cả chúng sanh đồng nhập tri kiến Phật, thành bậc chánh đẳng chánh giác. Nói thì dễ đó, nhưng đường đi thường nhiều chông gai, quá nhiều trở ngại. Thật ra quả vị chánh

đẳng chánh giác không khó tìm, khó là vì chúng sanh đã nhiều đời nhiều kiếp tạo vô lượng nghiệp chướng, nhứt thời không thể giải tỏa hết, cho nên đến đời này ta vẫn còn khổ lụy trầm luân. Tuy nhiên, thân người không dễ có lại được gặp Phật pháp là chuyện hy hữu. Nếu nghiệp nhẹ, khi nghe một thời pháp hay quy hướng về đạo giác ngộ trong một thời gian ngắn là đạt đạo không khó. Nhưng vì nghiệp lực của chúng sanh quá sâu dày khó mà giải tỏa. Vì lòng từ bi vô lượng, tổ Linh Hựu tại núi Qui Sơn đã viết nên văn Cảnh Sátch này hầu cảnh tỉnh và sách tấn hàng đệ tử Phật nói chung và giới xuất gia nói riêng. Thời khai thị hôm nay thầy nhắc lại trọn vẹn ý chính của tổ Linh Hựu trong bài văn Cảnh Sách. Bản văn rất dài không thể giảng hết trong một thời khai thị, thầy trích đầu bản văn một đoạn, giữa bản văn một đoạn và cuối bản văn một đoạn, tức là trọn bản văn vậy.

Ngài nói:

Phù nghiệp hệ thọ thân, vị miễn hình lụy.

Một khi thân con người bị nghiệp lực ràng

buộc thời khó mà tránh khỏi khổ lụy. Khổ của ái nhiễm; khổ của khổ khổ; hành khổ; khổ của sanh lão bệnh tử; cầu không được khổ; thương nhau mà phải chia ly là khổ; ghét nhau mà gặp nhau hoài là khổ. Khổ nhứt là năm ấm trong con người là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, một khi chúng hừng thạnh. Đã trót mang thân con người phải chịu khổ. Bởi vì sao?

Bẩm phụ mẫu chi dị thể, giả chúng duyên nhi cộng thành.

Thân thể này bẩm sinh do cha mẹ để lại. Gốc từ tinh cha huyết mẹ cộng thêm thần thức vô minh, trở vào thai tạng. Chín tháng mười ngày trong bào thai đều nhờ vào các duyên bên ngoài như sự ăn uống, sự hô hấp của người mẹ v.v... Nhờ đó mới hoàn thành thân này.

Tuy nãi tứ đại phò trì, thường tương vi bội.

Thân chúng ta tuy được bốn đại nâng đỡ, nhưng chúng lại thường trái nghịch nhau, cho nên trong sách có nói: "Nhất đại bất hòa, tắc nhất bệnh sanh. Tứ đại bất hòa, tắc tứ bệnh sanh",

nghĩa là một chất không hòa thời sanh ra bệnh, nhiều chất không hòa thời sanh ra nhiều bệnh. Do vậy mà thân này không gì quý báu, không gì thường còn. Nếu ta xét kỹ từ đầu đến chân đều là vật bất tịnh, như tóc, răng, móng, nước mắt, ghèn, nước miếng v.v... toàn là những thứ bất tịnh. Lại nữa, trong thân con người có chín lỗ thường chảy toàn những đồ bất tịnh, những thứ gây khổ đau. Sách có câu:

‘Xót duyên kiếp vì sao ngăn ngại
Chấp thân chi để tủi cho thân,
Da bao những thịt, xương, gân,
Xác này dường thể đồng phân sạch gì...’

Vậy mà người đời lại tôn sùng, trân quý nó, quên đi cái tâm chơn thật hiện hữu từ vô thủy, đến khi nhớ lại thì đã 50, 70 năm trôi qua, cái chết gần kề, tâm đâu còn sáng suốt minh mẫn của thời trẻ trung. Có sách ví tứ đại như bốn con rắn bị nhốt trong cùng một cái rương, chúng luôn tàn hại lẫn nhau, không gì có thể hòa hợp.

Vô thường lão bệnh, bất dữ nhân kỳ. Triêu tồn tịch vong, sát na dị thể.

Vô thường đây nghĩa là chết, thả ra mà không hít vào thời còn đâu thân mạng. Lão bệnh không hện mà đến, đến bất cứ lúc nào. Chúng đến với chàng trai trẻ hai mươi tuổi, với cụ già tám mươi tuổi, với cậu sinh viên vừa tốt nghiệp trường thuốc v.v... Thật không thể đoán trước được.

Triều tồn tịch vong, sát na dị thể.

Sáng còn tối mất, giây phút sanh đời khác, mạng người chỉ một sớm một chiều, ta biết làm sao đây? Đương nhiên ta phải tu cho gấp, tợ như cứu lửa cháy dầu, không nên giải đãi, không nên để cho qua ngày đoạn tháng. Chúng ta phải lo trước tính xa, tức là có tư lương cho ngày ra đi. Tư lương là những việc tốt lành cần phải tạo để kiếp sau khá hơn, nếu không nói là kiếp sau được giác ngộ như chư Phật, chư tổ. Vì vậy, mạng con người được tổ ví như:

Thí như xuân sương, hiển lộ. Thúc hốt tức vô.

Thân con người ví như sương mùa xuân,

mọc sớm mai, giây phút tiêu tan dưới ánh nắng mặt trời.

Ngạn thọ, tỉnh đằng, khởi năng trường cứu.

Và mạng con người ví như cây đứng bên bờ sông, giây leo trên miệng giếng. Cây bên bờ sông bị cuốn trôi đi bởi sức mạnh chảy xiết của nước, giây leo trên miệng giếng nắm bắt đi lúc nào chẳng được. Mạng sống con người có gì là trường cứu, nó mong manh như chỉ mảnh treo chuông.

Khi đức Phật còn tại thế, Phật hỏi các vị Tỳ Kheo: " Mạng người trong bao lâu?". Một vị Tỳ Kheo trả lời: " Mạng người ở trong vài ngày". Đức Phật nói: "Ông chưa hiểu đạo". Đức Phật lại hỏi một vị Tỳ Kheo khác: "Mạng con người ở trong những thời gian nào?". Một vị Tỳ Kheo khác trả lời: "Mạng con người ở trong bữa ăn". Đức Phật nói rằng : " Ông vẫn chưa hiểu đạo". Đức Phật lại hỏi một vị Tỳ Kheo thứ ba thì được trả lời rằng: "Mạng con người ở trong cái hít thở, thả ra mà không hít vào kể như tiêu mạng sống". Đức Phật trả lời: "Lành thay, ông hiểu đạo".

Mạng con người mỏng manh chỉ trong một hơi thở, do đó chúng ta phải luôn sách tấn, cảnh tỉnh trên con đường tu. Sách tấn cái gì? Cảnh tỉnh cái gì? Tâm! Đừng để tâm giải đãi, đừng cho tâm cứ thay đổi, đổi thay. Chúng ta học đạo, nghe được lời tổ dạy thì cố giữ cho đến không còn thấy có sự tinh tiến gọi là tinh tiến Ba La Mật. Trong văn thơ có nói:

Trên đường đạo, không gì bằng tinh tiến,
Không gì bằng trí tuệ của đời ta.
Sống điều linh trong kiếp sống Ta Bà,
Chỉ tinh tiến là vượt qua tất cả.

Hãy luôn thắp sáng lòng mình, gia công tấn hạnh, đừng để một ngày giờ nào trôi qua trong lười biếng, rờn rạc tiến trên con đường tu, đường đạo. Không dần dà qua ngày, bo bo qua buổi. Ngày tháng vùn vụt như thoi đưa trên cửi, thân người mỏng mảnh như sương phủ đầu cành.

Trong văn học Anh, có rất nhiều câu diễn tả sự nhanh chóng của thời gian như:

Ngày giờ trôi tợ dòng sông,
Có chờ ai đợi mà hòng khoan khoan.

và trong Cảnh Sách cũng có câu:

**Niệm niệm tấn tốc, nhất sát na gian,
chuyển tức, tức thị lai sanh.**

Mỗi niệm, mỗi niệm mau chóng, một sát na chuyển đổi hơi thở, tức là chuyển sang đời sau. Chữ 'tức' có nghĩa là hơi thở ra hơi hít vào.

Hà nãi yển nhiên không quá?

Vì sao lại ngồi yên như vậy, để thời gian trôi qua oan uổng. Có nhìn lại sự nghiệp giác ngộ? Có tiến được bước nào chưa? Từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn, từ chuyện thường đến chuyện sanh tử đại sự, nhất cử nhất động đều phải thông suốt, ý thức một cách rõ ràng vấn đề sống chết. Muốn được vậy phải học đạo. Đạo là chơn lý, lý tánh tuyệt đối mà chúng ta cần phải đạt cho được. Đạo tiềm tàng trong những chuyện tầm thường như ăn cơm, mặc áo. Thử hỏi chúng ta có làm đúng cách chưa, hay là chưa đi đã chạy, chưa nói đã cười. Vì vậy người xuất gia phải học đạo. Học ăn, học nói, học gói, học xách sao cho đúng đạo lý. Không như ở ngoài đời, mọi hành

động là để tạo nghiệp. Còn người xuất gia, mỗi hành động, ý nghĩ, lời nói đều phải chuyển nghiệp, chớ đừng tạo nghiệp. Có làm được vậy mới bàn đến vấn đề giác ngộ. Ở phần giữa của văn Cảnh Sách, Ngài Qui Sơn ân cần nhắc chúng ta.

Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long thánh chưởng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tử ân, bạt tế tam hữu.

Nghĩa như thế này: Luận về người xuất gia, bước chân đến chốn siêu phương, tức ngôi già lam hay Tự Viện. Thường là những nơi linh thiêng siêu thoát, giúp cho tâm linh chúng ta đi lên. Tâm thế gian thường sân hận, si mê, ái ố. Là người xuất gia phải luôn sống với bốn tâm từ bi, hỷ xả. Lúc nào cũng ban vui cứu khổ cho người, lúc nào cũng hỷ xả. Xả đến không còn chỗ xả, nghĩa là khi bị mắng thậm tệ, bị nguy hại đến tánh mạng, mà vẫn như như bất động. Đó mới thật là xả.

Tâm hình dị tục; tâm hình khác với người thế tục, thân thì thô sơ, tâm lúc nào cũng giữ gìn

thanh tịnh để tiến tới giác ngộ giải thoát. Mai sau nổi thanh dòng giống chư Phật, chư tổ. Chư Phật chư tổ đi trước khai đạo mở đường, chúng ta đi sau hoằng hóa đạo màu, bằng cách "khẩu khẩu tương truyền, tâm tâm tương ứng". Từ vị này truyền qua lớp kia, từ lớp kia truyền qua lớp nọ, để mà 'thượng báo tử trọng ân, hạ tế tam đồ khổ'. Làm cho đạo luôn hưng thịnh. Nghĩa của chữ 'thiệu long' là hưng thịnh đó. Nói cụ thể là mỗi nơi đều có thể gian trụ trì Tam Bảo. Một ngôi chùa xứng đáng giống như cõi Cực Lạc, nơi để mọi người nương tựa, nơi để tìm lại sự an lạc của nội tâm. Phải như thế mới thiệu long thánh chưởng, mới nổi thanh giống của chư Phật, chư tổ. Để làm gì? Để "chấn nhiếp ma quân". Trước hết là nhiếp phục ma chướng trong con người chúng ta, sau đó là những chướng ngại bên ngoài. Chấn hưng và nhiếp phục nội ma ngoại chướng hầu báo đền bốn ơn trọng. Sau khi đã đền báo bốn ơn, lại phải "bạt tế tam hữu", là nhổ hết những khổ não của chúng sanh trong ba cõi. Vì vậy, bổn phận của người xuất gia rất cao quý, nhưng trách nhiệm lại thật nặng nề.

Điều nên nhớ, khi chúng ta chưa đạt đạo, một hột gạo nặng như núi Tu Di, còn khi tu hành tinh tấn, đạt đạo, một vụn huỳnh kim không thành vấn đề. Tổ nói thêm hai câu để nhắc chúng ta.

Nhược bất như thủ, lạm xí tăng luân!

Nếu không được như trên, thì trở thành lạm dụng của thường trụ, là tạo nghiệp. Do đó, ngày cũng như đêm, phải tinh tiến luôn luôn. Học đạo hằng ngày không nên để thì giờ nào rảnh, thường xuyên sống trong pháp vị cao thâm. Thời thầy còn trẻ, chương trình tu học trong một ngày rất nặng nề, chỉ được 10, 15 phút nghỉ ngơi. Nhưng thời nay, kinh nghiệm cho biết, chương trình tu học nặng quá quý vị sẽ kiệt sức. Tuy nhiên, dầu nghỉ lâu hay mau, sự nghỉ ngơi này là cho cái thân, không phải cho tâm. Phải nhiếp tâm luôn luôn. Nhiếp tâm cách nào? Một là đi đứng nằm ngồi đều phải niệm Phật; hai là giữ chánh niệm, không nghĩ việc đời, không để vọng niệm xen vào. Cố giữ gìn giới đức, như giữ giới đức tâm sanh định, định trong khuôn khổ sáng suốt, không phải trong sự tạp loạn. Nhờ tâm định mới

phát sanh trí tuệ. Có hai loại trí tuệ là "tự nhiên trí và vô sư trí". Người có trí tuệ không cần thầy chỉ dạy mà làm còn đúng hơn là có thầy. Khi phát được những loại trí này, thời vượt hẳn cả kinh và luật, vì kinh luật Phật chế chỉ là những tiêu chuẩn. Còn ra hành đạo phải biết uyển chuyển, gọi là phương tiện độ đời. Không phương tiện là chấp thuốc thành bệnh. Một mực y cứ theo lời Phật cũng không được, thời Phật cách nay đã quá xa, có những cái cần phải thay đổi, bằng không chẳng đi đến đâu. Tuy nhiên, thay đổi trong cái trí hóa, thì sự thay đổi đó mới đúng chơn lý, hợp lẽ thật. Ngược lại, thay đổi bằng ý thức mù quáng chỉ dẫn đến rối loạn và tà bại. Vì vậy, giới Tăng sĩ nên tu tập như những lời chỉ dẫn sau của tổ.

Tâm cảnh câu quyên, mạc ký mạc ức. Lục căn di nhiên, hành trụ tịch mạch. Nhất tâm bất sanh, vạn pháp câu tức.

Chữ "quyên" nghĩa là dứt, tâm cảnh câu quyên là sao cho vọng tâm vọng cảnh đều dứt. Sống với tâm chơn thật, làm với cái chơn tâm. "mạc ký mạc ức" nghĩa là chớ nên ghi nhớ,

không ghi không nhớ là xả tất cả. Tu hạnh xả, xả đến khi nào không còn thấy mình xả nữa, lúc đó tâm rộng lượng bao la hiển lộ. Dầu cho chuyện đó có tốt, có là chuyện đạo cũng đừng nên chấp, vì chuyện đạo vẫn còn nằm trong đời, còn tương đối, chưa siêu thoát. Chúng ta thường nghe câu "Phật sự môn trung bất xả nhất pháp", nghĩa là làm hết mọi sự, nhưng khi làm rồi tâm cảnh câu duyên, tâm cảnh gì cũng đừng nhớ, dứt hết.

Đi đứng nằm ngồi đều vắng lặng. Đi không còn thấy đi, đứng không còn thấy đứng, một cái vọng tâm đừng cho nó phát sanh thì không còn gì rắc rối cả, thành một nhân đạo nhân, thung dung bách bộ giữa chợ đời, muôn sự muôn vật đều dứt sạch dễ dàng. Điều này không phải dễ, phải nhiếp tâm niệm Phật, nhiếp tâm tham thiền. Đi đứng nằm ngồi, ăn nói phải trong chánh niệm. Vì vậy mà trong Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu chú tổ bắt người xuất gia tâm nằm trong bài kệ bài kinh, không cho tâm chạy ra ngoài, ngoài là vọng. Nhất cử nhất động đều có chánh niệm. Ví dụ như rửa tay phải đọc kệ rửa tay, nếu không, tâm nghĩ chuyện khác. Rửa mặt, mặc áo, lên

chùa nhìn thấy tượng Phật v.v... đều phải đọc kệ, đọc chú. Đối với các vị lớn tuổi, nếu không nhớ các bài kệ thì phải niệm Phật. Pháp môn niệm Phật hữu hiệu vô cùng, như ý của hai câu kệ sau đây diễn tả:

Nhứt cú Di Đà vô biệt niệm,
Bất lao đàn chỉ đảo Tây Phương.

Một câu Di Đà luôn niệm trên môi, thì không nhọc khảy móng tay đến được nước Phật. Khi ta giữ câu niệm Phật luôn luôn, là cõi Tịnh Độ hiện tiền cần gì phải khảy móng tay. Những chuyện quá khứ, những chuyện vị lai, chuyện ân oán v.v... đều phải dẹp sạch. Trong tâm chỉ còn lại sáu chữ Di Đà sáng rõ. Niệm Phật tức niệm tâm. Tâm đó có vô lượng thọ, vô lượng quang, vô lượng công đức. Nhất là vô lượng công đức; làm mà không nghĩ, không tính về việc mình làm là vô lượng công đức. Ví dụ như tổ Huệ Năng giã gạo quên mình. Cối gạo thì nặng, thân ngài lại ốm yếu, nên phải mang thêm đá vào lưng gây nên thương tích, lâu ngày sanh 'chúng sanh' đòi. Máy chú điệu nhỏ trong chùa thấy thế tỏ lòng thương bắt đòi bỏ ra, ngài vì lòng từ bi bắt bỏ vô

lại. Những hành động như thế gọi là vô lượng công đức.

Tóm lại, thời khai thị hôm nay, thầy y theo những lời của tổ Linh Hựu núi Qui Sơn mà giảng giải. Văn Cảnh Sách rất hay, hãy dùng nó mà gói đầu giường, theo đó mà tu tất thành Phật có dư. Đừng khinh thường cho đó là văn chương nhập môn, rồi đi tìm những gì cao siêu hơn.

Là người con Phật, luôn luôn canh cánh bên lòng ý niệm chuyển tâm phàm thành tâm thánh, chuyển tâm tối thành tâm sáng, tâm vọng thành tâm chơn. Được vậy, Phật giai quyết định khả kỳ, quả vị Phật chắc chắn nằm trong tay.

SỰ ẪN TRONG ĐẠO PHẬT

SỰ ĂN TRONG ĐẠO PHẬT

Nam Mô Thập Phương Thường Trú Tam Bảo tác đại chúng minh.

Cùng toàn thể đại chúng hiện diện thân mến.

Hôm nay thầy nhắc lại đạo lý của hai thời thọ thực (ăn sáng và ăn trưa).

Vào thời đức Thế Tôn còn tại thế, các thầy Tỳ Kheo chỉ được phép ăn một buổi trong ngày, tức vào giờ ngọ. Khi ngài Ariruddha lâm bệnh, thân mẫu ngài xin đức Phật cho phép các vị Tỳ Kheo đau ốm dùng một chút vào buổi sáng. Trong luật Sa Di có nói: "Chư thiên tảo thực; Phật ngọ thực; Súc sanh ngọ hậu thực; quỷ dạ thực; Tăng nghi học Phật bất quá ngọ thực". Nghĩa là chư thiên thì ăn sáng mai, Phật ăn trưa, chỉ một buổi thôi; Súc sanh thì ăn sau giờ ngọ; quỷ ăn đêm; Tăng ni không được ăn quá giờ ngọ.

Sau đó, Phật giáo được truyền sang Trung Quốc, nhất là vào thời điểm cuối thời kỳ chánh pháp, đầu thời kỳ tượng pháp. Lúc bấy giờ, chư tổ nhận định thân thể con người vốn yếu đuối, hay sanh bệnh hoạn, nên cho dùng thêm một ít vật thực vào buổi sáng. Sự kiện chỉ xảy ra ở Đại Thừa Phật Giáo. Phật Giáo Nguyên Thủy thì không vậy, họ vẫn giữ theo truyền thống từ thời Phật còn tại thế cho đến nay. Quý thầy theo Phật giáo Nguyên Thủy hãy quá ngọ là các thầy không ăn.

Theo chủ trương của thầy, Tăng Ni nên dùng một chút gì vào buổi sáng. Buổi chiều thì tùy vào cá nhân. Nếu không ăn chiều là điều tốt nhất, bằng ăn thì phải "không nên ăn quá nhiều, không nên ăn đồ ngon, không nên an lòng mà ăn"(Bất đa thực, bất mỹ thực, bất an ý thực). Tại sao vậy? Chiều tối là giờ ăn của loài ngựa quý, chúng đói mà trong khi chúng ta ăn lại nói cười, thì phước đức sẽ bị tổn giảm biết bao. Cho nên trong khi ăn phải sanh lòng hổ thẹn.

Ăn sáng có nhiều cái lợi, trước hết có đầy đủ vật chất và tinh thần. Tại sao lại đầy đủ về

tinh thần? Ăn sáng trong đạo, nhất là tại đạo tràng Linh Sơn, khác với sự ăn sáng của thường tình thế gian. Sau thời công phu sáng, đại chúng được nghỉ một chút trước giờ tiểu thực. Để chi? Để trong đại chúng khỏi sanh sự giải đãi, vì thường sau thời công phu, mọi người đều mỏi mệt. Từ sự mỏi mệt đó sanh tâm giải đãi và cho rằng trời hãy còn sớm, thôi thì kéo mền lên một chút, một chút nghĩa là tới chín, mười giờ, như vậy hư hại cho chúng lắm.

Hai bữa ăn trong ngày cũng là hai thời để chúng ta tu, chẳng kém gì những thời tu khác. Cái ăn của thế gian chỉ để nuôi thân, còn trong đạo là nuôi cả giới thân huệ mạng. Do đó cái ăn có ý nghĩa rất cao siêu.

"Đạo do thực tồn, mạng do thực trụ".

Đạo có trường tồn là nhờ vào sự ăn, mạng con người cũng vậy, ăn để sống, sống để tu, tu rồi ra làm đạo, lợi lạc chúng sanh muôn loài. Thiếu ăn không thể tiến được.

Các buổi ăn trong đạo Phật có tụng kinh,

niệm Phật. Chính đây là những món ăn cao quý về tinh thần. Nói thế, ta có thể suy luận rằng những thời bái tụng, thiền quán v.v... đều là những món ăn tinh thần cả. Bữa ăn nào chúng ta cũng thực hiện sao cho đạo lý được viên dung thì bữa ăn trở thành cam lộ. Pháp vị cam lộ ấy trưởng dưỡng pháp thân huệ mạng cho đến hoàn toàn giác ngộ giải thoát. Người đời, vì không nghĩ đến các món ăn tinh thần nên tâm họ khổ, đói khát, quần quai đau thương. Họ chưa từng hấp thụ, thọ hưởng giáo lý nhiệm màu, các pháp môn vi diệu không một lần ngự trị trong tâm họ. Từ đó sanh ra biết bao là khổ, cũng từ đó, họ đánh mất cái pháp thân huệ mạng.

Chữ "điểm tâm" thật ra chỉ phàm phu dùng mà thôi. Tâm Phật cần gì phải điểm. Quá khứ tâm không thể có được, tâm hiện tại không thể có được, và vị lai tâm cũng không thể có được thì thử hỏi điểm vào tâm nào đây !

Đối với đại chúng, giờ điểm tâm là giờ, ngoài cơ hội gặp gỡ toàn chúng, còn là dịp để những ý kiến hay những thay đổi trong chúng được phát biểu ra. Vị quảng chúng cũng dùng

dịp này thông báo những Phật sự trong ngày hay là cơ hội cho những ai ngày hôm qua có thiếu sót việc gì sợ chúng không biết mà tổn phước, nên sau khi dùng điểm tâm, người đó đứng lên thưa với chúng để chúng được an nhiên. Còn nếu cứ vượt ngoài kỷ cương, ví dụ như chúng tụng kinh thì lại nằm ngủ, chúng ăn thì lại vắng mặt, chúng không biết vị đó như thế nào, làm chúng lo nghĩ, giao động rất tổn phước. Vì lợi ích đó mà phải duy trì thời ăn sáng.

Dầu không có chúng cũng vậy, như chỉ một vị trụ trì chẳng hạn, cũng phải duy trì buổi ăn sáng. Vì sao? Ăn sáng hay ăn trưa đều phải y phục chỉnh tề. Trước hết phải tịnh tâm niệm danh hiệu đức Bổn Sư. Đạo lý của câu niệm Phật rất thâm thâm vi diệu. Nam Mô là trở về; Phật là tánh giác; Bổn Sư là ông thầy gốc, là tâm; Thích Ca là năng nhân, là người hay làm nhân đức rộng lớn giúp khắp ba cõi; Mâu Ni là tĩnh mặc, là tâm vắng lặng như mặt nước hồ thu. Đạo lý câu niệm Phật là trở về tánh giác của mình, cái tánh giác đó có đủ năng như, tịch mặc và có ông thầy gốc. Khi niệm danh hiệu Phật là nhắc lại

nguyện vọng muốn thực hiện lòng như từ rộng giúp ba cõi, tức là gắng làm sao độ sanh. Độ sanh, trước phải tự độ mình, kế độ những người thân và sau cùng là muôn loài chúng sanh. Những vị lớn tuổi không nên lo nghĩ gì cả, vạn trần duyên đều dẹp bỏ. Nếu lo là lo làm sao tu hành mỗi ngày mỗi tấn tiến, trí huệ nhật tân, tâm hồn càng nhẹ nhàng, thanh thoát. Lý đạo là vậy.

Sau khi dùng xong điểm tâm, đọc hai bài kệ vô cùng linh động, siêu thoát và bất khả tư nghì. Thật ra, thầy không thể giảng hết nghĩa lý sâu xa của hai bài kệ này, thầy hy vọng rằng thầy giảng ít mà trong chúng tịnh tâm suy nghĩ thì mới thu thập được trọn vẹn ý nghĩa bài kệ.

Câu đầu của bài nguyện như sau:

Tự tánh chúng sanh thệ nguyện độ.

Tánh của chúng ta vẫn còn là tánh phàm phu, tánh chúng sanh, vì thế nên phải nguyện thệ giải tỏa, độ tánh chúng sanh đó qua khỏi biển khổ đến bờ giác, trở thành tánh Phật. Tánh chúng sanh là những tánh gì? Là những tánh còn

chấp nhất, phiền não, tham lam v.v... phải vứt bỏ chúng đi. Sợ nhắc một lần không nhớ, nên mỗi buổi sáng đều phải đọc tụng bài kệ. Bởi vậy, quý vị khi đọc phải nghiệm xét cái lý của bài kệ, chớ dùng có như cái máy, vạy lên thì đọc thao thao mà không trực nhận được lý của đạo. Lý tức là tinh thần, linh hồn của bài kệ. Khi đọc bài kệ, hãy nhớ lại chuyện ngày hôm qua, mình còn phiền não quá, còn vui quá. Người tu hành không được quá vui, vì cái vui đó vẫn còn nằm trong vòng lẩn quẩn của phàm phu. Phải an nhiên tự tại.

Tự tánh phiền não thế nguyện đoạn.

Phiền não của chúng sanh quá nhiều, nào là phiền não chướng, sở tri chướng, báo chướng, phiền não thuận, phiền não nghịch, chúng ta phải thế nguyện đoạn cho được những chúng sanh phiền não ấy bằng cái gương trí huệ.

Tự tánh pháp môn thế nguyện học.

Có lắm người đặt nghi vấn, "tự tánh" mà cũng có pháp môn hay sao? Khi chúng ta giữ

giới thanh tịnh, tu hành kỹ lưỡng thì tự nhiên cái hay, cái siêu xuất trong tâm trí hiển lộ ra, gọi là "tự nhiên trí, vô sư trí". Muốn được vậy phải bỏ hết những cái học của thế gian, kiến thức đó chỉ nhằm đáp ứng những nhu cầu thế gian, kiếm tiền rồi tạo nghiệp, không giống như cái học của xuất thế gian, tức là học cái đạo vô vi. Học để về lại cội nguồn. Trong kinh Lăng Nghiêm có nói tâm chúng sanh vốn sáng suốt, nhưng vì vọng động bất giác vô minh mới sanh ra sơn hà đại địa, thế giới chúng sanh. Trong tự tánh của chúng ta có 84.000 pháp. Các môn học thế gian và xuất thế gian đều ở trong con người chúng ta, vì phiền não quá sâu dày nên những môn học đó không hiển lộ được. Chúng ta nguyện học những pháp môn ấy, vì vậy nên có câu "Cá cá học vô vi". Vô vi là trở lại với bản tâm thanh tịnh của mỗi người, sống với cái tâm thiết đó. Lúc đó "tự nhiên trí, vô sư trí" đều đầy đủ và có khó khăn gì mà không đạt được thiên bá ức hóa thân.

Tự tánh Phật đạo thế nguyện thành.

Phật là chơn lý tuyệt đối, sáng suốt. Đạo là con đường. Con đường của lý tánh tuyệt đối, bản thể sáng suốt. Tánh chúng sanh ẩn tàng một chân lý tuyệt vời mà đức Phật đã tìm ra dưới cội bồ đề. Làm sao để trở lại tánh thiệt, với chơn tánh của chúng ta. Đó là lời thệ nguyện rất ráo nhất.

Lý của bốn lời tự nguyện hay vô cùng. Đọc rồi hành cho tâm được tươi nhuận, tâm tươi nhuận là tâm Phật. Ngày nào cũng gia công tu trì như thế, thử hỏi sao không thành Phật. Người thượng căn thượng trí chỉ đọc hai, ba ngày là đạt đạo, bực trung căn, trung trí đọc tụng ba tháng hạ cũng đạt đạo, tức là thể nhập được lý phát nguyện. Còn hạ căn hạ trí trong một đời cũng sẽ đạt đạo, chỉ cần khi đọc chúng ta nhất tâm nhất trí, thâm nhập lý đạo của từng chữ từng câu.

Trên nói về tự lợi, trong đại thừa Phật giáo, lợi tha là sự nghiệp của người tu, và cả hàng Phật tử tại gia. Bài kệ sau là nói về phần lợi tha.

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ.

Chúng sanh vô biên, hằng hà sa số thế giới, kể còn người mất, thượng đẳng, hạ sanh, cỏ cây sắt đá muôn loài đều thệ nguyện độ. Lời thệ nguyện này thật bao la rộng lớn, thành ra sự nghiệp của người xuất gia nặng vô cùng. Theo hạnh của đức Thế Tôn, ngài ra đời chỉ để độ sanh, không gì khác. Chúng ta là con Phật nên nối gót theo Ngài. Hàng Tăng bảo được quý trọng là ở chỗ đó, tức là độ sanh, như ngài A Nan lập lời thệ nguyện rằng khi chúng sanh chưa thành Phật thì ngài không thành Phật (như nhứt chúng sanh vị thành Phật, chung bất ư thủ thủ nê hoàn), ngài chống tích trượng đi độ sanh, hết kiếp này đến kiếp khác.

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.

Một khi đã sanh ra trong cõi đời, trừ các vị Bồ Tát thị hiện, chúng ta ai mà chẳng có vô biên phiền não, hệ lụy. Những phiền não, hệ lụy này không phải chỉ được tạo trong hiện kiếp mà đã kết tập từ muôn kiếp. Biết vậy, chúng ta phải một lòng thề nguyện đoạn. Nói tuy dễ nhưng làm được không phải dễ, phải có sự quyết tâm, thà xả bỏ thân mạng này nhưng sự quyết tâm đó

không bao giờ thoái thất. Có vậy mới đoạn được vô biên phiền não.

Pháp môn vô lượng thế nguyện học.

84.000 pháp môn Phật để lại, vô lượng diệu nghĩa, tam tạng thánh giáo, 12 bộ kinh phải gắng học hết, chữ đâu nghĩa đó, lý phải thâm nhập và đương nhiên:

Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.

Tức là trở về với chơn lý, thế nguyện thực hiện cho được trong kiếp này. Nếu không chúng ta cứ lần quần đọa lạc trong sáu đường. Một khi mất thân này khó tìm lại được (nhất thất nhân thân, vạn kiếp nan phục).

Bốn lời thế nguyện này thật vô cùng cao cả, là một thứ kinh vô thượng thậm thâm, lý đạo nói không hết, chỉ tu hành, thực nghiệm mới mong hiểu đạt được lý mà thôi. Đạo vốn không lời, cố nói ra thì cái lý nó tan đi (đạo bản vô ngôn, ngôn sanh lý tán). Chỉ có thể dùng tâm thanh tịnh suy lường. Thành ra buổi ăn sáng chính là nhận cho được món ăn tinh thần đó, thì mới trưởng dưỡng

thiện căn, mới đạt đạo.

Bây giờ đến phần ngộ trai, tức ăn trưa. Tại sao lại ăn ngộ? Ăn ngộ tượng trưng cho trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Trung đạo là không phải không trái, chỉ một con đường giữa mà đi. Nghĩa thứ hai là vấn đề thời gian tu tập. Nếu sáng đi khát thực, chiều cũng đi khát thực, thì còn đâu thời giờ để tu học. Vì thế chỉ ăn một bữa, thời giờ còn lại dành cho thiền định. Vả lại ăn nhiều mà không hoạt động, đồ ăn khó tiêu hóa cũng sanh bệnh. Ý của chư tổ từ xưa đến nay dùng các thời ngộ trai để thúc liễm thân tâm cho sung mãn, no đủ.

Theo như lời chư tổ dạy, khi nghe tiếng kiền chùy thì phải:

Văn kiền chùy thanh,
Túc đương chỉnh y phục,

và đến khi ăn phải:

Lâm thực chú nguyện,
Giai đương cung kính.

Đó quý vị thấy giờ ăn có giống giờ thiền

không. Vì vậy có câu ‘thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn’.

Khởi đầu buổi ngộ trai, đại chúng cùng đọc bài kinh cúng dường, câu đầu của bài kinh là:

‘Cúng dường, thanh tịnh pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật’.

Cúng dường nghĩa là cung cấp nuôi dưỡng cho cái tâm trở nên thanh tịnh, an vui. Toàn bộ bài kinh gọi lại tâm thanh tịnh của chúng ta. Tỳ Lô Giá Na nghĩa là biến nhất thiết xứ. Trọn câu nghĩa là sao cho tánh giác biến nhất thiết xứ được thanh tịnh trong cái pháp thân. Cả bài kinh không có chữ Nam Mô, mà nghĩa Nam Mô là cung kính, do đó, bài kinh không phải dùng để tỏ sự cung kính lên các vị Phật và Bồ Tát mà lời kinh chỉ thẳng vào tâm Phật, tánh giác của mỗi người.

Viên mãn báo thân Lô Xá Na Phật.

Phật là tánh giác; Lô Xá Na cũng là chu biến pháp giới hay biến nhất thiết xứ; viên mãn báo thân nghĩa là báo thân của chúng ta được

viên mãn như của chư Phật. Thân của chúng ta là thân quả báo, không phải là thân phước báo. Thân này có là để trả những nhân đời trước đã tạo, hoặc ác, hoặc thiện, hoặc vô ký. Chúng ta phải khéo tu sao cho thân này trở thành phước báo thân. Thân phàm phu không có giờ phút nào tự tại an nhiên cả.

Thiên bá ức hóa thân Thích Ca Mâu Ni Phật.

Chúng ta phải trở về với tánh giác có đủ năng như, tịch mặc như một hóa thân của Phật, rồi từ đó biến hóa trăm ngàn ức hóa thân để độ đời. Ngày nay khoa học tân tiến, sự tiến bộ về thông tin liên lạc khiến cho quả địa cầu này như nhỏ lại. Nếu chúng ta thông hiểu thấu suốt giáo lý Phật Đà thì khi lên đài truyền hình, chúng ta sẽ có thiên bá ức hóa thân để độ thật nhiều chúng sanh.

Đương lai hạ sanh Di Lạc Tôn Phật.

Nghĩa là trở về với tánh giác vô năng thắng ở tương lai để mà thành Phật. Đừng cho rằng

chúng ta chỉ thuần túy đọc tụng các danh hiệu Phật và Bồ Tát. Thật ra các danh hiệu này đều quy về tánh giác của tự thân, của tâm. Quý vị thấy đó, tâm chúng ta cao quý đến cỡ nào, không khác gì một đấng pháp vương vô thượng tôn.

Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật.

Thầy đã giảng nhiều lần về danh hiệu A Di Đà. A Di Đà có ba đức tánh vô lượng quang, vô lượng thọ và vô lượng công đức. Tu tập sao cho ba đức tánh đó hiển lộ thì thế giới này trở thành Cực Lạc. Tâm bình thế giới bình, tất cả đều do tâm tạo, tâm ta an vui thì chỗ nào cũng an vui cả.

Thập phương tam thế nhưt thiết chư Phật.

Tánh giác đó không chỉ riêng về một cá nhân nào mà tất cả chư Phật ở mười phương thế giới đều có. Các ngài đã giác ngộ, ra khỏi các triền phược, gọi là xuất triền. Chúng ta cũng có tánh giác đó nhưng còn đương tại triền. Tại triền nghĩa là bị ràng buộc, nên chưa giác ngộ như chư Phật. Hiện tại, chúng ta phải cố gắng tu hầu trở về với yển sáng giác ngộ sẵn có mà chúng ta đã

quên đi từ muôn kiếp.

Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Bồ tát nghĩa là ‘giác hữu tình’. Ngài Văn Thù Bồ Tát tượng trưng cho căn bản trí của mỗi người. Có căn bản trí rồi tu tập để hậu đắc trí hiển lộ.

Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát.

Là tánh giác hữu tình với đầy đủ hạnh lớn tu hành. Đức Phổ Hiền là hiện thân của đại hạnh, để sau này chúng sanh noi theo. Tu mà thiếu hạnh thì không đức, người không đức hạnh sao gọi là người tu.

Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

Là vị giác hữu tình giàu lòng từ bi. Đức Quán Thế Âm là hiện thân của tâm đại từ bi. Chúng ta phải tu sao cho tâm đại từ bi trong ta lưu xuất ra ngoài, như ngài vậy. Biểu tượng đại bi của ngài quá quan trọng nên nhiều chùa để hình tượng ngài ngoài lộ thiên, để tâm đại từ bi đó chan hòa khắp cả mọi tầng lớp chúng sanh trong

cõi Ta Bà này.

Chữ tôn Bồ Tát Ma Ha Tát.

Là tất cả các đức tánh của chư vị Bồ Tát, những đức tánh đó chúng ta phải thực hiện cho được.

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

Trên nói các danh hiệu từ thanh tịnh pháp thân cho đến chữ tôn Bồ Tát đều tượng trưng cho những đức tính vốn sẵn có trong ta, nhưng vì vô minh mờ tối nên không hiển lộ ra ngoài được. Cho nên ta phải làm thế nào cho những đức tánh ấy thâm nhập cho được vào cái trí Bát Nhã, vì Bát Nhã là rộng lớn, rốt ráo. Nếu rốt ráo rộng lớn như vậy thì đâu khác gì thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn.

Tam đức lục vị.

Ngồi trong bữa ăn đó, chúng ta phải thực hiện cho được ba đức tánh, đó là pháp thân, Bát Nhã và giải thoát. Lục vị là sáu mùi vị khổ (đắng), toan (chua), cam (ngọt), tân (cay), hàm

(mặn), đạm (chất đạm). Bên Ấn Độ, món ăn nào họ cũng bỏ vào sáu vị vừa kể, người ngoại quốc không quen sẽ rất khó ăn. Đồ ăn Ấn Độ có triết lý trong đó. Họ cho rằng thế giới bên ngoài có đủ những trở ngại cho thân như ác phong, như ám khí v.v... nếu thân con người không đủ sáu vị vừa kể để chống lại những gì bên ngoài thì thân dễ sanh bệnh. Ngày xưa ở Việt Nam chùa nào cũng có thờ Giám Trai sứ giả để coi việc ăn uống của chúng. Ăn uống phải đúng phương pháp, nếu không sanh bệnh trở ngại, cho việc tu.

Cúng Phật cập Tăng, pháp giới hữu tình, phổ đồng cúng dường.

Khi chúng ta bắt ấn tam muội trong khi cúng dường là để tưởng nhớ, cúng dường Phật và tất cả chúng Tăng hiện tiền. Sự cúng dường này thì bao la cùng khắp. Nói về lý, là để cúng dường, cung cấp nuôi dưỡng đức tánh Phật bảo, Tăng bảo và pháp giới hữu tình trong ta.

Nhược phạn thực thời, đương nguyện chúng sanh,

Thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn.

Khi ăn cần nên nguyện cho tất cả chúng sanh đều được cái vui của thiền. Mỗi việc, mỗi sự đều thành tựu trong hoan hỷ và đầy đủ, không phiền não và rắc rối xâm chiếm tâm hồn. Người như vậy là đã đạt được pháp thân thanh tịnh rồi.

Sau khi xuất sanh là tới phần Phật chế, là những điều Phật chế ra hầu dạy dỗ tất cả chúng Tăng.

‘Phật chế chúng Tăng, thực tồn ngũ quán, tán tâm tạp thoại, tín thí nan tiêu’.

Trong khi ăn phải giữ năm phép quán, không được loạn tưởng, suy nghĩ mông lung. Bằng ngược lại tín thí không tiêu. Khi nghe tiếng kiền chùy nên nhớ niệm Phật để trở về với tánh giác của mình. Kế đó niệm ‘Tam bặt ra dà đa’, tiếng Phạm là ‘Sangha lasada’, nghĩa là diệu được. Xưa kia khi đức Phật đi khất thực khắp nơi, có những nơi ngoại đạo cúng dường Phật cùng Tăng đoàn với dã tâm đầu độc hãm hại Phật và Tăng đoàn. Đức Phật quán sát biết được sự

ình, nên đã chế ra câu thần chú này để khử trừ các chất độc trong đồ ăn, cho nên phải đọc câu thần chú bảy lần là như vậy.

Trước khi ăn, mọi người phải giữ chánh niệm luôn luôn, bằng cách nguyện Tam đề ; thứ nhất nguyện trừ tất cả các điều ác, dù là việc ác rất nhỏ ; thứ hai nguyện làm tất cả các việc lành, dù là việc lành rất nhỏ như lau bụi trên bàn, như lượm một mảnh rác. Chớ nên nghĩ rằng tôi chỉ làm chuyện đại sự mà thôi, nghĩ như vậy thật sai lầm. Sau cùng là nguyện độ tất cả chúng sanh.

Sau tam đề đến ngũ quán. Ngũ quán gồm ; thứ nhất quán xem bát cơm này do công lao khó nhọc của bác nông phu đã đổ biết bao mồ hôi, nước mắt làm nên. Bằng ta sanh tâm tham đắm, sẽ đọa địa ngục uống nước dầu sôi. Của đàn na nặng như núi, không lo tu hành hột gạo cũng khó tiêu. Thứ hai là xem thử công lao tu học, làm đạo của ta có xứng đáng thọ nhận thức ăn này không ? Hay cứ lo ngủ, rồi đi đảo không chịu thức liễm thân tâm. Thứ ba là ngừa tâm, lừa dối. Trong tất cả các lỗi, tham ăn là số một. Phải giữ tâm bình thường khi dùng các món ăn ngon. Ăn

các món ăn dở, tâm cũng bình thường, chớ sanh phiền não, giận hờn. Thú tử, hãy quán các thức ăn như những món thuốc để trị bệnh gầy ốm. Thú năm là vì muốn thành đạo nghiệp nên ta thọ nhận thức ăn này. Đạo nghiệp là những gì chúng ta làm hàng ngày đúng với chân lý, viên dung vô ngại. Nếu không ăn thân hình gầy yếu, đạo nghiệp tất khó thành.

Khi dùng xong bữa Ngọ trai thì niệm chú Chuẩn Đề. Chú Chuẩn Đề là của Bồ Tát Chuẩn Đề, tiêu biểu cho sự sinh hóa của vạn vật. Vì vậy Bồ Tát Chuẩn Đề còn được gọi là Phật Mẫu, là mẹ sinh ra tất cả.

Xưa cũng như nay, vật thực mà Tăng Ni thọ dụng đều do Phật tử cúng dường, cung cấp. Công đức đó của hàng Phật tử thật vô biên. Do đó có bài kệ tán thán họ :

Những vị nào cúng thí,
Chắc sẽ được lợi ích vô cùng.
Nếu người nào cố tâm cúng thí,
Thì sau sẽ được an vui.

Tại sao họ được quả lành như thế? Vì tâm

của chúng Tăng hoan hỷ sau khi ăn, có khỏe mạnh mới làm đạo được.

Sau cùng là :

Ăn cơm đã xong,
Nguyện cho chúng sanh,
Làm mọi việc đều xong,
Đầy đủ trong Phật pháp.

Đây là những lời phục nguyện cho những Phật tử phát tâm cúng dường. Tuy nhiên sau này có chế thêm ra những lời phục nguyện để minh định sự cúng dường của hàng tín thí.

Hai thời thọ thực trong chùa có ý nghĩa cao siêu như vừa trình bày. Các câu kinh bài kệ đều chỉ vào Phật tánh của chúng ta, làm sao cho tâm linh được no đủ tươi nhuận để đạt được đạo. Vì vậy hai bữa ăn giống như ngồi thiền vậy, vắng một buổi tâm không được an. Hai bữa ăn là hai thời tu thật sống động, no đủ trong ngày. Ngưỡng mong đại chúng y đó mà hành trì.

QUAN ÂM NHƯ LAI NGUYỆN

QUAN ÂM NHƯ LAI NGUYỆN

Nam Mô Thập Phương Thường Trú Tam
Bảo tác đại chúng minh.

Cùng toàn thể đại chúng hiện diện thân
mến.

Giờ khai thị hôm nay, thầy mong đại chúng
nhận rõ hai chữ ‘đại bi’, về đạo lý của đại bi tâm.
Bản thân của đại bi tâm đã có sẵn đạo lý, nhưng
vì người đời không nhận rõ, thầy mới thêm hai
chữ ‘đạo lý’. Nói về lý, đại bi bao gồm cả đại từ,
đại hỷ và đại xả. Bốn tâm vô lượng, bốn mà một,
một mà bốn. Khi đã thấu triệt được một, thì một

cũng không còn. Khi đó mới thể nhập vào lý Bát Nhã.

Tâm đại bi biểu trưng cho hiện thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Hiện thân của ngài đã có từ vô lượng kiếp về trước, không phải chỉ mới xuất hiện vào thời đức Phật Thích Ca còn tại thế. Trong tiếng Việt, Quán Thế Âm Bồ Tát được đề cập đến qua nhiều danh xưng như Quán Âm Như Lai, Quán Âm Thế Chí, Quán Âm Diệu Thiện, Quán Âm Nam Hải. Ngài có rất nhiều ứng thân, nói đủ là ba mươi hai ứng thân để độ chúng sanh (Tam thập nhị ứng, quảng độ quần sanh).

Đạo lý chơn chánh của đại bi tâm không ở đâu xa, mà chính là trong mỗi người chúng ta, do đó phải thực hiện cho được tâm này. Nghĩa là luôn ghi nhớ tâm đại bi. Tuy nhiên, chúng sanh vì nghiệp lực quá nặng nên không thể thực hiện được liên tục lòng đại bi, bằng được vậy tức là hiện thân Quán Thế Âm. Vì vậy thầy thường khuyên quý vị luôn niệm Phật. Khi niệm Phật thì bao nhiêu đặc tính vi diệu trong ta sống dậy. Tu thiền, quý vị có hoàn toàn sống trong thiền định không? Hay chỉ định được một tí trong khi ngồi

thiền. Thầy thường nhắc quý vị nếu thiền không được thì khi đi, đứng, nằm, ngồi đều phải nhất tâm niệm Phật.

Niệm Phật trọn ngày thì ‘Phật giai quyết định khả kỳ’, tòa sen chín phẩm chắc chắn để phần cho chúng ta, muốn thượng lên lúc nào chẳng được. Nhưng chúng ta nào chịu niệm Phật, cứ nghĩ chuyện rắc rối, chuyện khổ, chuyện vui buồn v.v... Nói cách khác, mỗi ngày chúng ta phải thanh tịnh tâm, quán xét tâm mình xem có được nhẹ nhàng, sáng suốt, giải thoát chưa, hay trong tâm còn đây những vấn vương, những khúc mắc, những buồn khổ. Thực tập quán sát tâm như thế mỗi ngày. Trong những giờ thiền khuya, hãy tập trung tư tưởng suy nghiệm trong ngày qua tâm mình đối cảnh có nhẹ nhàng hay phiền não chất đầy. Nếu là phiền não thì phải giải tỏa chúng ngay, có giải tỏa được tâm mới an lạc, Phật tánh mới lưu xuất.

Tâm được giải tỏa khỏi những vọng tình điên đảo của hỷ, nộ, ái, lạc, ái, ố, dục là tâm của đại từ đại bi, tâm ban vui cứu khổ cho người. Làm được vậy thì niềm vui chơn thật mới đến với

ta, dù cho trong hoàn cảnh sanh ly tử biệt. Vì vậy chữ ‘tử bi’ được định nghĩa như sau:

‘Tù năng dữ nhất thiết chúng sanh chi lạc,

Bi năng bạt nhất thiết chúng sanh chi khổ’.

Lòng từ nghĩa là ban vui cứu khổ cho tất cả chúng sanh, trong đó có cá nhân chúng ta. Vì chúng ta cũng là chúng sanh, chúng ta phải tự ban cái vui cho chính chúng ta, chớ sao lại ngu si ban cái khổ cho chính mình. Trước phải cứu cái khổ tâm của mình rồi mới tới những người xung quanh. Làm được những việc như thế là tâm đại bi của Bồ Tát Quán Thế Âm xuất hiện.

Đứng trước tôn tượng Quán Thế Âm cúng dường lễ bái với tâm chúng sanh là hành động vô nghĩa lý và đầy vẻ hình thức bề ngoài. Đó là sự lừa gạt gian xảo với chính bản thân. Là người xuất gia làm đạo, phải chuyển sự lễ bái cúng dường trở vào bên trong tâm đại bi của chính mình, đó mới cao quý, mới thật sự cúng dường.

Sự hiện thân của các vị Bồ Tát trong quá khứ đều với những đức tánh riêng biệt, mà những

đức tánh đó có trong mỗi người chúng ta. Tại vì chúng sanh mê muội, nên những đức tánh đó không hiển lộ được. Trong kinh có nói ‘tử bi nhị tự diệt thiên khiên’, nghĩa là hai chữ ‘tử bi’ một khi chúng ta thực hiện được sẽ dứt mọi tội lỗi. ‘Phật hiệu nhưt thính tiêu vạn tội’. Nghĩa là niệm danh hiệu Phật, chỉ một tiếng thôi, mà phải trong sự nhất tâm, thì vạn tội tất tiêu diệt. Một khi tâm đã nhất như thì đừng nói đến tội lỗi.

Bồ Tát Quán Thế Âm là vị Bồ Tát thù thắng hơn các vị Bồ Tát khác. Vì vậy, một năm có ba ngày vía của ngài để chúng sanh liên tục tưởng niệm, hành trì. Các vị Bồ Tát, các đức Phật khác nhiều lắm chỉ một ngày vía thôi.

Bi nguyện của Bồ Tát Quán Thế Âm được đề cập nhiều trong kinh tạng. Nhân thời khai thị hôm nay, thầy sẽ giảng giải bài kệ sau đây trong kinh Phổ Môn.

‘Phổ Môn thị hiện, cứu khổ tầm thính,
Tử bi thuyết pháp độ mê tân,
Phú cảm ứng tùy hình,
Tứ hải thanh ninh,

Bát nạn vĩnh vô xâm.’

‘**Phổ môn thị hiện**’. Phổ là khắp, môn là cửa. Dịch nghĩa là nhà nào có cửa là có ngài. Lý đạo nói cái gì? Người nào có tâm là có ngài. Tâm là sự hiểu biết, nhưng ai mà chẳng có sự hiểu biết. Ngài thị hiện dưới mọi hình thức; trưởng giả, bần cùng, thông minh, ngu tiệt v.v... Ngài thị hiện trong tất cả hạng người, mà đã là chúng sanh, ai chẳng có Phật tánh, Phật tánh tức là lòng từ bi. Ý nói chúng sanh ai cũng có thể thể hiện lòng từ bi.

‘**Cứu khổ tầm thanh**’, nghĩa là tìm tiếng kêu cứu để mà cứu khổ. Khi nghe được tiếng van lơn, đau khổ, ngài thị hiện lập tức để làm vơi đi niềm thống khổ. Về lý, câu này ám chỉ sự hàng hiện hữu trong ta tâm đại bi, khi gặp nạn tưởng niệm lại tâm đại bi đó tức mọi khổ nạn đều giải tỏa hết, tâm không còn lo sợ. Tâm đại bi thường hiện hữu, tâm đó chỉ ban vui thì có đâu phiền não cùng mê muội.

‘**Từ bi thuyết pháp độ mê tân**’. Thuyết pháp với lòng từ bi tức là ban vui cứu khổ. Đạo Phật

là đạo ban vui cứu khổ. Đức Phật sanh ra đời, chư Bồ Tát thị hiện đều với mục đích ban vui cứu khổ. Ban vui cứu khổ đây không phải về phần vật chất, vì vật chất có đáng gì đâu, mà là về phần tinh thần. Nếu con người hết khổ được vui thì vật chất bên ngoài không còn là gì đối với họ. Cho nên thuyết pháp là pháp ban vui cứu khổ. Khổ là vấn đề duy nhất trên thế gian này. Nào là khổ già, khổ bệnh, khổ chết; cầu không được khổ; khổ vì ganh ghét; xa người mình yêu là khổ v.v... Chúng xuất phát từ đâu? Từ tâm chúng ta.

‘Độ mê tân’, độ là đưa, tân là bến, đưa chúng sanh từ bến mê qua bờ giác. Chúng sanh đây là tâm. Khi tâm chưa hiểu đạo là mê, hiểu được đạo là giác. Mê giác chỉ cách nhau trong tích tắc thời gian. Khi nghe một thời pháp tâm trở nên tươi nhuận, an vui, tức là rời được bến mê đến bờ giác. Từ bi thuyết pháp độ mê tân là hạnh nguyện của ngài Quán Thế Âm. Điều kiện để thực hiện được nguyện này là ta luôn sống với tâm từ, tâm bi, luôn thuyết pháp cho chúng sanh nghe, đưa chúng sanh từ chỗ khổ đau, mê lầm đến bến giác. Bến giác bờ mê cũng chỉ ở tâm, mê

ngộ chỉ có một chỗ không hai.

‘Phú cảm ứng tùy hình’. Phú nghĩa là đưa đến, hễ có cảm là có ứng. Khi ta cảm điều gì thì tự nhiên sẽ có sự ứng hiện ở tâm. Cái gì ứng hiện? Nếu không cảm, không thức tỉnh, không ngộ thì không có ứng. Tâm đó ở trong ta, là Phật tử dùng sống với tâm sân, si, ái, ố, hãy sống với tâm từ bi hy xả đối với mọi người, dù là kẻ nghịch, kẻ oán thù.

‘Tú hải thanh ninh’. Nghĩa là làm cho bốn biển năm châu đều được thanh bình an ninh. Ý nói tâm lúc bấy giờ tự tại an nhiên. Cho nên từ ‘Quán Thế Âm’ còn được dịch là ‘Quán Tự Tại’. Tâm chúng sanh không được gọi là tự tại vì gặp vui thì quá mừng, gặp khổ thì quá đau đớn. Tâm đại bi là tâm tự tại, dầu ở cảnh ba đào bảy động, ở nơi sóng biển, hay ở nơi phồn hoa đô hội, tâm vẫn tự nhiên, thanh thản.

‘Bát nạn vĩnh vô xâm’. Nghĩa là tám nạn không thể xâm lấn vào tâm mình được. Tám nạn đó là gì? Tức là nạn địa ngục; nạn ngạ quỷ; nạn súc sanh; nạn tật nguyên như đui, điếc, ngọng,

liệu; Thế trí biện thông nạn; trường thọ nạn; Phật tiền Phật hậu nạn; vô tướng thiên nạn, và Bắc Câu Lư Châu nạn. Tám nạn này không thể xâm phạm tâm đại từ bi.

Bài kệ trên nói lên lòng từ bi vô bờ bến của đức Quán Thế Âm. Bài kệ thứ hai là:

‘Quán Âm Đại Sĩ,
Tích hiệu Viên Thông,
Thập nhị đại nguyện thế hoàng thâm.
Khổ hải độ mê tân.
Cứu khổ tâm thanh.
Vô sát bất hiện thân.
Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.’

Đại sĩ là Bồ Tát. Bồ Tát là giác hữu tình (giác ngộ chúng sanh hữu tình). Giờ phút nào cũng làm cho chúng sanh tỉnh ngộ. Tỉnh ngộ những gì? Ngộ được mình có Phật tánh. Làm được vậy là đã cứu khổ rồi đó. Vì khi nhận được điều đó, ta gia công tiến tu và sẽ giải tỏa được tám nạn, các khổ lụy trần lao.

‘Tích hiệu Viên Thông’. Nghĩa là xưa kia ngài mang danh hiệu là Viên Thông, cho nên

trong kinh có bài kệ như sau:

‘Viên Thông giáo chủ.
Mãn nguyệt kim dung.
Thị Di Đà ư Cực Lạc Quốc trung.
Trợ Thích Ca ư Ta Bà giới nội.
Xử thiên diệp hồng liên chi tòa.
Cư chúng bửu lưu ly chi xứ.
Quá khứ Chánh Pháp Minh.
Hiện tiền Quán Tự Tại.’

Nghĩa bài kệ là: Ngài Viên Thông giáo chủ, có gương mặt tròn đầy như mặt trăng, sáng đẹp, quang minh tướng hảo. Ngài hầu Phật A Di Đà ở nước Cực Lạc. Nơi cõi Ta Bà này, ngài thị hiện để trợ giúp đức Phật Thích Ca. Trợ giúp bằng cách nào? Bằng cách thuyết pháp độ sanh ở nơi nhiều của quý báu, ở nơi có pháp tọa, có sen hồng nghìn cánh. Đời quá khứ ngài có danh hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Hiện tại ngài mang danh hiệu Quán Tự Tại hay Quán Thế Âm.

Tam thập nhị ứng, quảng độ quần sanh.
Thất nạn nhị cầu, đa phương tiếp vật.

Ba mươi hai ứng thân để cứu độ chúng sanh. Trong bảy nạn, hai sự cầu- cầu cho được

phước đức, trí tuệ đầy đủ; cầu cho được thân tướng đoan trang, thì ngài ứng thân thị hiện để cứu giúp, để làm mọi người mãn nguyện.

Thập nhị đại nguyện thế hoàng thân.

Ngài có mười hai lời nguyện. Chúng ta thường đọc tụng lời nguyện của ngài. Đọc tụng không phải chỉ để đọc tụng, mà để chúng ta phát tâm như ngài. Tâm chúng ta và tâm ngài trở thành một. Vậy mười hai lời nguyện đó là gì?

1. **Nam Mô hiệu Viên Thông Danh Tự Tại Quan Âm Như Lai quảng phát hoàng thế nguyện.** Đức Quán Thế Âm đầu tiên hiệu Viên Thông như đã nói ở trên. Tên ngài là Quán Tự Tại. Lời nguyện đầu của ngài là độ tận chúng sanh. Khi chúng ta đọc tụng lời nguyện tức là đã lập lời thế nguyện rồi. Vậy mà khi đọc nhiều người trong chúng ta cứ tưởng đâu lời nguyện đó là của ngài Quán Thế Âm, chứ không phải của riêng mình. Đọc lời nguyện là để tiếp nối ngài, tu hành sao cho tâm đại bi, đại hỷ, đại xả hiển lộ, khi ấy vấn đề giải thoát có khó khăn gì đâu. Tâm chúng ta hiện tại chỉ toàn là phiền não. Cầu hoài

chẳng được gì, vì nghiệp của chúng ta quá nặng. Không phải lỗi của ngài. Cho nên, ngay bây giờ, chúng ta phải học theo, sống theo hạnh nguyện của ngài hầu giải tỏa lần các nghiệp chướng.

2. Nam Mô nhất niệm tâm vô quái ngại, Quan Âm Như Lai, thường cư Nam Hải nguyện; Khi tâm chúng ta không còn quái ngại, lúc đó ngài mới nghe được lời cầu nguyện. Bằng tâm còn giận ngại, còn buồn, còn tức, còn ngã mạn thì không thể thông được với tâm đại bi của đức Quan Thế Âm. Vì vậy phải nguyện, nhất tâm nhất đức, đừng sống với vọng tâm, thì lời nguyện đó mới thành.

‘Thường cư Nam Hải’. Nghĩa là thường ở vùng biển phía nam của Nam Thiệm Bộ Châu. Biển Nam Hải nơi có lắm chúng sanh đang đau khổ, ngài chống thuyền từ, thị hiện thân này thân nọ để cứu khổ, đó là đúng về sự. Về lý là mỗi người chúng ta tự hướng trở vào tâm mình mà giải quyết vấn đề sinh, lão, bệnh, tử.

3. Nam Mô trụ Ta Bà U Minh giới, Quan Âm Như Lai, tầm thỉnh cứu khổ nguyện. Nghĩa

là ngài có lời nguyện trụ nơi cõi Ta Bà này. Ngài tìm đến nơi nào phát ra lời kêu cứu khổ, đặc biệt là những cảnh khổ thực sự như địa ngục ngài vẫn tìm đến. Lòng từ bi quảng đại của ngài là như vậy. Do đó chúng ta phải đọc tụng với tâm thành của mình, sao cho lời nguyện đó trở thành lời nguyện từ trong tâm khảm chúng ta phát ra. Nguyện trụ nơi cõi Ta Bà này, đến những nơi tối tăm, mê mờ để lập chùa, khai hóa độ sanh.

4. Nam Mô hàng tà ma trừ yêu quái, Quan Âm Như Lai, năng trừ nguy hiểm nguyện. Những tà ma, yêu quái này đều xuất phát từ trong tâm mà ra cả. Nếu ta không phát nguyện mạnh mẽ thì khó mà trừ được các phiền não trần lao.

5. Nam Mô Thanh tịnh bình thù dương liễu Quan Âm Như Lai cam lộ sai tâm nguyện. Nghĩa là lúc nào cũng dùng nước cam lộ để rưới vào tâm. Nước cam lộ đó là gì nếu không là giáo pháp của đức Thế Tôn. Nghe pháp chẳng khác nào trầm mình trong dòng nước mát cam lộ. Chúng sanh trong cõi Ta Bà này gặp nhiều khổ lụy; nghèo khổ đã đành, giàu cũng khổ, làm dân khổ đã đành, làm quan làm quyền cũng khổ. Vì

vậy ngài mới dùng cam lộ sái tâm bằng cách giữ (thùy) nhành dương, tưới tắm giáo pháp nhiệm màu trên mảnh đất tâm cần cỗi khổ đau của chúng sanh.

6. Nam Mô Đại từ bi năng hỷ xả, Quan Âm Như Lai, thường hành bình đẳng nguyện. Lời nguyện đại từ bi, năng hỷ xả, không nên câu chấp. Ngày hôm qua họ muốn đánh, muốn giết ta đi chẳng nữa. Hôm nay họ tỉnh lại đôi chút, thì ta vẫn đối xử với họ như chính bản thân chúng ta. Kêu là bình đẳng nguyện. Người sống với nguyện này, nhận thấy được tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, kể cả các loài thượng cầm hạ thú. Sống trong sự bình đẳng, không hơn không thua. Muôn loài chúng sanh đồng một linh tánh, đó là tánh giác, tánh Phật. Thấu triệt lý này mới thực hiện được tâm bình đẳng, tâm không so sánh.

7. Nam Mô Trú dạ tuần vô tổn hoại, Quan Âm Như Lai, thệ diệt tam đồ nguyện. Trú là ban ngày, dạ là ban đêm. Từ sáng đến tối, ngày nào cũng như ngày nào, luôn luôn không bao giờ làm tổn thương hại vật. Tâm lúc nào cũng từ bi,

chùng đó mới thệ diệt Tam Đồ khổ, chấm dứt ba đường ác; địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

8. Nam Mô Vọng nam nham cần lễ bái Quan Âm Như Lai, già tảo giải thoát nguyện. Đây là lời nguyện giải trừ tất cả những gông cùm xiềng xích trong tâm. Tâm không tự tại vì bị vọng tưởng lôi kéo, dắt đi. Do đó mới vọng trông về núi phía nam (nham nghĩa là núi), trong vùng biển Nam Hải mà cầu lễ bái, hầu được phát trí thanh tịnh, biến nhập pháp giới, để giải tảo cho được gông cùm xiềng xích.

9. Nam Mô Tạo pháp thuyền du khổ hải, Quan Âm Như Lai, độ tận chúng sanh nguyện. Độ tận chúng sanh bằng cách làm nên một chiếc thuyền giáo pháp để du hành trong biển khổ, thuyết pháp giáo hóa khắp nơi.

10. Nam Mô tiền tràng phan, hậu bảo cái, Quan Âm Như Lai, tiếp dẫn Tây Phương nguyện. Lời nguyện tiếp dẫn mọi người về cảnh giới Phật, cảnh giới an tịnh, giải thoát. Tràng phan, bảo cái dùng để rước linh tánh về cõi Tây Phương. Đó là nói về hình thức bên ngoài, còn

về tâm linh bên trong, chúng ta phải tu sao cho chúng sanh quy hướng về cái tâm linh đại đồng của mỗi người, để độ tận chúng sanh.

11. Nam Mô Vô Lượng Thọ Phật cảnh giới, Quan Âm Như Lai, Di Đà thọ ký nguyện. Nguyên sao cho tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ của chúng ta hiển lộ. Chữ ‘thọ ký’ đây là nghĩa ‘hiển lộ trọn vẹn’.

12. Nam Mô Đ oan nghiêm thân vô tỷ tái, Quan Âm Như Lai quả tu thập nhị nguyện. Nghĩa là thân tâm đ oan trang, đi đứng nằm ngồi đều phải niệm Phật. Niệm đây phải là tâm niệm, chớ không phải miệng niệm và cố gắng tu trì mười hai lời nguyện này.

‘**Khổ hải độ mê tân**’. Ý nói về hạnh độ sanh như đã giảng ở trên. Ngài dùng thuyền từ cứu vớt chúng sanh đưa qua bể khổ.

‘**Cứu khổ tâm thanh**’: Khi gặp cảnh khổ lụy về thân và tâm, mà ta tỉnh thức niệm danh hiệu Quán Thế Âm, niệm với tâm đại bi thì tất cả những khổ não đều được giải tỏa, cả về xác thân.

Giải tỏa đây không có nghĩa là khỏi nạn, đôi lúc cũng có vậy, nhưng chỉ với những ai nghiệp chướng sâu dày, họ đành phải chịu trả, nhưng trả trong sự tự tại an lạc, không phải sầu khổ mà trả. Vì trên bình diện như quả, đã gieo nhân phải trả quả.

‘**Vô sát bất hiện thân**’: Chữ ‘sát’ đây là cõi, không có cõi nào mà ngài không hiện thân cứu độ. Ai cũng có tâm đại từ, đại bi, cả các loài thú vật, tuy bị vô minh che mờ, nhưng cũng có những giờ phút thức tỉnh, phát tâm đại bi.

Tóm lại, chúng ta phải sống luôn với bốn tâm vô lượng, giờ phút nào cũng vậy, canh cánh bên lòng niệm suy tư làm sao cứu được mình, cứu được người thân, rồi tất cả pháp giới chúng sanh. Với tâm cao thượng bồ đề, ta phát nguyện cứu độ tất cả chúng sanh, bất kể thân sơ, bĩ thử, không ai trước không ai sau, vì tâm đại bi của Quán Thế Âm đâu có trước sau. Dầu họ đến với sự rắc rối, đừng khởi tâm phân biệt, hãy dịu ngọt, ân cần. Có phát tâm Bồ Tát mới thành Bồ Tát, còn cứ sống với tâm chúng sanh thì mãi là chúng sanh.

Thầy mong sao chư Tăng Ni và Phật tử sống đúng với tâm lượng Quán Thế Âm Bồ Tát. Đừng đợi, đừng hẹn, đừng nói là để tôi thọ đại giới rồi tôi mới sống, hoặc để tôi xuất gia rồi đã. Thật luống đi một kiếp làm người.

PHẢI BIẾT MUỖI SỐ MỤC

PHẢI BIẾT MUỖI SỐ MỤC

Nam Mô Thập Phương Thường Trú Tam Bảo Tác Đại Chúng Minh.

Cùng toàn thể đại chúng thân mến. Chủ đề của buổi khai thị hôm nay là ‘Xuất gia ứng tu thập số’.

Trong Luật A-tăng-kỳ có nói người xuất gia phải biết qua mười số mục. Thế nào là mười?

Nhút giả nhút thiết chúng sanh, giai y ẩm thực.

Nhị giả danh sắc.

Tam giả tri tam thọ.

Tứ giả tứ đế.

Ngũ giả ngũ ấm.

Lục giả lục nhập.

Thất giả thất giác ý.

Bát giả Bát chánh đạo.

Cửu giả Cửu chúng sanh cư.

Thập giả, thập nhút thiết nhập.

Trong giới xuất gia, đặc biệt là hàng Sa di, đầu tiên phải biết rõ mười số mục này để bước đường tu được hanh thông, để tâm linh ngày càng sáng rõ.

‘**Nhút giả nhút thiết chúng sanh giai y ẩm thực**’ nghĩa là tất cả chúng sanh đều phải nương vào sự ăn uống. Tất cả chúng sanh, trừ Phật ra, từ địa vị Bồ Tát trở xuống đều thuộc về chúng sanh, ngay cả Đẳng Giác Bồ Tát vẫn bị liệt vào hàng chúng sanh vì còn vi tế vô minh.

Theo giáo lý nhà Phật, vũ trụ bao la rộng lớn này được chia ra làm mười cõi. Trên có bốn cõi gồm các cõi Phật, Bồ Tát, Duyên Giác và Thanh Văn, gọi chung là ‘tứ Thánh’. Và sáu cõi dưới bao gồm trời, người, A-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Ngoài cõi Phật ra, chín cõi còn lại đều phải nương nhờ vào sự ăn uống để tồn tại. Tuy nhiên, ở mỗi cõi sự ăn uống có khác. Chúng sanh ở cõi trời ăn uống bằng tư thực. Tư thực có nghĩa là suy tư về những giáo lý của mười phương chư Phật. Riêng chúng sanh ở cõi người, ngoài việc dùng thức ăn để nuôi dưỡng cơ thể, chúng ta còn cần phải có những món ăn tinh thần nữa. Phần nhiều trong chúng ta vì thiếu phần ăn tinh thần cho nên chúng ta phải chịu quần quai trong khổ đau. Ở thế giới Ta Bà này, món ăn về tinh thần rất hiếm. Nếu có chẳng thì cũng yếu kém, không gì đặc biệt cả. Cho nên người xuất gia có bốn phận học giáo lý và hành giáo lý cho chính xác, đúng với chánh pháp để cứu giúp chúng sanh, để có thể ban phát những bài pháp có tầm quan trọng rất mực, có chất liệu trường dưỡng tâm linh của chúng sanh ngõ hầu mau giác ngộ. Có những bài pháp trở thành nước cam lộ,

uống vào làm tươi nhuận cả tâm linh, cả cuộc đời.

Tiệc thay, ở cõi Ta Bà này, các món ăn tinh thần thường không cao lương mỹ vị cho lắm. Muốn có cao lương mỹ vị, hàng xuất gia phải gắng công tu học. Học cho đến nơi, tu cho đến chốn mới mong giảng giải, cứu độ chúng sanh một cách thiết thực, và lời nói, hành động của những người xuất gia phải đúng sự thật, hợp chơn lý. Có thể, chúng sanh nghe mới tỏ ngộ được tâm linh, mới có thể nương vào đó hầu tạo dựng cho mình đời sống tâm linh an lạc, hướng thượng.

Vào đời mạt pháp này, con người chỉ lo đi tìm những bóng mờ vật chất. Mà vật chất có bao giờ trường tồn, bất diệt đâu. Ngay cả thân tứ đại này, một ngày kia cũng sẽ tan hoại, cát bụi rời cũng về với cát bụi. Với cái nhìn lệch lạc như thế, thử hỏi sao ta không đau khổ, không quàn quại trong suốt cuộc hành trình của một kiếp người. Lắm người trong chúng ta, lúc tuổi xế chiều, mới biết những món ăn tinh thần như là nghe pháp, quán tưởng, thọ trì đọc tụng v.v...

Các phương tiện hành trì đọc tụng đều thuộc về món ăn tinh thần, nhưng phương tiện chính yếu vẫn là nghe pháp, Nghe một thời pháp đúng mức thì tâm hồn chúng ta rất sáng suốt, nhẹ nhàng, thơ thới, chẳng khác nào được rưới mát bởi những giọt nước cam lộ. Những phiền não rắc rối làm sao xâm nhập vào người chúng ta được.

‘**Nhị giả danh sắc**’. Đức Phật dạy thế gian này nằm gọn trong hai chữ danh sắc. Sắc là sắc tướng bên ngoài. Danh đây bao gồm cả thọ, tưởng, hành và thức. Sắc thuộc về hữu tướng, danh thuộc về vô tướng không thấy được. Ví dụ như thọ là những loại cảm thọ buồn vui, lo rầu. Những loại cảm thọ này chúng ta không thể nhìn thấy, mà chỉ khái niệm chúng mà thôi. Tưởng cũng vậy, là những sự tưởng tượng. Hành là trạng thái tư tưởng luôn luôn biến chuyển. Thức là sự phân biệt hiểu biết.

Trong con người chúng ta có đủ cả danh và sắc. Danh là tâm hồn, sắc là thân thể. Sắc thuộc về hữu hình. Hữu hình tất hữu hoại. Danh thuộc về tinh thần không bao giờ mất, không bao giờ

chết, không bao giờ biến chuyển, mà tùy nghiệp thọ báo. Tùy theo nghiệp nhân tạo trong cuộc đời này; hoặc thiện, hoặc ác, hoặc vô lậu nghiệp, cộng với những nghiệp duyên tạo ở đời trước, mà dắt dẫn tâm linh đi đâu thai ở cõi trên hoặc cõi dưới.

‘**Tam giả Tri tam thọ**’. Nghĩa là biết ba việc hằng ngày ta thọ lãnh. Vì thọ lãnh nên mới khổ. Ba sự lãnh thọ đó gồm những gì? 1. Lãnh thọ sự khổ. 2. Lãnh thọ sự vui. Đừng tưởng vui là hạnh phúc, an lạc. Vui cũng là nhân của sự khổ. Đằng sau những cuộc vui thác loạn là cạm bẫy ngục tù khổ lụy. 3. Xả thọ. Tức là không khổ cũng không vui. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là an lạc. Trong quá trình tu tập, chúng ta phải chuyển xả thọ trở thành niềm an lạc trường cửu.

‘Thọ thị khổ’, có thọ là có khổ, sống đừng nên lãnh thọ. Giả sử nó có đến chúng ta cũng tùy hoàn cảnh mà đối phó. Cảnh vui, cảnh khổ hay cảnh vô ký cũng không cho lãnh thọ vào tâm. Chúng ta khổ vì chúng ta lãnh thọ. Ví dụ như sau một cú điện thoại chúng ta buồn rã-rượi hay

phấn nộ xung thiên vì đã có người mắng nhiếc ta thậm tệ. Niềm khổ đau này do đâu mà có, nếu không phải vì chúng ta lãnh thọ những lời chửi mắng đó. Ngược lại, nếu họ khen ngợi tặng bốc ta, vì tâm lãnh thọ nên chúng ta cảm thấy vui sướng, nhưng có biết đâu, đó cũng là nhân của sự bất an, vì là vui trong tham dục, vui kiêu thế gian, vui như thế, vui rồi khổ. Không như cái khổ của tu hành, khổ sẽ hóa thành vui. Vì vậy cho nên đức Phật có dạy là người xuất gia không nên lãnh thọ khổ, lạc để tâm luôn được an lành, tự nhiên, không rắc rối, không loạn động.

Ở thế gian, đôi lúc chúng ta vui quá, cười ra nước mắt, cười nghiêng cười ngã. Người đời cho đó là vui, họ cho rằng nếu không vui như thế thì cuộc đời sẽ tẻ nhạt, buồn chán. Lắm người trong đạo cũng thế, đôi lúc phát hứng ca những bài ca thế gian hay những bài ca đạo, họ tưởng làm vậy là chúng tỏ rằng họ đang được hạnh phúc, an lạc, họ đang sống trong thiên vị. Họ có biết đâu, đó là những hình thức, kiểu cách của thế gian, mà của thế gian thì làm sao phù hợp được với đạo. Theo Phật giáo, đối với người biết tu, bất cứ tình

huống gì đến họ đều an nhiên tự tại, không nao núng, không sợ sệt, kể cả vấn đề bệnh chết cũng vậy thôi. Giả sử nó có đến mà chúng ta sợ, chúng ta lo thì có tránh khỏi không? Vấn đề sanh, già, bệnh, chết là những gì hết sức tự nhiên, một khi quả chín tức phải rụng, người già tức phải chết. Bệnh cũng thế thôi, chết cũng thế thôi, tâm an nhiên. Xả báo thân này, siêu thoát về cảnh giới an lành, không còn bị nghiệp ràng buộc nữa.

Tứ giả tứ đế. Người xuất gia phải hiểu sâu sắc về pháp Tứ Đế. Tứ Đế là bốn chơn lý về khổ, tập, diệt và đạo. Chơn lý là những điều không bao giờ sai với sự thật, nó vượt cả không gian và thời gian. Con người sinh ra là để nhận chịu những điều khổ đau. Vì nghiệp mà thọ nhận thân này thì không thể tránh khỏi những hệ lụy trần lao. Trừ những người với tâm hồn sáng suốt thì họ không bị khổ đau. Những người may mắn này được thừa hưởng pháp vị cao thâm của đức Phật và biết hành trì, tu tập.

‘Tập’ là nguyên nhân của khổ. Nguyên nhân thì rất nhiều, nhưng có thể tóm tắt trong

mười triền sử, gồm: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Trong ác kiến lại chia ra làm năm là: thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà kiến.

‘Diệt’ là cảnh giới an lành, tự tại của tâm hồn. Vì khi phiền não diệt, cõi lòng trở nên thanh tịnh, thanh thoi. Diệt đế còn gọi là niết bàn, là tịch tĩnh và là hệ quả của Đạo đế.

Đạo đế là nhân, Diệt đế là quả. Đạo đế là con đường của ba mươi bảy phẩm trợ đạo dẫn tới an vui niết bàn. Là con đường giúp hành giả diệt hết các phiền não trọng trước. Khi ấy còn lại chẳng là một vùng minh tinh sáng sạch, không thể nghĩ bàn.

‘Khổ, Tập’ và ‘Diệt, Đạo’ là hai cặp như quả thế gian và xuất thế gian, mà anh em Kiều Trần Như là những người đầu tiên được nghe Phật thuyết tại vườn Lộc Giả. Bài pháp này được ghi lại trong Chuyển Pháp Luân kinh. Danh từ ‘chuyển pháp luân’ rất có ý nghĩa vì là lần đầu đức Phật chuyển bánh xe chánh pháp. Chữ ‘luân’ nghĩa là bánh xe. Từ đó đến nay, bánh xe chánh pháp vẫn còn luân chuyển, và sẽ luân

chuyển mãi về sau.

Chuyển pháp luân còn được hiểu là Tam Chuyển Pháp Luân gồm: Thị Chuyển, Chúng Chuyển và Khuyến Chuyển. Thị Chuyển nghĩa là chỉ bày, minh bạch đây là ‘khổ, tập, diệt, đạo’. Về Chúng Chuyển, đức Phật nói: ‘đây là khổ ta đã biết, đây là tập ta đã đoạn, đây là diệt ta đã chứng, đây là đạo ta đã tu’. Khuyến Chuyển là khuyên, ‘đây là khổ các ông nên biết, đây là tập các ông nên đoạn, đây là diệt các ông nên chứng và đây là đạo các ông nên tu’.

‘**Ngũ giả ngũ ấm**’. Ấm nghĩa là che đậy, ngũ ấm là năm thứ che đậy chơn tâm như là sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Chúng làm mê mờ chơn tánh. Theo kinh Tỳ Bi Tam Muội Thủy Sám thì sắc ấm có tất cả ba mươi sáu tướng như là tóc, răng, móng, lông v.v... Thọ là lãnh thọ, có lãnh thọ là có khổ. Tưởng là tưởng tượng việc đời, việc quá khứ, vị lai, việc của hiện tại v.v... Hành là tâm niệm lăng xăng, thiên lưu biến chuyển, không bao giờ ngừng. Nếu tâm quý vị định được thì lời thầy dạy sẽ khắc sâu vào tâm quý vị, không bao giờ quên, không bao giờ mất.

Thức là cái phân biệt hiểu biết, phân biệt cái này, phân biệt việc nọ.

‘**Lục giả lục nhập**’. Nhập nghĩa là đi vào, đi vào sáu căn. Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý nhập với sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp mới sanh ra lục thức. Lục thức gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Lục nhập nghĩa là sáu cái vào, thí dụ mắt thấy sắc liền hiểu biết phân biệt đẹp xấu. Tai nghe tiếng phân biệt âm thanh trầm bổng, hay dở. Mũi ngửi mùi phân biệt hôi, thơm. Vì chúng nhập vào rồi biết phân biệt cho nên mới tạo nghiệp, gây tội lỗi, gây bao nhiêu điều oan trái. Bây giờ chúng ta học đạo phải biết làm sao cho căn là căn, trần là trần, thức là thức, đừng cho chúng liên kết để mà tạo nghiệp. Trong kinh có câu ‘Văn thính, kiến sắc, cái thị tầm thường’. Nghĩa là nghe tiếng, thấy sắc, coi như chuyện tầm thường. ‘Thường’ đây có nghĩa là không vướng mắc. Cho đến mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý có phân biệt hiểu biết cũng là thường. Đó là người giải thoát, người ra khỏi được vô minh. Còn nếu cứ lăng xăng, lộn xộn ở

trong lục nhập, từ phân biệt này đến phân biệt khác, rồi đi tới chỗ chạy theo ý thích và cái gì không thích thì dẹp bỏ.

‘**Thất giả thất giác ý**’. Giác ý đây chỉ cho ý giác ngộ. Thất giác ý còn gọi là Thất giác chi trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Thành phần của Thất giác chi là trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định và xả.

Trạch pháp là chọn một pháp môn để tu. Phải xử dụng trí tuệ trong sự chọn lựa này, vì pháp môn lựa chọn phải phù hợp với căn cơ, hoàn cảnh của chúng ta. Một khi đã chọn được pháp môn tu tập rồi thì phải **tinh tấn**, luôn dũng tiến, không ngại gian lao, khó nhọc, đến khi nào đạt được mục đích mới thôi.

Hỷ là hoan hỷ, vì tinh tấn tu hành đoạn trừ các phiền não nên tâm trở nên hoan hỷ.

Khinh an là nhẹ nhàng, an ổn. Đời sống lúc nào cũng như niềm vui ở cõi thiên, thanh tịnh, khoan khoái, vắng bật những dục vọng trần ai.

Niệm là chánh niệm, là ghi nhớ những

chánh pháp để tu hành, nhứt là ghi nhớ pháp môn mà ta đã chọn lựa. Bằng ngược lại, tạp niệm làm chủ, phiền não phát sanh.

Sau niệm là Định. Định là giữ tâm yên định luôn luôn, tâm phải định chú vào pháp môn đã chọn.

Xả, nghĩa là bỏ, vì có xả mới có tiến. Nếu chúng ta chấp chặc không chịu buông bỏ để đi lên, thì khi nào mới chứng đặng Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cho nên, từ lúc sơ phát tâm, chúng ta phải luôn thực tập thất giác chi. Trạch pháp rồi xả, xả rồi trạch pháp. Như thế tiến mãi, từ Tam hiền đến Thập thánh, cho đến Đẳng giác, Diệu giác và Viên Giác.

‘**Bát giả Bát Chánh Đạo**’. Bát Chánh Đạo là còn đường có tám nẻo đi lên quả thánh. Thành phần Bát Chánh Đạo gồm:

Chánh Kiến: Hiểu biết chơn chánh.

Chánh Tư duy: Suy nghĩ chơn chánh.

Chánh Ngữ: Lời nói chơn chánh.

Chánh Nghiệp: Cuộc sống chơn chánh, không tà bậy.

Chánh Mạng: Ăn, mặc và ở chánh đáng.

Chánh Tinh tấn: Chuyên cần, siêng năng làm việc chánh nghĩa, lợi lạc cho mình, cho người và vật.

Chánh Niệm: Tâm niệm chơn chánh.

Chánh Định: Tập trung tư tưởng vào một vấn đề chính đáng, hợp chơn lý, đúng sự thật. Đây là cái định trong Phật pháp, không như định của ngoại đạo, tà giáo, chỉ mong được thần thông diệu dụng.

‘Cửu giả cửu chúng sanh cư’. Thế giới chúng ta đang ở gọi là ‘ngũ thú tạp cư địa’. Nghĩa là vùng đất có năm giống loài cùng chung sống. Năm loại gồm A-tu-la, người, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Ngoài ra còn tám ‘địa’ ở các cõi trên, được liệt kê như sau:

Bốn địa ở cõi Sắc(Sắc giới thiên)

Ly sinh hỷ lạc địa.

Định sinh hỷ lạc địa.

Ly hỷ diệu lạc địa.

Xả niệm thanh tịnh địa.

Bốn địa ở cõi Vô Sắc (Vô Sắc giới thiên).

Không vô biên xứ địa.

Thức vô biên xứ địa.

Vô sở hữu xứ địa.

Phi tưởng phi phi tưởng xứ địa.

Trong Ngũ thú tạp cư địa có loài A-tu-la thường hay nóng giận. Những hành động, ý nghĩ, lời nói chứa đầy tính chất sân hận đã chiêu cảm được điện lực của địa ngục. Cho nên họ thường sống trong cảnh tâm tối u buồn. Ngạ quỷ là những loài quỷ đói có tới ba mươi sáu loài quỷ sống trong ba mươi sáu bộ. Cả năm loài trong ngũ thú tạp cư địa đều sống chung với nhau, nhưng vì nhục nhãn của chúng ta không thấy được mà thôi. Tuy nhiên, các loài khác thấy được chúng ta. Thường thì các loài A-tu-la, ngạ quỷ ở nơi rừng núi. Chùa chiền ở Việt Nam thường được dựng lập ở thôn dã, các thời công phu sáng chiều, phần nhiều độ thoát các âm linh. Tiếng chuông chùa hằng đêm vang vọng không

phải chỉ để cảnh tỉnh chúng ta không đâu, mà có công năng thức tỉnh loài nạ quý, các âm hồn ở cõi âm, khiến họ thoát được kiếp tăm tối mà đầu thai vào thế giới an lành.

‘Thập giả thập nhất thiết nhập’: Mười là ‘mười’ tất cả vào. Số ‘mười’ này có hình sắc, hiển sắc, có cảnh có tâm, có hình và vô hình. Sắc có tám gồm xanh, vàng, đỏ, trắng cộng với dài, ngắn, vuông, tròn, còn gọi là hoại sắc. Ngoài ra còn có ‘không’ và ‘thức’. Tất cả là mười. Quán chiếu thuần thực mười điểm trên, cho chúng vào trong tâm linh của chúng ta, để đi đến chỗ chơn không, diệu hữu.

Nói tóm lại, người xuất gia phải biết và hành trì nghiêm chỉnh mười số mục kể trên mới mong xuất được vô minh gia, thoát vòng sinh tử luân hồi.

GIỚI LUẬT LÀ MẠNG MẠCH PHẬT PHÁP

GIỚI LUẬT LÀ MẠNG MẠCH PHẬT PHÁP

Nam Mô Thập Phương Thường Trú Tam Bảo tác đại chúng minh.

Cùng toàn thể đại chúng thân mến.

Buổi khai thị hôm nay chúng ta sẽ bàn về giới luật. Luật cũng là pháp môn tu chính yếu. Như quý vị đã biết, sáng nay quý vị tụng giới, ngày mốt sẽ có những đàn truyền đại giới cho Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thúc Xoa Ma Na Ni, Bồ Tát giới và sau cùng là thành tâm đốt hương cúng dường chư Phật.

Rằm tháng trước có một số vị lãnh thọ thập giới Sa di và Sa di ni. Việc truyền trao giới pháp trong thời gian gần đây đã được đề cập đến thường xuyên. Do đó, thầy nghi phải có một thời khai thị đặc biệt về giới luật.

Trong giới luật mà Phật để lại từ ngàn xưa

có câu: ‘Tỳ ni tạng trụ, Phật pháp cứu trụ’. Tỳ ni nghĩa là luật. Giới luật mà còn thì Phật pháp mới còn. Ở bất cứ một quốc gia nào, mà người giữ giới luật nghiêm minh, thì nơi đó Phật pháp rất thanh hành. Chúng ta hãy đi ngược dòng lịch sử Phật giáo, ta thấy thời nào mà chư Tăng, Ni, Phật tử nghiêm trì giới luật thì thời đó Phật giáo xương minh, hàm sinh lợi lạc. Cũng có những thời kỳ hàng Phật tử thất chúng của Phật gìn giữ giới luật yếu kém, kết quả sự tu trì và phát triển đạo đã suy thoái. Cho nên có câu ‘Giới luật còn thì Phật pháp còn’ hay ‘giới luật là mạng mạch của Phật pháp’. Giới luật là chơn tinh thần của Phật pháp. Nói man mác như vậy quý vị có hiểu nổi không. Thầy tóm lại cho quý vị rõ. Giữ đúng giới luật là để tâm chúng ta được thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh mới đạt được đạo quả, mới thành Phật được. Nếu tâm ta không thanh tịnh, cứ tạp loạn, vọng tưởng, điên đảo thì đạo còn xa vời lắm. Do đó, trong hàng tu tập thất chúng đệ tử Phật, muốn gìn giữ giới pháp cho đúng thì trước hết chính bản thân mình thẳng tiến, rời ra ngoài truyền bá Phật pháp, cũng nhờ thân tâm thanh tịnh đó mà sự hành đạo của chúng ta vững vàng, kết quả khả

quan. Vì vậy, chúng ta phải học giới luật cho kỹ, cho chuyên, hành giới luật cho nghiêm, cho chánh.

Giới túc là những điều đức Phật răn cấm, khuyên giữ gìn đừng nên trái phạm, để cho thân tâm thanh tịnh. Ví dụ, sát sanh, trộm cắp, tà hạnh v.v... những ai làm những việc đó thì tâm họ thế nào? Đâu yên tịnh được, bấn loạn lên vì lo sợ, sợ bị bắt, sợ vào tù. Tâm lúc đó loạn động không ngừng, ăn không ngon, ngủ không yên. Cho nên đức Phật khuyên là nên gìn giữ, gần như là đức Phật sắc chỉ, ra lệnh phải giữ giới. Nếu ai muốn đạt đạo, muốn tới nơi cao thượng về tâm linh là phải giữ gìn giới luật. Nói nôm na là giữ gìn giới như giữ tròn con mắt của mình vậy.

Đó là giới. Luật là gì? Luật là luật pháp, luật nghi. Ví dụ như 24 luật nghi ở trong tập Oai Nghi.

Cũng như kinh luận, luật chẳng kém phần quan trọng. Trong Phật giáo có cả một tạng luật. Khi đức Phật còn tại thế, nếu hàng Phật tử xuất gia hay tại gia có phạm tội lỗi gì thì đức Phật nói

cho ngài U Ba Ly nghe để sau này kết tập lại. Sau khi đức Phật nhập Niết bàn thì tạng luật do ngài U Ba Ly kết tập và giới luật đó được lưu hành cho đến ngày nay.

Giới luật do chính đức Phật chế ra chớ không phải hậu hiền sáng tác. Hậu hiền là chư tổ. Các tổ chỉ thêm bớt chút ít cho hợp thời, hợp cảnh, hợp cơ ở mỗi quốc độ. Vì vậy trong luật có nói: ‘Phật tiên chế luật, khải sáng phát mông’. Nghĩa là khi Phật còn tại thế, ngài chế ra giới luật để phát khởi, mở bày cho những ai còn mờ tối chưa biết được chơn tâm. Có giữ gìn, nghiêm trì giới luật cho thân tâm thanh tịnh ta mới thấy được chơn tánh, mới biết được chơn tâm. Do đó, mỗi giới luật đức Phật dạy rất cặn kẽ. Sự kiện này được thể hiện qua các bộ luật như bốn quyền luật trường hàng cho người mới xuất gia. Ngoài bốn quyền luật đó, người mới xuất gia còn phải học các luật giải của chư tổ để lại. Sau đó học Yết Ma Chỉ Nam, Luật Thập Tụng, Luật Ngũ Phần, Luật Tứ Phần, v.v... rất nhiều. Có nhiều vị tổ sư suốt đời chỉ tu về môn luật, không tu gì khác. Các ngài vẫn đạt đạo, thành tổ.

Tạng kinh, tạng luật là chính từ kim khẩu của đức Phật nói ra. Còn về tạng luận, chư tổ đời sau như các ngài Mã Minh, Thế Thân, Long Thọ v.v... dựa vào những ý chính mà đức Phật đã nói trong suốt cuộc đời hoằng pháp của đức Phật, để rồi thuyết minh, luận bàn và kết tập thành một tạng luận.

Tại pháp hội Linh Sơn, trong sự im lặng trầm hùng và linh thiêng, đức Phật đưa cành sen lên. Cả hội chúng không biết đức Phật muốn nói gì, riêng chỉ ngài Ma Ha Ca Diếp mỉm cười. Có lẽ nụ cười ấy đẹp lắm nên được gọi là ‘phá nhan vi tiếu’. Thì chính lúc đó, đức Phật nói với đại chúng trong pháp hội rằng: ‘Ta có chánh pháp nhân tàng, Niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, trao cho Ca Diếp’. Như vậy có nghĩa là ngài Ma Ha Ca Diếp đã được đức Phật trao truyền chánh pháp và y bát để làm tổ đầu tiên của Phật giáo. Các tổ kế tiếp là ngài A Nan, Thượng La Hòa Tu, Ưu Ba Cúc Đa v.v... cho đến tổ thứ 28 là tổ Bồ Đề Đạt Ma. Tổ thứ 27 là tổ Bát Nhã Đa La nhận thấy rằng Phật pháp Ấn độ rồi sẽ suy vi nên mới huyền ký bảo

ngài Bồ-đề-đạt-ma nên hàng hải mà qua Đông độ. Bởi vì Đông độ là một nước lớn, văn vật để hoằng hóa mỗi đạo bên đó.

Tại Đông độ (Trung Quốc), sự truyền thừa tổ vị được tiếp tục trao cho các tổ Huệ Khả, Tăng Xáng, Đạo Tín, Hoàng Nhẫn và cuối cùng là Huệ Năng. Đối với chư tổ sự truyền giới pháp qua ‘tổ tổ tương truyền’, còn y bát thì qua ‘tâm tâm tương ứng’. Nhưng tới tổ Huệ Năng là đã 33 đời tổ, và Phật pháp cũng đã bước qua thời kỳ Tượng Pháp. Sợ rằng sự tranh đoan, nhứt là về tổ vị, y bát, sẽ gây ra các cuộc tương tranh, do đó tới tổ Huệ Năng vấn đề truyền y bát được chấm dứt. Từ đó về sau mỗi khi truyền giới pháp, và y bát đều phải lập đàn truyền giới. Dĩ nhiên trong các giới đàn này phải chọn những vị có đạo hạnh cao. Trong đó phải có đủ tam sư là Hòa Thượng, thầy Yết Ma và thầy Giáo thọ. Và thất chúng là bảy vị tôn chúng cho giới đàn. Bảy vị này có nhiệm vụ xem coi giới đàn có đúng với chánh pháp, Phật pháp không.

Ngày nay, sự truyền giới so với ngày xưa có khác. Xưa các tổ có đạt đạo, chứng đạo mới

được truyền thừa y bát. Ngày nay thì truyền giới pháp và y bát trước rồi mới lo tu hành để chứng đạo sau.

Giới pháp được truyền cho hai chúng: xuất gia và tại gia. Người phát tâm xuất gia trước phải làm phép cạo bỏ râu tóc, xa lìa họ hàng, làng xóm. Trong thì nhất tâm nhất đức tu hành, ngoài không bao giờ có sự buồn rầu, tranh cãi. Giữ gìn đức tính không bao giờ cãi vả với ai, làm mất lòng ai v.v... giữ như vậy mới đúng là người xuất gia, làm được vậy mới lần hồi xuất được vô minh gia.

Người mới xuất gia, trước tiên lãnh thọ mười giới và được gọi là Sa di hay Sa di ni. Sau thời gian tu tập hai, ba năm, nhận thấy rằng sự tu hành có tiến bộ, khai thông được tâm địa, lúc đó mới bước lên đại giới mà lãnh thọ 250 giới. Khi nhận thấy đã giữ gìn 250 giới một cách hoàn mãn, đầy đủ thì chuẩn bị ra hoàng dương Phật pháp, tiếp nối huệ mạng của Phật.

Bên ni, đức Phật còn chế cho một giới nữa là Thúc Xoa Ma Na Ni, để ni giới chuẩn bị bước

lên đại giới. Giới này chỉ được thọ sau một năm thọ mười giới. Trong Thúc Xoa Ma Na Ni có sáu học chúng pháp, trong đó có 292 giới. Sau hai hoặc ba năm lãnh thọ Thúc xoa giới sẽ được thọ Tỳ Kheo Ni giới. Tuy nhiên vẫn còn tùy thuộc vào căn tánh của ni sinh mà quyết định cho thọ đại giới hay không.

Tỳ Kheo hay Tỳ Kheo Ni đều có trọng trách rất lớn là đại diện cho Phật mà tuyên dương Phật pháp và báo đền bốn ơn đức. Do đó, Tỳ Kheo hay Tỳ Kheo Ni phải có tâm rộng lớn bao la, giữ gìn giới luật.

Đức Phật căn cứ theo căn tánh của Tăng Ni mà số giới thọ lãnh có khác. Tăng có 250 giới nhưng Ni phải thọ 348 giới. Tại sao Ni giới lãnh thọ nhiều vậy? Chúng ta nên biết, đức Phật là bậc nhất thiết chủng trí, trí tuệ của ngài thông suốt tất cả. Ngài biết căn tánh của nam, nữ ra sao. Sự hiểu biết của ngài đúng với chơn lý, hợp với sự thật. Tánh của nữ giới có phần phiền toái, nhỏ hẹp hơn nam giới. Cho nên đức Phật mới chế thêm giới, thêm để mà giữ. Đây không phải là sự kỳ thị nam nữ. Lòng từ bi của đức Phật bao

la rộng lớn, có khi nào lại bức hiếp Ni giới. Ngoài ra, đức Phật còn chế ra phép ‘bát kính pháp’. Nhân vì bà Di Mẫu của đức Phật xin xuất gia, bà có công nhiều với Đức Phật, bà đã nhiều lần thưa với đức Phật nhưng đức Phật không cho. Đức Phật nghĩ rằng nếu vì tình cảm hoàng tộc mà để phái nữ đi tu thì sợ Phật pháp trụ thế không lâu trên cõi đời này. Phật nói rằng chánh pháp của Phật kéo dài một ngàn năm, mà để cho phái nữ xuất gia thì chánh pháp chỉ còn lại 500 năm. Sau đó ngài A Nan cũng đã nhiều lần vào xin với đức Phật cho bá mẫu xuất gia thì Phật bằng lòng nhưng với điều kiện ni chúng phải giữ thêm ‘bát kính pháp’.

Phật cũng chế luật cho hai chúng tại gia, tức là Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di. Luật tại gia có năm và tám giới. Tám giới dùng để thọ Bát quan trai. Khi đức Phật nói pháp đại thừa, đức Phật mới chế thêm một giới nữa gọi là ‘Đạo tục thông hành’. Cả xuất gia và tại gia đều chung giữ một giới. Đó là Bồ Tát giới. Bồ Tát giới có mười giới trọng và 48 giới khinh. Tại sao Phật lại cho thọ giới chung như vậy, bất kể giai cấp như vua

quan, thứ dân, tăng ni cho đến quỷ thần đều được thọ hết? Vì giới Bồ Tát chỉ có một mục đích là luôn luôn làm lợi ích cho chúng sanh, kêu là Tam tụ tịnh giới... Tam tụ tịnh giới gồm:

Nhiếp luật nghi pháp: Nghĩa là không có một việc xấu ác nào, dầu nhỏ cũng không dám làm.

Nhiếp thiện pháp giới: Không có một việc lành gì, dầu nhỏ cỡ nào cũng không bỏ qua.

Nhiều ích hữu tình giới: Luôn canh cánh trong lòng bốn phận làm lợi ích cho chúng sanh. Tại sao? Vì bồ tát hạnh phải coi chúng sanh như là mình, đồng thể đại bi, vì là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đã là Phật tánh thì sao ta có thể để cho Phật tánh đó bị đọa lạc luân hồi? Do đó phải giúp chúng sanh biết được họ có Phật tánh để họ tu. Thọ Bồ Tát giới tại gia là phải ăn chay trường. Bởi vì ăn chay trường là không sát sanh. Ăn chay kỳ vẫn còn ăn thịt chúng sanh. Mà chúng sanh lại ăn thịt chúng sanh sao được. Ăn thịt một chúng sanh giống như ăn thịt một ông Phật vậy. Do đó, cầu thọ Bồ Tát giới là phải ăn

chay trường, vị nào chưa ăn chay trường thì phải nguyện ăn chay từ ngày mình thọ giới Bồ Tát.

Giới được chia ra bốn khoa, đó là giới tướng, giới tánh, giới hạnh và giới thể. Giới tướng là những giới như không sát sanh, trộm cướp v.v... là những hình tướng, hành động ở bên ngoài trái với giới tánh. Giới tánh thì không có hình tướng, nó thuộc về những biến hành của tâm. Ví dụ như ý muốn sát hại một sinh vật, dù rằng không thực sự cầm dao hạ sát, ý sát hại chỉ có ở trong tâm mà thôi nhưng cũng phạm vào giới tánh. Giới hạnh là những hạnh đoan nghiêm của người xuất gia. Ngồi mà rung đùi, nhip chân, nói cười vô độ v.v... là những hành động làm mất đi giới hạnh của người xuất gia. Giới thể là mình đưa cái giới vào trong bản thể. Giới thể rất khó giải thích nếu không dùng ví dụ. Như khi truyền giới, giới sư hô: ‘Giới thứ nhất không được sát sanh, quý vị có giữ được không?’. Thì giới tử trả lời: ‘Dạ, giữ được’. Ba tiếng ‘Dạ, giữ được’ đi vào trong tâm thể của ta và sẽ không bao giờ mất, dù ta có chết cái thân này mấy chục lần đi nữa. Cho nên, thọ giới phải

cho đúng cách, để lỡ kiếp này tu chưa đắc quả thì kiếp sau nhớ kiếp mà tu. Khi chúng ta đã thọ giới rồi, mà có ý sát sanh, ví dụ như bị muỗi cắn, đau quá, ý muốn đánh vào chỗ bị cắn đau để giết chết con muỗi ác ôn đó, nhưng mà nghĩ tới lời hứa ‘Dạ, con giữ được’, tức là không sát sanh, lập tức ý tưởng đó bị tiêu diệt ngay. Nhiều lúc chúng ta đã giơ tay lên rồi, nhưng mà giới thể đó ngăn ta lại không cho ta tạo nghiệp sát. Đó là giới thể. Nếu không có giới thể thì cánh tay hạ xuống là giết đi một chúng sanh, dù đó chỉ là một con muỗi. Dù chúng ta có phạm giới, nhưng giới thể vẫn không bao giờ mất. Vì vậy khi thọ giới phải nói cho rõ ràng để đắc giới thể.

Học luật, chúng ta phải biết về khai, giá, trì, phạm, danh, chủng, tánh, tướng. Chúng ta phải hiểu lúc nào, khi nào, giới nào khai và phạm. Ví dụ như giới nói láo, giới uống rượu. Nhưng có những giới tuyệt đối giữ gìn, không thể khai cho được như giới sát sanh. Thành ra chúng ta phải biết thể nào là khai, giá, trì và phạm. Có những giới ta trì lại phạm. Thí dụ như khi thọ giới đại thừa, ta phát nguyện cứu độ tất cả chúng sanh.

Còn giới nguyên thủy cũng cứu độ chúng sanh vậy, nhưng mà cấm việc xúc chạm giữa nam, nữ. Nếu như có người nữ đương chết đuối dưới sông, mình là người biết lội, cứu được, nếu ta thọ giới nguyên thủy thì ta không dám nhảy xuống vớt đâu, vì động tới thân người nữ là phạm giới. Cho nên trì mà phạm. Còn nếu dùng giới đại thừa thì cứ việc xuống cứu cho người ta khỏi chết, không nghĩ chuyện nam, nữ, tăng hay tục. Chỉ nghĩ cứu mạng sống thôi. Cho nên phạm mà trì. Do đó chúng ta phải học luật để biết trường hợp nào khai, trường hợp nào giá v.v... biết để ứng dụng.

Thế nào là danh chủng tánh tướng? Học luật là phải hiểu các danh từ đó. Danh có ngũ tụ thiên, thất tụ. Vậy ngũ thiên, thất tụ là gì? Mỗi giới có chủng loại, ví dụ như giới vọng ngữ có bốn chủng loại là: Ý ngữ, vọng ngữ, ác ngữ và lưỡng thiệt. Riêng về tánh tướng, ta phải biết giới nào thuộc về tướng tội, giới nào thuộc về tánh tội. Ví dụ như mười giới của Sa di, bốn giới đầu là sát sanh, trộm cướp, dâm dục và nói dối thuộc về tánh tội. Vì từ nơi tánh của mình xuất phát ra mà gây tội. Còn từ giới uống rượu cho

đến giới thứ mười là thuộc về tướng tội, bởi vì có cái tướng bên ngoài ta mới phạm. Ví dụ như rượu, ta uống vào mới say, không rượu lấy gì say.

Đến đây chúng ta sẽ nói qua sự lợi ích khi thọ lãnh giới luật. Lợi ích nói không cùng. Khi thọ lãnh đầy đủ từ năm giới tại gia cho đến Tỳ Kheo giới là giới phẩm đầy đủ. Giới phẩm đây là giới hạnh đó. Có giới có hạnh lúc đó mới đem giáo pháp của Phật ra hoàng dương. Người không đức không hạnh giống như con chim học tiếng người, và những giáo pháp nói ra từ vị tu sĩ đó trở thành bánh vẽ, mà bánh vẽ sao no bụng đói!

Người giữ giới luật nghiêm minh kết quả là thân tâm được thanh tịnh, an vui và tự tại, dứt mọi điều khổ. Người thân tâm loạn động tự đem đau khổ đến cho mình. Một khi thân tâm thanh tịnh là thể nhập vào bản thể chơn tâm. Cho nên chữ đạo người ta định nghĩa là lý tánh tuyệt đối, cũng gọi là bản thể là vậy đó. Được vậy đều phải nhờ giới luật. Không giới luật ta không trở về được với tâm hoàn toàn sáng suốt giác ngộ. Tâm sáng suốt giác ngộ là tâm Phật. Vì vậy trong luật

đã nói:

Nhơn giới sanh định
Nhơn định phát huệ.
Thứ cơ thành tựu thánh đạo.
Bất phụ xuất gia chí chí hỷ.

Nhờ giữ giới nên tâm định, nhờ tâm định phát sanh trí huệ, nhờ có trí huệ mới chiếu phá vô minh, ngộ hầu thành tựu Phật đạo. Khởi cô phụ chí hướng xuất gia của mình. Thế chí hướng xuất gia là gì? Là khổ cực tương rau, dưa muối, áo mặc thô sơ, sống đời khổ hạnh, ngày ăn một bữa, không dám ăn nhiều sợ tu không tiến. Tu khổ hạnh để tiêu trừ nghiệp chướng cho dễ. Có tới 84.000 khổ hạnh trần lao, mà chúng ta không phát nguyện tu trì thì khó đạt đạo lắm. Do đó thắng duyên tu trì là giới luật. Một vị thiền sư để lại bài thơ rất hay, bài thơ không nói giới luật mà nói giải thoát, không nói chúng đạo mà nói chúng đạo.

‘Ước ao về bến siêu nhân,
Bất cầu thông cảm xa gần đó đây.
Buộc thuyền lấy giới làm dây,
Cắm thuyền có định làm cây đạo tràng.’

Soi thuyền đuốc tuệ tâm quang,
Mênh mông bể lặng huy hoàng trời trong.
trải bao ngày tháng chờ mong,
Thuyền về bến cũ muôn lòng thấm tươi.

Tám câu đều nói lý đạt đạo, ‘Ước ao về bến siêu nhân’, tu hành là hy vọng được thành Phật, và ‘bến siêu nhân’ là chỗ siêu thoát, thành Phật. ‘Bất cầu thông cảm xa gần đó đây’ nghĩa là gắng tu đối nội, đối ngoại, tự lợi, lợi tha. ‘Buộc thuyền lấy giới làm dây’, thuyền đây là thuyền Bát Nhã. ‘Cắm thuyền có định làm cây đạo tràng’. Lập đạo tràng truyền bá Phật pháp. ‘Soi thuyền đuốc tuệ tâm quang’. Lúc nào cũng lấy trí tuệ để soi sáng trên đường đời, đường tu. ‘Mênh mông bể lặng huy hoàng trời trong. Trải bao ngày tháng chờ mong’. Tu là hy vọng đạt đạo chứ gì. ‘Thuyền về bến cũ muôn lòng thấm tươi’, nghĩa là chúng ta thể nhập được chơn lý, đạt đạo dưới cội bồ đề thì muôn loài chúng sanh, hằng hà sa số đều kính phục. ‘Thuyền về bến cũ’ tức là trở về lại với ông Phật của mình. ‘Muôn lòng thấm tươi’ là chúng sanh đều được nhờ, như đức Phật thành đạo rồi ngài mới giáo hóa chúng sanh biết

được đường hướng tu chứng như ngài.

SÁM HỐI.

SÁM HỐI.

Nam Mô Thập Phương Thường Trú Tam
Bảo tác đại chúng minh.

Cùng đại chúng hiện diện thân mến.

Buổi khai thị hôm nay thầy sẽ nói về Đạo
Lý Sám Hối. Quý vị biết nhiều về sám hối đó
nhưng phần nhiều là về sự. Lý sám hối rất quan
trọng. Lý sám hối có công năng giải tỏa hết các

nghiệp hoặc đã tạo từ vô thủy đến nay. Các nghiệp hoặc vì đã tích tụ từ lâu nên trở thành một khối vững chắc như bê tông cốt sắt, rất khó phá vỡ, trừ khi ta giữ được tâm thanh tịnh.

Khi giữ tâm thanh tịnh cùng với thực hành lý sám hối, chúng ta mới có hy vọng chuyển được nghiệp mau chóng. Tâm vọng động, ngoài tác hại mất an lạc, nó còn góp phần bồi đắp thêm tội lỗi, oan khiên. Những tội lỗi dày đặc này được tạo bởi ba nghiệp. Thứ nhất là ý nghiệp. Ý loạn động, chạy theo tài, sắc, danh, thực, thù. Nghĩ qua nhiều lần đúc kết thành nghiệp, gọi là Ý nghiệp. Từ ý nghiệp dẫn đến khẩu nghiệp. Chúng ta ít khi nghĩ đến thiện nghiệp hay về vấn đề giải tỏa sanh tử luân hồi v.v... Ý nghiệp, thân nghiệp và khẩu nghiệp một khi đã tạo không bao giờ mất, chúng được huân tập vào A Lại Da thức, hay còn gọi là Tàng thức.

Từ ngày chúng ta khôn lớn đến giờ, đã tạo biết bao nhiêu nghiệp tội. Lúc nào tâm chúng ta cũng vọng động, ít ai giữ chánh niệm hay nghĩ tới chánh pháp. Hãy cố gắng thực tập chánh niệm. Như thầy dạy, trong 24 giờ, ý nghĩ, lời

nói, hành động thủy đều nằm trong chánh pháp. Không bao giờ thầy nghĩ chuyện đời, hay về những tư lợi riêng. Lời nói cũng vậy, có bao giờ thầy phạm bốn lỗi của miệng không? Nhiều khi nói ngọt sớt trong chúng không nghe, thầy phải phương tiện dùng giọng đanh thép để răn chúng. Hành động như vậy là Bồ Tát hạnh đó.

Trong kinh Lăng Nghiêm có câu: ‘Một niệm vọng động bất giác vô minh, sanh ra sơn hà đại địa, thế giới chúng sanh’. Trước đó thì không có chúng sanh hay Phật (Oai âm dương dĩ tiền, vô Phật vô chúng sanh danh). Tâm chúng ta lúc đó là chơn tâm, là tâm cộng đồng sáng suốt giác ngộ. Nhưng vì một niệm vọng động bất giác vô minh, chúng ta bị lôi cuốn vào, luân chuyển theo cơn lốc mà nhà Phật gọi là Luân Hồi. Luân hồi sanh tử, tử sanh trong sáu đường, đúc kết bao nhiêu nghiệp. Trong Thủy Sám có đoạn nói:

‘Hà nhờn vô tội, hà giả vô khiên,
Phàm phu ngu hành, vô minh ám phú.
Thân cận ác hữu, phiền não loạn tâm.
Lập tánh vô tri, tứ tâm tự thị.
Bất tín thập phương chư Phật,

Bất kính tôn pháp thánh tăng.

Bất hiếu phụ mẫu v.v...’

Nghĩa là không ai không có tội, không ai không lỗi khi còn mang thân tứ đại này. Hàng phàm phu vì bị màn vô minh che lấp chơn tánh nên ngu mê, mờ ám thân cận ác hữu, tà giáo. Chuốc lấy phiền não loạn tâm. Buông lòng tự thị, không tin Phật, Pháp và Tăng, không thảo thuận với cha mẹ. Trong kinh Địa Tạng có câu: ‘Cử tâm động niệm vô phi thị tội’. Tâm chúng ta vừa phóng nghĩ thì tội lỗi liền sanh. Vì vậy thầy thường khuyên đại chúng phải nhứt tâm chánh niệm, khi ta nhứt tâm chánh niệm thì các nghiệp chướng, tội lỗi theo đó mà trôi đi.

Thầy có làm bài kệ dựa vào bốn chữ ‘sám hối nghiệp chướng’ như sau:

Sám trừ tội lỗi đã qua.

Hối cải tật xấu trong ta dứt mòn.

Nghiệp hoặc rửa sạch lòng son.

Chướng duyên trong sáng, đạo tròn quả cao.

Chúng ta sám hối để dứt trừ các tật xấu,

nhưng vì không thể dứt trừ nhanh chóng các tội lỗi như các vị Bồ Tát nên thầy mới dùng chữ ‘dứt mòn’. Khi sám hối, chúng ta rửa đi mỗi ngày một chút nghiệp hoặc để tâm hồn trở nên sâu sắc, sáng suốt, giác ngộ và giải thoát. Chướng duyên là những gì ngăn cản bước tiến của ta. Ai cũng gặp phải chướng duyên trên bước đường tu, một khi thông suốt thì đạo sẽ tròn, quả sẽ cao.

Sám hối được định nghĩa là:

Sám giả sám kỳ tiền khiên.

Hối giả hối kỳ hậu quả.

Nói theo tiếng Việt là ăn năn và chừa lỗi. Sám trừ bao nhiêu lỗi lầm từ đời trước cho đến bây giờ. Đó là nghĩa của chữ ‘sám’. ‘Hối’ là ăn năn những gì mà trước đây mình lỡ đã làm và nguyện về sau không tái phạm nữa. Nói nôm na ‘hối’ là hối hận, là sửa đổi và chừa không tạo những lỗi lầm xưa. Xưa kia bên Ấn độ, chữ ‘Ksammayati’ được dùng để chỉ sự sám hối. Khi qua đến Trung Quốc, chư tổ nhận thấy chữ ‘Ksammayati’ không đủ nghĩa, vì chữ Ksammayati chỉ có nghĩa là sám. Cho nên chư tổ mới thêm vào chữ hối. Sám mà không chừa lỗi

thì cũng hoàn không, do đó phải có hối. Thành ra chữ ‘sám hối’ là chung cả tiếng Phạn và tiếng Hoa.

Khi nói tới lý sám hối thì phải đề cập đến Vô Sanh sám hối. Thế Vô Sanh sám hối là gì? Về nghi thức của Vô Sanh sám hối thì thật đơn giản, ta có thể ngồi ở bất cứ đâu thanh tịnh, không hẳn phải trước điện Phật và sám hối bằng cách quán sát. Quán tâm vô sanh, quán pháp vô sanh. Quán tâm niệm của chúng ta trong ba thời hiện tiền không có, quá khứ không có và vị lai cũng đều không. Trong kinh Kim Cương Phật nói: ‘Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc’. Nghĩa là ba thời tâm không có. Tâm quá khứ, thời gian đã qua rồi. Hiện tại, tâm chúng ta cứ lăng xăng, sanh diệt không ngừng, cho nên tìm tâm hiện tại cũng không được, còn tâm vị lai thì chưa đến. Vì vậy trong ba thời tìm tâm đều không được cả.

Chúng ta phải quán sao cho vọng tâm dừng phát khởi, được vậy chơn tâm mới lưu lộ. Khi thực tập lý sám hối, chúng ta phải ngồi trong tư thế như ngồi thiền mà quán tâm vô sanh.

Kế đến là quán pháp vô sanh. Khi còn mê, chúng ta không thể chỉ quán tâm vô sanh mà còn phải quán pháp vô sanh nữa. Vì khi mê, tâm pháp là hai thực thể riêng biệt, nhưng khi ngộ tâm pháp trở thành một.

Quán thật tướng của các pháp hiện tiền trong cái sanh diệt. Khi quán thuần thực, chúng ta sẽ thấy rằng thật tướng của muôn sự muôn vật không có thật, không sanh không diệt, chỉ vì vọng tưởng điên đảo mà các pháp có sanh có diệt. Ví dụ như cái bàn đây, nói về vọng tưởng thì đủ duyên nó sanh, hết duyên nó diệt, nhưng thể của cái bàn thì không sanh không diệt. Nhận hiểu được lý này thì mới hiểu được lý sám hối. Quán các pháp hiện tiền thể không sanh diệt. Khi thể không sanh diệt mà ta thấy có sanh diệt thì đó là vọng. Khi diệt hết vọng tưởng sanh diệt thì chơn tâm không sanh diệt hiển bày.

Sanh diệt diệt dĩ.

Tịch diệt vi lạc.

Khi sanh diệt, diệt rồi thì tịch diệt là chơn an lạc, Niết bàn hiển lộ. Lý này rất khó nhận, chúng ta phải cố gắng thâm nhập.

Tóm lại, tội tánh vốn không, nhưng vì vọng động nên có tội lỗi, cũng như nguyên văn câu: ‘Tội tánh bản không, do tâm tạo’. Khi nhận chân được cái thể của tâm và pháp thì không có tội lỗi nào sanh ra cả. Đó là quán tâm vô sanh. Về quán pháp vô sanh, ta biết rằng vạn vật đồng một thể. Thể đây không phải là những nguyên tử nhỏ nhít, mà đồng một thể vô ngã. Theo lý Duyên sanh, các pháp đều do duyên hợp. Cái bàn, cái nhà đều do các duyên hợp lại mà thành, chúng ta vì vọng tưởng đặt tên những ‘hợp duyên’ đó là cái nhà, cái bàn v.v... chú thật ra chúng nó không có tự thể thì sao có tên được.

Trong lý sám hối, chúng ta không cần lập đàn tràng, không cần lễ bái v.v... Nhưng lý sám hối ít người thông hiểu, vì thế chư tổ để lại rất nhiều phương pháp sám hối. Dù cho tu về pháp môn nào cũng đều cần phép sám hối cả, vì có sám hối mới chuyển được nghiệp. Các pháp môn sám hối như sau:

Tác pháp sám hối: Phép sám hối này cần có đàn tràng. Đàn tràng được thiết lập ở nhà hoặc ở chùa, rồi thỉnh một vị Tăng đạo hạnh chứng

minh. Chúng ta phát lồ sám hối trước vị thầy, có nghĩa là nói lỗi của mình trước vị thầy đó. Sau khi thổ lộ tội lỗi thì ta phải thành tâm sám hối. Khi sám hối xong, chúng ta ngồi đó với lòng thành kính đến khi nào cảm thấy thân tâm nhẹ nhàng, thờ thối, an vui thanh tịnh. Chùng đó chúng ta biết rằng tội đã diệt, phước đã sanh, căn lành thêm lớn. Đó là Tác Pháp Sám Hối.

Thủ tướng sám hối: Phép sám hối này giành cho những Phật tử ở những nơi không có chùa chiền, không có ngôi thể gian trụ trì Tam Bảo. Thủ tướng nghĩa là giữ gìn hình tướng. Cũng có đàn tràng, thỉnh một tượng Phật hay tượng một vị Bồ Tát. Phép sám hối này không có Tăng hay Ni chứng minh, mà ta chỉ quỳ trước Phật đài thành tâm phát lồ sám hối. Sau đó, ta ngồi trước Phật đài từ một giờ cho đến nhiều giờ đến khi nào cảm thấy có hảo tướng hiện ra, lúc ấy tội mới diệt, phước mới sanh. Những hảo tướng gì? Ví dụ khi nhìn thấy tượng Phật hay Bồ Tát hiển lộ phóng quang. Đó là hảo tướng. Hay là nhìn thấy cật đèn phát ra những tia sáng sáng rực, sáng hơn bình thường, hay cây nhang uốn

cong v.v... Hay trong thân tâm nhẹ nhàng hơn lúc trước thì biết tội đã diệt, phước đã sanh.

Hồng danh sám hối: Pháp sám hối này chủ yếu là lễ 108 lạy. Cũng có nghĩa để tiêu trừ 108 căn bản phiền não trong ta. Phép sám hối này do ngài Bất Động pháp sư triều đại nhà Tống bên Trung Quốc soạn ra, không phải do Phật chế.

Dược Sư sám hối: Sám hối bằng cách tụng kinh Dược Sư. Cứ sau mỗi một đoạn kinh là lễ lạy những danh hiệu Phật.

Từ bi tam muội thủy sám: Trong phép sám này, ta sám hối bằng cách tụng kinh Từ Bi Tam Muội Thủy Sám. Kinh này rất dài, do đó phải được tụng trong nhiều ngày. Khi tụng, ta nên tụng chậm rãi và rõ ràng. Nội dung kinh dẫn ta qua các điều tội lỗi của thân, khẩu và ý để ta nhận diện, lễ lạy các danh hiệu Phật và phát lồ sám hối.

Đại bi sám pháp: Là lạy Bồ Tát Quan Thế Âm để giải tỏa các tội chướng, nghiệp chướng.

Pháp Hoa Sám hối: Vừa lạy vừa tụng kinh

Pháp Hoa, mỗi câu là lễ một lạy.

Tất cả những pháp sám hối vừa kể tuy có khác nhau, nhưng cuối cùng chỉ với một mục đích duy nhất là giải tỏa cho hết những tội lỗi oan khiên, những báo chướng chúng ta đã tạo trong đời trước, mà chúng ta phải trả trong đời này. Điều quan trọng nhất của pháp sám hối là chúng ta đừng chỉ tạo thêm tội trong đời hiện tại.

Có những việc xảy ra là vì chúng ta phải trả những quả báo đời trước, cũng có những việc do ta mới gây ra trong đời này. Trong cả hai trường hợp chúng ta đều nên biết và giải tỏa. Thí dụ như có hai người vừa mới gặp nhau lại tâm đầu ý hợp, nhưng cũng có lúc mới gặp lại ghét nhau cay đắng, ghét đến nỗi cả tướng đi của họ mình cũng ghét. Trường hợp này xảy ra cả trong gia đình anh em với nhau. Những chuyện ân oán đều có nhưn đời trước, hoặc thiện hoặc ác. Nếu là thiện thì tâm tâm tương ứng, nhiều khi đi đến chỗ luyến ái, rồi gây nên oan gia nghiệp chướng. Khi biết đạo là chúng ta phải giải tỏa. Giải tỏa bằng cách nào? Người tu hành nên thanh tịnh mà giải tỏa. Trong trường hợp vừa gặp nhau đã

không ưa nhau, chúng ta nên quán sát xem những oan khiên này chúng ta đã tạo trong mấy đời, hay đã thâm căn lữ kiếp. Dù sao cũng phải giải tỏa cho hết. Chúng ta giải tỏa bằng cách phát tâm từ bi hỷ xả. Giả sử nhiều đời trước ta đã tạo sát nghiệp với họ, đến kiếp này, quả đã thuần thực, khi gặp lại họ, họ đòi thì ... A Di Đà Phật hoan hỷ mà trả, không gì trách móc, buồn phiền, ảo não. Được vậy, khi xả báo thân này là ta hiển thánh ngay.

Các pháp sám hối kể trên thuộc về sự tướng sám hối. Tuy nhiên nhờ vào bản văn tụng đọc chúng ta có thể trực nhận ra lý sám hối. Khi trực nhận ra lý sám hối thì thân tâm chúng ta được nhẹ nhàng, thanh thoát, thì tội lỗi đâu còn trong ta. Vì vậy, muốn giải tỏa các nghiệp chướng, chúng ta làm việc gì cũng nên làm với cái tâm bồ đề, tâm giác ngộ thì các tội chướng, nghiệp chướng theo đó bị tiêu diệt.

Trong pháp Sám Hối Hồng Danh có câu: ‘Ngã kim phát tâm, bất vị tị cầu, Như Thiên phước báo, Thanh Văn, Duyên Giác nãi chí quyền thừa, chư vị Bồ Tát. Duy y tối thượng

thừa phát bồ đề tâm, nguyện dĩ pháp giới chúng sanh nhứt thời đồng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề’. Nghĩa là con phát tâm sám hối, phát tâm làm việc đạo không vì muốn cầu phước báo của cõi người, cõi trời và của hàng Thanh Văn, Duyên Giác cho đến quyền thừa Bồ Tát. Duy nhất con chỉ phát tâm bồ đề tối thượng thừa, nguyện cùng chúng sanh trong pháp giới đồng thời đạt cho được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng, Chánh Giác, tức là tâm Phật vậy. Phải nhập cho được tâm Phật của mình. Không phải sám hối để xin được vô tội, để tăng thêm chút phước, rồi sau này hưởng phước ở cõi người, cõi trời. Quý vị hãy hiểu thật rõ nghĩa sám hối và y theo đó mà hành trì.